

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN
HAI AN TRANSPORT AND
STEVEDORING JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness**

Số: 0403-2026/CBTT-HAH
No.: 0403-2026/CBTT-HAH

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026
Hanoi, 06 March 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG/
EXTRAORDINARY DISCLOSURE OF INFORMATION**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission of Vietnam*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN (“Công ty”)/ *HAI AN TRANSPORT AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY (“the Company”)*
Organization name
- Mã chứng khoán/ : HAH
Securities code
- Địa chỉ/ *Address* : Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *7th Floor, No. 45, Trieu Viet Vuong Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam*
- Điện thoại/ *Telephone* : 024.39877515
- Fax : 024.39444022
- Email : info@haiants.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Content of disclosure:*

“Báo cáo thường niên năm 2025” của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An/ *“Annual Report for the year 2025” of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.*

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/03/2026 tại đường dẫn www.haiants.vn/ *This information has been disclosed on the Company’s official website on 06 March 2026 at the following link: www.haiants.vn.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate, and we assume full responsibility before the law for the contents of the disclosed information.*

Tài liệu đính kèm/ *Attached document:

- Báo cáo thường niên năm 2025/
Annual Report for the year 2025

**Người được ủy quyền công bố thông tin/
*Authorized person for information disclosure***



Nguyễn Ngọc Minh



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

ANNUAL REPORT



 +84-24-39877515

 www.haiants.vn

 info@haiants.vn

DẤU MỐC QUAN TRỌNG

Company Milestones (2009-2019)

2019



Mua tàu container HAIAN MIND.
Purchasing vessel - MV "HAIAN MIND".



Mở tuyến Hải phòng - Hồng Kông - Nam Trung Quốc.
Opening HPH - HKG - South China service.

2017



Chính thức trở thành Tổng đại lý cho hãng tàu SM Line - Hàn Quốc.
Officially became General Agent in Viet Nam for SM Line Corporation (Korea).



Thành lập Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An.
Hai An Freight Forwarding JSC was established.

2015



Mua tàu container HAIAN TIME.
Purchasing vessel - MV "HAIAN TIME".



Thành lập Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.
Hai An Container Transport Co.Ltd., was established.



Chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu: HAH.
Officially listed on the Ho Chi Minh stock exchange (HOSE) with stock code: HAH.

2013



Khai trương tuyến vận tải container nội địa tuyến Hải Phòng - TP. Hồ Chí Minh.
Grand opening Domestic Liner Container Service: HPH - HCM.

2010



Thành lập Công ty TNHH Cảng Hải An, ngày 12/12/2010 Cảng Hải An chính thức đi vào hoạt động.
Hai An Port Co.Ltd., was established and Hai An terminal was officially put in operation on 12/12/2010.

2018



Mua tàu container HAIAN LINK.
Purchasing vessel - MV "HAIAN LINK".



Liên doanh với Pantos Holding (Hàn Quốc) thành lập Công ty TNHH Pan Hải An.
Signed Joint Venture Contract with Pantos Holding Inc. (Korea) to establish: Pan Hai An Co.Ltd.,



Mua tàu container HAIAN BELL.
Purchasing vessel - MV "HAIAN BELL".

2016



Khai trương tuyến Liner vào Cảng Cái Mép.
Grand opening Liner service to CAIMEP Port.

2014



Mua tàu container đầu tiên mang tên HAIAN PARK.
Purchasing 1 vessel - MV "HAIAN PARK".

2012



Thành lập Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.
Hai An Agency and Logistics Co.Ltd., was established.



Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An.
Hai An General Services JSC was established.

2009



Thành lập Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An, sau đổi tên là Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An.
Hai An Transport and Stevedoring Co.Ltd., was established, later renamed to Transport and Stevedoring JSC.



Khởi công xây dựng Cảng Hải An.
Starting construction of Hai An Port.

DẤU MỐC QUAN TRỌNG

Company Milestones (2020-2025)



Đầu tư 02 tàu container, nâng đội tàu lên 18 chiếc với tổng sức chở 29.300 Teu.

Invested in two container vessels, increasing the fleet to 18 ships with a total capacity of 29,300 TEUs.



Hải An ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới.
Hai An officially launched its new brand identity.

2024



Lễ công bố hợp tác đầu tư với các Quỹ đầu tư lớn trong việc phát hành thành công 500 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ: JSEAFF, DSVGF, VGIF và SSIAM.

Announced investment cooperation with major investment funds in successfully issuing 500 billion VND in privately placed convertible bonds: JSEAFF, DSVGF, VGIF and SSIAM.



Tiếp nhận thành công 3 tàu đóng mới còn lại mang tên: HAIAN BETA, ANBIEN SKY, HAIAN OPUS.
Successfully received the remaining three newly built vessels: HAIAN BETA, ANBIEN SKY, and HAIAN OPUS



Vốn điều lệ Công ty tăng lên 1.055 tỷ đồng.

The Company's charter capital increased to VND 1,055 billion.



Công ty nhận bàn giao tàu container 1.800 TEU đóng mới đầu tiên mang tên HAIAN ALFA

The company took delivery of its first newly built 1,800 TEU container ship, HAIAN ALFA

2022



Mở tuyến Hải Phòng – Nansha, Hải Phòng – Qinzhou (Trung Quốc)
Opening HPH – Nansha & HPH – Qinzhou (China)



Mua tàu container ANBIEN BAY, HAIAN CITY và tàu A ROKU
Purchased vessel – MV "ANBIEN BAY", "HAIAN CITY" & "A ROKU"

2025



Ký hợp đồng đóng mới 02 tàu container 3.000 TEU với Công ty TNHH Jiangsu New Yangzi Shipbuilding của Trung Quốc.

Signed a contract for the construction of two 3,000 TEU container vessels with Jiangsu New Yangzi Shipbuilding Co., Ltd., China.



Ký hợp đồng đóng mới 02 tàu container 7.100 TEU với China Shipbuilding Trading Co., Ltd (CSTC) và Dalian Shipbuilding Industry Co., Ltd (DSIC) của Trung Quốc.

Signed contracts for the construction of two 7,100 TEU container vessels with China Shipbuilding Trading Co., Ltd. (CSTC) and Dalian Shipbuilding Industry Co., Ltd. (DSIC).



Đầu tư 350 vỏ container mới loại 20' tại Tập đoàn Hòa Phát.

Invested in 350 new 20' containers from Hoa Phat Group.



Nhận bàn giao thành công tàu container 3.500 TEU, HAIAN GAMA

Successfully took delivery of the 3,500 TEU container vessel, HAIAN GAMA.

2023



Liên doanh với Zim thành lập Lotus Link mở tuyến chạy thẳng Việt Nam – Malaysia - Ấn Độ: Hải Phòng - TP. HCM - Port Kelang - Kattupalli – Chu Lai - TP. HCM - Hải Phòng.

Joint venture with Zim to establish Lotus Link, launching a direct shipping route between Vietnam, Malaysia, and India: Hai Phong - Ho Chi Minh City - Port Kelang - Kattupalli - Chu Lai - Ho Chi Minh City - Hai Phong.



Khai trương dịch vụ khai thác container tại Cảng Quốc tế Long An.

Inauguration of container handling services at Long An International Port.

2021



Mua tàu container HAIAN EAST và HAIAN WEST
Purchasing vessel – MV "HAIAN EAST" & MV "HAIAN WEST".

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

ANNUAL REPORT

HAI AN TRANSPORT AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Năm báo cáo: 2025

Report year: 2025

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên công ty/ *Company name* : Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An
Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký DN số/ *Business Registration Certificate No.:* : 0103818809 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 05 năm 2009, cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 22 tháng 08 năm 2025
0103818809 issued by the Hanoi Department of Finance on May 8, 2009, with the 20th amendment issued on August 22, 2025.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital* : 1.688.612.120.000 đồng
(Bằng chữ: Một nghìn sáu trăm tám mươi tám tỷ sáu trăm mười hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng)
1,688,612,120,000 VND
(In words: One trillion six hundred eighty eight billion six hundred twelve million one hundred twenty thousand Vietnam dong)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital* : 1.688.612.120.000 đồng
1,688,612,120,000 VND
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address* : tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
7th Floor, No. 45 Trieu Viet Vuong Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi
- Điện thoại/ *Telephone* : (84-24) 3987 7515
- Fax : (84-24) 3974 4022
- Website : www.haiants.vn
- Mã chứng khoán/ *Securities code* : HAH

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh chính/ *Main Business lines:*

- + Xây dựng và cung cấp các dịch vụ cảng biển: Bốc xếp, lưu giữ hàng hóa,
Developing and providing seaport services: Cargo handling, storage, etc.
- + Vận tải hàng hóa bằng đường biển
Freight transportation by sea
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
Freight transportation by road. Engaging in multimodal transportation business.
- + Dịch vụ logistics.
Logistics services.
- + Dịch vụ đại lý vận tải biển.
Marine transportation agency services.

- **Địa bàn kinh doanh/ *Location of business:*** Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

3.1 Mô hình quản trị của công ty/ *Governance model:* Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc/ *General Meeting of Shareholders, Board of Control, Board of Directors, General Director.*

- Đại hội đồng cổ đông/ *General Meeting of Shareholders*

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

The General Meeting of Shareholders is the highest authority of the Group, responsible for approving the Board of Directors' reports on business operations, deciding on business and investment plans, discussing and approving amendments to the Group's Charter, endorsing development strategies, appointing and dismissing members of the Board of Directors and the Board of Control, determining the Group's organizational structure, and performing other duties as stipulated by the Law on Enterprises.

- Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Board of Directors (BOD)*

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra gồm 7 thành viên, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty.

The Board of Directors is the highest managerial body of the Group, elected by the General Meeting of Shareholders, consisting of 7 members. The members of the Board of Directors convene to elect the Chairman of the Board. On behalf of the Group, the Board of Directors decides on all matters related to the Group's objectives and interests as stipulated in the Group's Charter.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT của Công ty bao gồm các thành viên sau:

The Board of Directors is responsible for appointing, assigning tasks to, and supervising the Executive Board and other management personnel. The rights and obligations of the Board of Directors are defined by law, the Group's Charter, internal regulations, and resolutions of the General Meeting of Shareholders. The Group's Board of Directors consists of the following members:

Ông Vũ Thanh Hải <i>Mr. Vu Thanh Hai</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>
Bà Trần Thị Hải Yên <i>Ms. Tran Thi Hai Yen</i>	Thành viên HĐQT độc lập <i>Member of BOD</i>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn <i>Mr. Nguyen Ngoc Tuan</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of BOD</i>
Ông Phạm Quang Khánh <i>Mr. Pham Quang Khanh</i>	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2025) <i>Member of BOD (Dismissed on June 26, 2025)</i>
Ông Nguyễn Đức Kiên <i>Mr. Nguyen Duc Kien</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of BOD</i>
Ông Nguyễn Văn Trúc <i>Mr. Nguyen Van Truc</i>	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/06/2025) <i>Member of BOD (Dismissed on June 26, 2025)</i>
Ông Lê Anh Minh <i>Mr. Le Anh Minh</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of BOD</i>
Ông Nguyễn Xuân Dũng <i>Mr. Nguyen Xuan Dzung</i>	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2025) <i>Member of BOD (Appointed on June 26, 2025)</i>
Ông Tạ Công Thông <i>Mr. Ta Cong Thong</i>	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/06/2025) <i>Member of BOD (Appointed on June 26, 2025)</i>

- **Ban Kiểm soát (BKS)/ Board of Control (BOC)**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện

tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

The Board of Control is the body responsible for monitoring and reviewing the reasonableness and legality of the Group's management, business operations, and the recording of accounting and financial records to ensure the legitimate interests of shareholders, as stipulated in the Group's Charter. The Board of Control operates independently from the Board of Directors and the Executive Board. Currently, the Board of Control consists of 3 members elected and dismissed by the General Meeting of Shareholders. The Group's Board of Control includes:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban
<i>Ms. Nguyen Thi Thanh Tu</i>	<i>Head of BOC</i>
Bà Trần Thị Thơm	Kiểm soát viên
<i>Ms. Tran Thi Thom</i>	<i>Member of BOC</i>
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Kiểm soát viên
<i>Mr. Nguyen Manh Hung</i>	<i>Member of BOC</i>

- **Ban Tổng Giám đốc/ Board of Management**

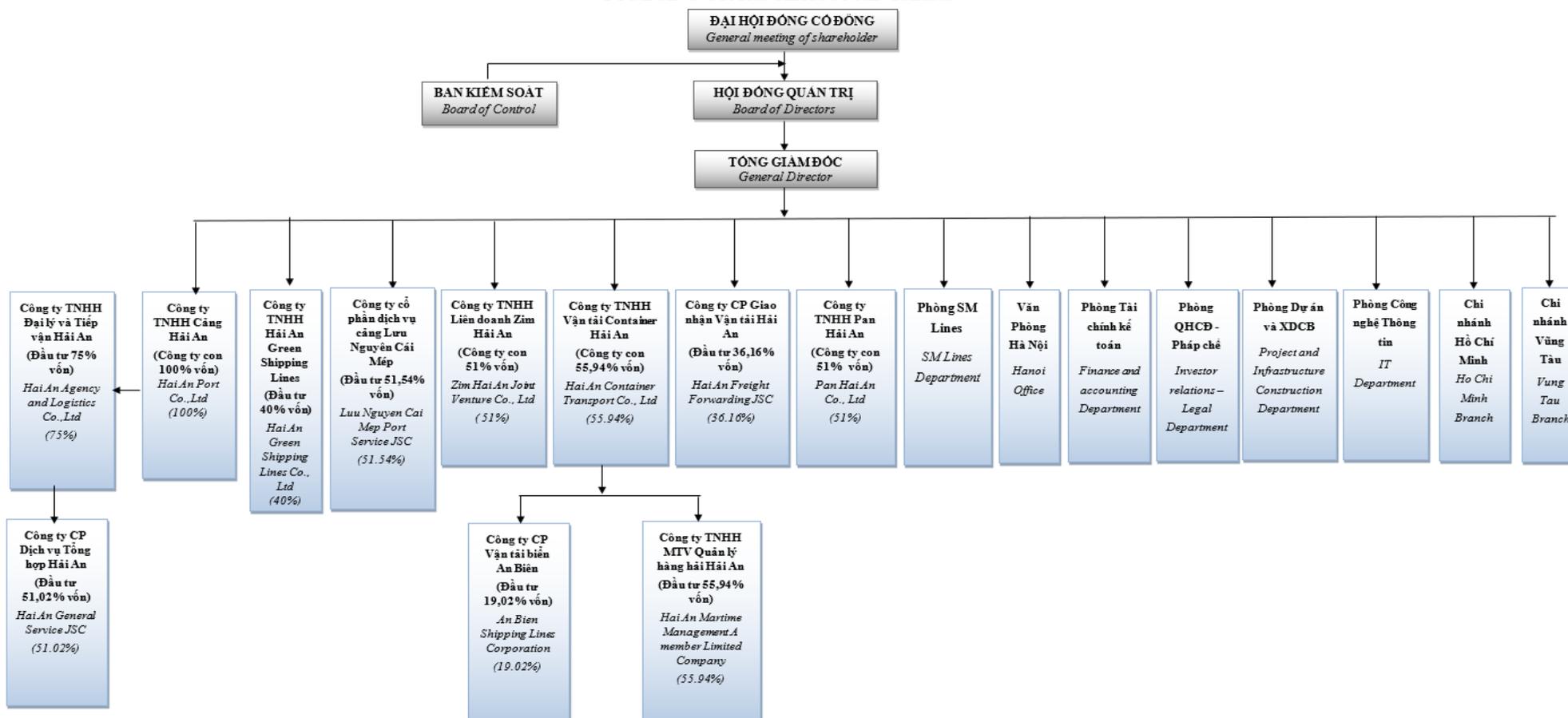
Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban TGD Công ty bao gồm:

The General Director, appointed by the Board of Directors, is the legal representative of the Group and is responsible for managing the Group's daily business operations. The General Director is accountable to the Board of Directors and the law for the Group's business activities. The Group's Board of Management includes:

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
<i>Mr. Nguyen Ngoc Tuan</i>	<i>General Directors</i>
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng giám đốc
<i>Mr. Vu Doan Hanh</i>	<i>Deputy General Directors</i>
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng giám đốc
<i>Mr. Pham Quang Khanh</i>	<i>Deputy General Directors</i>
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng Công ty
<i>Ms. Tran Thi Thanh Hao</i>	<i>Chief accountant</i>

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY
COMPANY ORGANIZATIONAL CHART



Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, Associated companies:*

TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ (đồng) Charter capital (VND)	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2025 Ownership percentages on December 31,2025	Trụ sở Head office
1	Công ty TNHH Cảng Hải An <i>Hai An Port Co.,Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary</i>	100.000.000.000	Khai thác cảng, cung cấp dịch vụ bốc xếp, giao nhận, kho bãi, vận chuyển đường bộ ... <i>Port operation, cargo handling services, freight forwarding, warehousing, and road transportation.</i>	100%	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành Phố Hải Phòng <i>1st Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai Ward, Hai Phong City</i>
2	Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An <i>Hai An Agency and Logistics Co.,Ltd</i>	Công ty con gián tiếp <i>Indirect subsidiary</i>	75.000.000.000	- Tổ chức vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đại lý vận tải đường biển, logistics. <i>Organizing coastal and ocean freight transportation, maritime transportation</i>	75%	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành Phố Hải Phòng <i>5th Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai Ward, Hai Phong City</i>

TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ (đồng) Charter capital (VND)	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2025 Ownership percentages on December 31,2025	Trụ sở Head office
				<p>agency services, and logistics.</p> <p>- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải....</p> <p><i>Inland waterway freight transportation and other supporting services related to transportation.</i></p>		
3	<p>Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS) <i>Hai An General Service JSC</i></p>	<p>Công ty con gián tiếp <i>Indirect subsidiary</i></p>	10.000.000.000	<p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa...</p> <p><i>Road freight transportation, cargo handling, warehousing, and storage</i></p>	51,02%	<p>Tầng 3, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải, Thành Phố Hải Phòng</p> <p><i>3rd Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai Ward, Hai Phong City</i></p>

TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ (đồng) Charter capital (VND)	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2025 Ownership percentages on December 31,2025	Trụ sở Head office
4	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An <i>Hai An Container Transport Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary</i>	200.000.000.000	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Coastal and ocean freight transportation.</i> - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa... <i>Inland waterway freight transportation.</i>	55,94%	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành Phố Hải Phòng <i>5th Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai Ward, Hai Phong City</i>
5	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <i>Hai An Freight Forwarding JSC</i>	Công ty liên kết <i>Associate Company</i>	33.050.000.000	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (bao gồm cho thuê tàu khai thác và thuyền viên) <i>Coastal and ocean freight transportation (including</i>	36,16%	Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội <i>Room 3B, 3rd Floor, Block B, Green Pearl Building, No. 378 Minh Khai, Vinh Tuy Ward, Hanoi</i>

TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ (đồng) Charter capital (VND)	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2025 Ownership percentages on December 31,2025	Trụ sở Head office
				<p>vessel chartering and crew management).</p> <p>- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Inland waterway freight transportation.</p> <p>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Warehousing and storage of goods.</p>		
6	Công ty TNHH Pan Hải An Pan Hai An Co., Ltd	Công ty con Subsidiary	273.770.000.000	<p>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ kho bãi, bãi container và lưu giữ hàng hóa</p>	51%	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ (đồng) Charter capital (VND)	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2025 Ownership percentages on December 31,2025	Trụ sở Head office
				<p>Warehousing and storage of goods <i>Details:</i> Warehouse services, container yard services, and goods storage. - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa và công-ten-nơ bằng đường thủy nội địa <i>Inland waterway freight transportation</i> <i>Details:</i> Freight and container transportation services via inland waterways.</p>		<p>6th Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai Ward, Hai Phong City</p>

TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ (đồng) Charter capital (VND)	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2025 Ownership percentages on December 31,2025	Trụ sở Head office
7	Công ty cổ phần vận tải biển An Biên <i>An Bien Shipping Lines Corporation</i>	Công ty liên kết của công ty con <i>Associate of subsidiary</i>	250.000.000.000	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Coastal and ocean freight transportation.</i>	19,02%	Lô đất KB2.11 KCN MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành Phố Hải Phòng <i>Lot KB2.11 Mp Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai 2 Ward, Haiphong City</i>
8	Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An <i>Zim Hai An Joint Venture Co., Ltd</i>	Công ty con <i>Subsidiary</i>	46.110.000.000	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Coastal and ocean freight transportation.</i>	51%	Tầng 02, Tòa nhà Đình Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng <i>2nd Floor, Dinh Vu Building in Dinh Vu Terminal Service Area, Dong Hai Ward, Haiphong City</i>

TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ (đồng) Charter capital (VND)	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2025 Ownership percentages on December 31,2025	Trụ sở Head office
9	Công ty TNHH Một thành viên quản lý hàng hải Hải An <i>Hai An Maritime Management a Member Limited Company</i>	Công ty con gián tiếp <i>Indirect subsidiary</i>	9.000.000.000	- Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Labor supply and management.</i>	55,94%	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng <i>1st Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai Ward, Hai Phong City</i>
10	Công ty cổ phần Dịch vụ cảng Lưu Nguyễn Cái Mép <i>Luu Nguyen Cai Mep Port Service JSC</i>	Công ty con <i>Subsidiary</i>	90.000.000.000	- Bãi Container và dịch vụ Cảng <i>Container Yard and Port Services</i>	51,54%	Tổ 13, khu phố Thị Vải, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Group 13, Thi Vai Quarter, Phu My Ward, Ho Chi Minh City</i>

TT No.	Công ty Company	Quan hệ Relationship	Vốn điều lệ (đồng) Charter capital (VND)	Ngành nghề kinh doanh chính Main business activities	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2025 Ownership percentages on December 31,2025	Trụ sở Head office
11	Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines <i>Hai An Green Shipping Lines Company Limited</i>	Công ty liên kết <i>Associate Company</i>	1.000.000.000.000	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Coastal and ocean freight transportation.</i>	40%	Tầng 3, tòa nhà Hải An, Km2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng <i>3rd Floor, Hai An Building, Km2 Dinh Vu Road, Dong Hai Ward, Hai Phong City</i>

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

a) Nhận định thị trường giai đoạn 2026 – 2027/ *Market outlook for the 2026-2027 period*

- Tổng quan xu hướng thị trường vận tải biển 2026–2027: Giai đoạn 2026–2027 được dự báo là thời kỳ thị trường vận tải biển toàn cầu bước vào chu kỳ điều chỉnh sau giai đoạn tăng trưởng mạnh hậu COVID-19, với đặc trưng nổi bật là dư cung đội tàu, nhu cầu tăng chậm và áp lực chuyển đổi xanh. Các yếu tố kinh tế vĩ mô, địa chính trị và quy định môi trường đang đồng thời tái định hình cấu trúc thị trường, khiến ngành vận tải biển chuyển từ trạng thái “tăng trưởng nóng” sang “tăng trưởng thích ứng và chọn lọc”.

Overview of Shipping Market Trends 2026–2027: The 2026–2027 period is projected to mark a cyclical adjustment phase for the global shipping market following the robust post-COVID-19 expansion, characterized by pronounced fleet oversupply, moderating demand growth, and mounting decarbonization pressures. Macroeconomic headwinds, geopolitical uncertainties, and increasingly stringent environmental regulations are concurrently reshaping the industry structure, steering the shipping sector away from an “overheated growth” phase toward a model of adaptive and selective growth.

- Cung - cầu vận tải biển mất cân đối, nguy cơ dư thừa tải trọng do: (1) Số đặt đóng tàu container hiện tương đương khoảng 30% đội tàu đang hoạt động, tạo áp lực dư cung kéo dài; (2) Riêng năm 2026 dự kiến bổ sung khoảng 1,4 triệu TEU công suất mới, gần 5% tổng năng lực toàn cầu; (3) Giai đoạn 2027–2029, lượng tàu bàn giao tiếp tục tăng 6–9% mỗi năm, duy trì áp lực giảm giá cước dài hạn.

Structural Supply–Demand Imbalance and Overcapacity Risks: The maritime transport market is facing a growing mismatch between supply and demand, with a heightened risk of tonnage oversupply driven by the following factors: (1) The current container vessel orderbook represents approximately 30% of the existing fleet in operation, creating sustained oversupply pressure; (2) In 2026 alone, an estimated 1.4 million TEU of new capacity is scheduled for delivery, equivalent to nearly 5% of total global fleet capacity; (3) During the 2027–2029 period, annual vessel deliveries are projected to increase by 6–9% per annum, thereby prolonging downward pressure on freight rates over the medium to long term.

- Biến động địa chính trị và tuyến hàng hải làm gia tăng tính bất định: (1) Việc tàu quay trở lại tuyến Biển Đỏ - Kênh đào Suez có thể làm tăng năng lực vận tải hiệu dụng thêm tới 10% do rút ngắn hành trình hơn 3.000 hải lý; (2) Khi các tuyến vận tải trở lại bình thường, giá cước có xu hướng giảm mạnh vì thời gian quay vòng tàu nhanh hơn.

Geopolitical Volatility and Shipping Route Disruptions Increasing Market Uncertainty: (1) A potential normalization of vessel traffic through the Red Sea–Suez Canal corridor could increase effective transport capacity by up to 10%, driven by voyage distance reductions of more than 3,000 nautical miles compared to alternative rerouting; (2) As major trade lanes revert to normal operating conditions, freight rates are likely to

experience significant downward adjustments, reflecting faster vessel turnaround times and improved fleet utilization efficiency.

- Chuyển dịch sang vận tải biển xanh làm động lực tái cấu trúc đội tàu: (1) Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) đang xây dựng khung quy định phát thải bắt buộc và cơ chế định giá khí nhà kính, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào khoảng năm 2050. (2) Quy định dự kiến áp dụng cho tàu trên 5.000 GT – nhóm phát thải khoảng 85% lượng CO₂ của vận tải biển quốc tế.

Green Shipping Transition as a Catalyst for Fleet Restructuring: (1) The International Maritime Organization (IMO) is developing a mandatory emissions regulatory framework and a greenhouse gas (GHG) pricing mechanism, aligned with the industry’s target of achieving net-zero emissions by around 2050. (2) The proposed regulations are expected to apply to vessels above 5,000 GT (gross tonnage), a segment accounting for approximately 85% of total CO₂ emissions from international shipping.

- Sự kết hợp của ba yếu tố: dư cung đội tàu – tăng trưởng thương mại chậm – chi phí chuyển đổi xanh, đang tạo ra mặt bằng thị trường mới: (1) Ngành vận tải biển bước vào giai đoạn “thích ứng và cạnh tranh”, nơi doanh nghiệp phải linh hoạt chiến lược logistics để duy trì kết nối thương mại; (2) Tăng trưởng nhu cầu thấp hơn tốc độ mở rộng đội tàu khiến giá cước chịu áp lực giảm trong trung hạn.

The confluence of three structural factors—fleet oversupply, moderating trade growth, and escalating decarbonization transition costs—is shaping a new market equilibrium: (1) The shipping industry is entering an “adaptive and competitive” phase, in which operators must adopt flexible logistics and network deployment strategies to preserve trade connectivity and market share; (2) Demand growth trailing fleet expansion is expected to exert sustained downward pressure on freight rates over the medium term.

b) Định hướng kinh doanh - phát triển của Công ty/ Business Development Orientation of the Group

- Tìm mua từ 01 đến 02 tàu container cũ size từ 1.100 - 3.500 TEU khi có cơ hội để đáp ứng nhu cầu sử dụng của đội tàu/

The Company intends to opportunistically acquire one to two second-hand container vessels in the 1,100–3,500 TEU segment, subject to favorable market conditions, in order to supplement fleet capacity and support the operational requirements of the existing fleet.

- Duy trì cơ cấu, tỷ lệ tàu cho thuê định hạn và tàu tự khai thác nhằm đảm hiệu quả khai thác đội tàu cũng như phát triển các tuyến vận tải.

The Company will maintain an optimal balance between time-chartered vessels and self-operated tonnage to ensure efficient fleet utilization while supporting the expansion and development of its liner service network.

- Tìm kiếm đối tác để có hợp đồng thuê với giá thuê và thời hạn tốt cho các tàu đóng mới 3000 TEU, 7000 TEU và các tàu hiện hữu hết hạn thuê trong 2026.

The Company will actively seek strategic counterparties to secure time charter agreements at competitive charter rates and favorable tenors for its newbuilding vessels in the 3,000 TEU and 7,000 TEU segments, as well as for existing vessels with charter contracts expiring in 2026.

5. Các nhân tố rủi ro/ *Risks:*

5.1 Rủi ro về kinh tế/ *Economic Risks*

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải và khai thác cảng.

The economic environment, with fundamental factors such as economic growth rate, inflation rate, interest rates, and exchange rates, is an objective element that directly impacts the development of all production and service industries as well as every business. The Group's business operations are directly affected by these macroeconomic fluctuations, particularly those in the global economy, as the Group operates in the fields of transportation services and port operations.

a) Tăng trưởng kinh tế/ *Economic Growth*

- Cơ cấu nền kinh tế năm 2025 chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa - dịch vụ hóa/ *In 2025, the economic structure continued to transform in the direction of increased industrialization and expansion of the services sector:*

Khu vực kinh tế/ <i>Economic Sector</i>	Tỷ trọng trong GDP/ <i>Percentage of GDP (%)</i>
Nông, lâm nghiệp & thủy sản <i>Agriculture, Forestry and Fisheries</i>	11,64%
Công nghiệp & xây dựng <i>Industry and Construction</i>	37,65%
Dịch vụ <i>Services</i>	42,75%
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp <i>Taxes on Products less Subsidies</i>	7,96%

- Khu vực dịch vụ và công nghiệp chiếm hơn 80% GDP, phản ánh rõ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế công nghiệp - logistics - thương mại/ *The services and industry sectors accounted for more than 80% of GDP, clearly reflecting the transition toward an industrial–logistics–trade–oriented economy.*
- Đóng góp của từng khu vực vào tăng trưởng GDP/ *Contribution of Each Sector to GDP Growth:*

Khu vực/ Sector	Tốc độ tăng 2025/ Growth Rate in 2025	Mức đóng góp vào tăng trưởng/ Contribution to Growth
Nông, lâm nghiệp & thủy sản/ <i>Agriculture, Forestry and Fisheries</i>	3,78%	5,30%
Công nghiệp & xây dựng/ <i>Industry and Construction</i>	8,95%	43,62%
Dịch vụ/ <i>Services</i>	8,62%	51,08%

- Dịch vụ và công nghiệp là hai động lực tăng trưởng chủ yếu, trong đó dịch vụ đóng góp lớn nhất/ *Services and industry were the two primary growth drivers, with services making the largest contribution.*
- Dưới đây là biểu đồ tăng trưởng GDP Việt Nam Giai đoạn 2015-2025/ *Below is the chart illustrating Vietnam’s GDP growth for the period 2015–2025:*



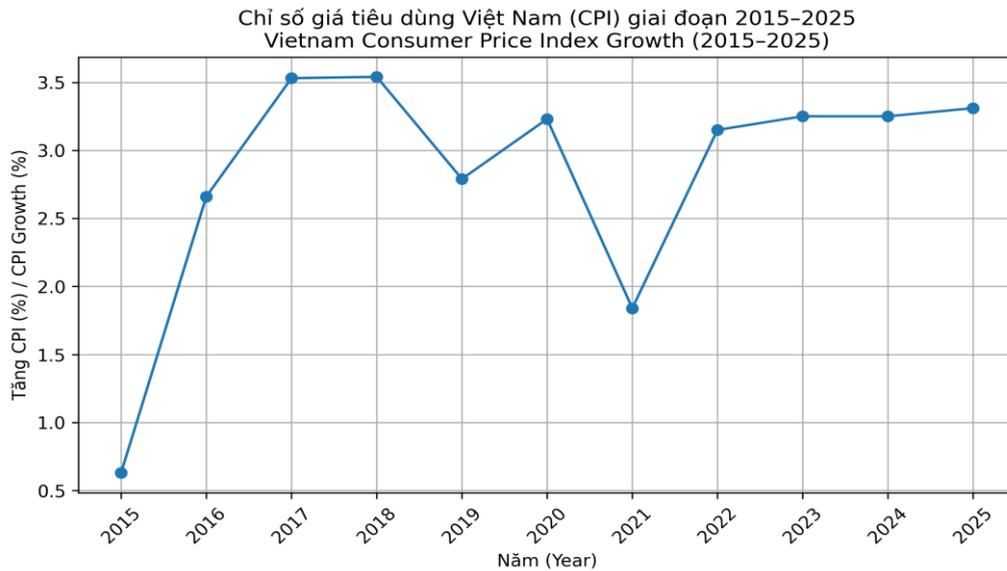
Trong năm 2025, với vai trò là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cảng biển, vận tải biển và logistics, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục chịu ảnh hưởng trực tiếp từ diễn biến tăng trưởng kinh tế trong nước và quốc tế. Khi GDP Việt Nam duy trì mức tăng cao và khu vực công nghiệp – xuất khẩu phục hồi mạnh, nhu cầu vận chuyển hàng hóa, lưu kho bãi và dịch vụ cảng biển gia tăng tương ứng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh thu và sản lượng khai thác của Công ty. Ngược lại, những biến động của thương mại toàn cầu, chi phí đầu vào và xu hướng tiêu dùng cũng có thể tác động đến sản lượng hàng thông qua cảng và nhu cầu vận tải. Vì vậy, trong bối cảnh năm 2025, tốc độ tăng trưởng kinh tế không chỉ phản ánh môi trường kinh doanh chung mà còn là cơ sở quan trọng để Công ty đánh giá xu hướng thị trường, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn một cách chủ động và linh hoạt/ *In the year 2025, acting as an enterprise engaged in the fields of port services, maritime transport, and logistics, the Company's business operations continue to be directly influenced by the dynamics of domestic and international economic growth. As Vietnam's GDP maintains a high growth rate and the industrial–export sector strongly recovers, the demand for cargo transportation, warehousing, and port services correspondingly increases, thereby creating favorable conditions for the Company's revenue and throughput. Conversely, fluctuations in global trade, input costs, and consumption trends may also impact cargo volumes through ports and transportation demand. Therefore, in the context of 2025, the pace of economic growth not only reflects the general business environment but also serves as a critical basis for the Company to assess market trends, adjust its business plans, and proactively and flexibly formulate medium- and long-term development strategies.*

b) Lạm phát/ Inflation

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 được duy trì ổn định ở mức tăng 3,2% - 3,4% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này phản ánh nỗ lực kiểm soát lạm phát hiệu quả trong bối cảnh kinh tế vĩ mô được quản trị chặt chẽ/ *The average Consumer Price Index (CPI) in 2025 was maintained at a stable increase of 3.2% – 3.4% compared to the same period of the previous year. This outcome reflects effective inflation control efforts within the context of a macroeconomic environment under strict governance.*
- Trong năm 2025, kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục duy trì sự ổn định với chỉ số lạm phát bình quân được kiểm soát hiệu quả ở mức xấp xỉ 3,3%, hoàn toàn nằm trong mục tiêu đề ra của Chính phủ. Đáng chú ý, áp lực tăng giá chủ yếu đến từ các yếu tố chi phí đẩy và lộ trình điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý, thay vì dấu hiệu quá nhiệt từ phía cầu. Việc giữ vững môi trường vĩ mô ổn định này chính là nền tảng then chốt, củng cố dư địa cho các mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn của doanh nghiệp/ *In 2025, Vietnam's macroeconomic environment continued to maintain stability, with the average inflation index effectively controlled at approximately 3.3%, fully within the Government's stated target. Notably, upward price pressures primarily stemmed from*

cost-push factors and the scheduled adjustment of State-administered goods, rather than signs of overheating from demand-side dynamics. The preservation of this stable macroeconomic environment constitutes a pivotal foundation, reinforcing the fiscal and strategic space for enterprises to pursue sustainable long-term growth objectives

Trong năm 2025, đối với doanh nghiệp dịch vụ cảng và vận tải biển như HAH, yếu tố



lạm phát tiếp tục có tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù mặt bằng lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý, áp lực chi phí đầu vào vẫn hiện hữu, đặc biệt là giá nhiên liệu, chi phí khai thác tàu, dịch vụ cảng và tiền lương lao động trong bối cảnh thị trường phục hồi. Biến động giá năng lượng và nguyên vật liệu trên thị trường quốc tế cũng làm gia tăng rủi ro chi phí đối với hoạt động vận tải biển/ *In 2025, for a port and maritime transport service enterprise such as HAH, inflation continued to have a direct impact on the Company's operating efficiency. Although overall inflation was maintained at a reasonable level, input cost pressures persisted, particularly in respect of fuel prices, vessel operating expenses, port service charges, and labor costs amid the market recovery. Fluctuations in global energy and raw material prices also heightened cost risks for maritime transport operations.*

Bên cạnh đó, lạm phát còn ảnh hưởng gián tiếp đến các doanh nghiệp sản xuất và xuất nhập khẩu - nhóm khách hàng chủ lực của Công ty - thông qua chi phí sản xuất, sức mua thị trường và biên lợi nhuận thương mại. Khi chi phí đầu vào tăng, nhu cầu vận chuyển có thể chịu tác động nhất định nếu các doanh nghiệp điều chỉnh sản lượng hoặc tái cơ cấu đơn hàng/ *In addition, inflation also indirectly affects manufacturing and import-export enterprises - the Company's key customer segments - through production costs, market purchasing power, and trade profit margins. As input costs increase, transportation demand may be impacted to a certain extent if businesses adjust output volumes or restructure their order portfolios.*

Trước bối cảnh đó, trong năm 2025 Công ty tiếp tục chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát chi phí, tối ưu hóa định mức tiêu hao nhiên liệu, nâng cao hiệu quả khai thác đội tàu và tăng cường quản trị rủi ro giá đầu vào, nhằm giảm thiểu tác động bất lợi của lạm phát và duy trì ổn định hiệu quả kinh doanh/ *Against this backdrop, in 2025 the Company continued to proactively implement cost-control measures, optimize fuel consumption norms, enhance fleet utilization efficiency, and strengthen input price risk management, with a view to mitigating the adverse impacts of inflation and maintaining stable business performance.*

c) Ngân hàng - Lãi suất/ Bank - Interest rates

Năm 2025, điều hành tiền tệ của Việt Nam diễn ra trong môi trường kinh tế thế giới biến động, áp lực tỷ giá và nhu cầu phục hồi tăng trưởng trong nước: (1) Chính sách tiền tệ được xác định là trụ cột hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn phải kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô; (2) Ngân hàng Nhà nước (NHNN) điều hành theo hướng thận trọng, linh hoạt để thích ứng với giai đoạn mới nhiều rủi ro; (3) NHNN yêu cầu các ngân hàng tiết giảm chi phí, chia sẻ lợi nhuận để giảm lãi vay, kích thích sản xuất kinh doanh/ *In 2025, Vietnam's monetary management was conducted amid a volatile global economic environment, exchange rate pressures, and the need to support domestic growth recovery: (1) Monetary policy was identified as a key pillar in supporting economic growth while still ensuring inflation control and macroeconomic stability; (2) The State Bank of Vietnam (SBV) adopted a prudent and flexible approach to adapt to a new phase characterized by heightened risks; (3) The SBV requested commercial banks to reduce costs and share profits in order to lower lending rates and stimulate production and business activities.*

Trong năm 2025, mặt bằng lãi suất tiếp tục có tác động đáng kể đến tình hình tài chính của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh Công ty vẫn đang thực hiện các khoản vay ngân hàng phục vụ đầu tư đội tàu container đóng mới và triển khai các dự án mở rộng hoạt động. Biến động lãi suất thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí tài chính, dòng tiền và hiệu quả khai thác các dự án đầu tư. Do đó, việc theo dõi sát diễn biến lãi suất, cơ cấu lại nguồn vốn vay theo hướng tối ưu và chủ động quản trị rủi ro tài chính là những yếu tố quan trọng giúp Công ty duy trì sự ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động trong năm 2025/ *In 2025, interest rate levels continued to have a significant impact on the Company's financial position, particularly as it was still servicing bank loans to finance investments in newly built container vessels and the implementation of business expansion projects. Fluctuations in market interest rates directly affected financial expenses, cash flows, and the operational efficiency of investment projects. Accordingly, closely monitoring interest rate movements, restructuring the loan portfolio in an optimal manner, and proactively managing financial risks were critical factors enabling the Company to maintain stability and enhance operational efficiency in 2025.*

d) Tỷ giá hối đoái/ Exchange rates

Năm 2025 là một năm có nhiều thách thức đối với thị trường ngoại hối Việt Nam, khi đồng Việt Nam (VND) chịu áp lực mất giá rõ rệt so với đồng USD. Theo số liệu tổng hợp, tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng tăng khoảng 3,4% so với thời điểm đầu năm 2025, phản ánh tác động đồng thời của các yếu tố quốc tế bất lợi và những áp lực nội tại trong nước/ *In 2025, Vietnam's foreign exchange market faced considerable challenges as the Vietnamese Dong (VND) experienced noticeable depreciation pressure against the US Dollar (USD). According to aggregated data, the USD/VND exchange rate in the interbank market increased by approximately 3.4% compared to the beginning of 2025, reflecting the combined impact of unfavorable international factors and domestic pressures.*

Trong năm 2025, do đặc thù hoạt động của Công ty với nguồn nguyên vật liệu chủ yếu được cung ứng trong nước và không phụ thuộc vào nhập khẩu, biến động tỷ giá hối đoái không gây tác động đáng kể đến chi phí đầu vào. Tuy nhiên, Công ty hiện vẫn duy trì các khoản vay bằng ngoại tệ nhằm tài trợ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định, đặc biệt là đầu tư đội tàu và trang thiết bị khai thác. Vì vậy, biến động tỷ giá có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ trả nợ, chi phí tài chính và chênh lệch tỷ giá hạch toán, đòi hỏi Công ty phải chủ động quản trị rủi ro tỷ giá và cân đối nguồn thu ngoại tệ phù hợp trong năm 2025/ *In 2025, given the Company's operational characteristics whereby most raw materials were sourced domestically and were not dependent on imports, exchange rate fluctuations did not have a significant impact on input costs. However, the Company continued to maintain foreign currency-denominated loans to finance investments in fixed assets, particularly fleet expansion and operational equipment. Accordingly, exchange rate movements may affect debt repayment obligations, financial expenses, and recognized foreign exchange differences, thereby requiring the Company to proactively manage exchange rate risks and appropriately balance foreign currency inflows in 2025.*

5.2 Rủi ro về pháp luật/ *Legal Risks*

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Legal risks are systemic risks that generally affect the entire industry. Changes in the government's macroeconomic management policies have certain impacts on The Group's operations.

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định phức tạp. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

Operating under the jurisdiction of Vietnamese law, the Group faces numerous risks due to an incomplete legal system with many complex regulations. Any amendments to the Enterprise Law, Securities Law, or other regulations related to the Group's business activities may influence and affect the Group's operations and business results. To mitigate legal risks, the Group consistently updates its employees on new legal regulations and consults with legal advisory organizations when necessary.

5.3 Rủi ro đặc thù ngành/ Industry-Specific Risks

5.3.1 Rủi ro chuyển đổi xanh/ Green Shipping Transition Risk

Các quy định giảm phát thải do International Maritime Organization (IMO) thúc đẩy đang làm thay đổi toàn bộ mô hình khai thác tàu: (1) Tàu phải đáp ứng chuẩn CII, EEXI; (2) Giảm tốc độ khai thác (làm giảm doanh thu chuyên); (3) Cải hoán máy móc, chân vịt, hull; (4) Chuyển sang nhiên liệu mới (LNG, methanol, ammonia)/ Emission reduction regulations promoted by the International Maritime Organization (IMO) are reshaping the entire vessel operating model: (1) Vessels are required to comply with CII (Carbon Intensity Indicator) and EEXI (Energy Efficiency Existing Ship Index) standards; (2) Speed reduction measures (slow steaming), which may decrease voyage revenue; (3) Retrofitting of main engines, propellers, and hull structures to improve energy efficiency; (4) Transition to alternative fuels such as LNG, methanol, and ammonia.

Điều này có thể là thách thức lớn với đội tàu Việt Nam khi mà đội tàu Việt Nam chưa hoàn toàn đáp ứng được chuyển đổi xanh/ This may pose a significant challenge for the Vietnamese fleet, as it has not yet fully met the requirements for a green transition.

5.3.2 Rủi ro biến động cước vận tải do tái cấu trúc thương mại toàn cầu/ Risk of Freight rate volatility due to Global Trade restructuring

Chuỗi cung ứng sau đại dịch không quay lại trạng thái cũ mà đang: (1) Dịch chuyển sản xuất sang Đông Nam Á, Ấn Độ; (2) Tăng xu hướng chuyển dịch sản xuất sang nước lân cận; (3) Hình thành tuyến vận tải mới thay thế tuyến truyền thống/ Post-pandemic supply chains have not returned to their previous state but are instead undergoing structural shifts: (1) Manufacturing is relocating to Southeast Asia and India; (2) There is a growing trend toward nearshoring and regionalized production; (3) New shipping routes are being established to replace traditional trade lanes.

Từ đó tạo hệ quả tác động đến thị trường vận tải biển: (1) Cước tàu biến động mạnh, không còn ổn định như trước; (2) Một số tuyến thừa tàu, tuyến khác thiếu tàu; (3) Tàu khai thác sai tuyến/ As a result, several implications have emerged for the maritime transport market: (1) Freight rates have become highly volatile and no longer follow the traditional pattern as before; (2) Certain routes face vessel oversupply, while others experience capacity shortages; (3) Vessels may be deployed on suboptimal or misaligned routes.

5.3.3 Rủi ro địa chính trị hàng hải gia tăng/ Increasing Maritime Geopolitical Risks

Các điểm nóng hàng hải (Biển Đỏ, eo biển chiến lược...) tiếp diễn sẽ khiến hành trình phải đổi tuyến dài hơn, thời gian vận chuyển tăng, lượng nhiên liệu tiêu thụ tăng, bảo hiểm rủi ro vì chiến tranh tăng/ *Ongoing maritime hotspots (such as the Red Sea and other strategic straits) may force vessels to reroute over longer distances, resulting in extended transit times, higher fuel consumption, and increased war risk insurance premiums.*

5.3.4 Rủi ro dư cung đội tàu toàn cầu sau giai đoạn đặt đóng 2021–2023/ Risk of Global Fleet Oversupply Following the 2021–2023 Newbuilding Boom

Sau thời kỳ cực cao hậu COVID, nhiều hãng ồ ạt đặt đóng tàu mới. Đến 2025, lượng tàu mới bàn giao tăng mạnh trong khi đó nhu cầu vận tải tăng chậm lại. Từ đó tạo ra các hệ quả: (1) Giá cước giảm nhưng chi phí vận hành lại tăng; (2) Tàu cũ khó cạnh tranh với tàu mới; (3) Doanh nghiệp dễ rơi vào “chi phí cao - giá cước thấp”/ *Following the period of exceptionally high freight rates after COVID-19, many shipping lines aggressively placed newbuilding orders. By 2025, a significant number of newly built vessels have been delivered, while freight demand growth has moderated. This has led to several consequences: (1) Freight rates decline while operating costs continue to increase; (2) Older vessels face difficulties competing with newer, more fuel-efficient ships; (3) Shipping companies may fall into a “high-cost - low-freight-rate” scenario.*

5.3.5 Rủi ro tài chính - bảo hiểm tăng cao/ Rising Financial and Insurance Risks

Trong bối cảnh năm 2025, các P&I Club và tổ chức tín dụng quốc tế ngày càng siết chặt yêu cầu đối với đội tàu thông qua việc bắt buộc tuân thủ các tiêu chuẩn ESG, đặc biệt là các tiêu chí liên quan đến phát thải và hiệu quả năng lượng. Các ngân hàng đồng thời hạn chế cấp tín dụng cho tàu có tuổi đời cao hoặc hiệu suất môi trường thấp, trong khi phí bảo hiểm có xu hướng tăng đối với những tàu phát thải lớn. Điều này khiến doanh nghiệp vận tải biển gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn để tái cấu trúc và hiện đại hóa đội tàu. Bên cạnh đó, chi phí tài chính và bảo hiểm gia tăng nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu, làm suy giảm biên lợi nhuận. Trong trường hợp thị trường cước vận tải biển động theo chiều hướng giảm, doanh nghiệp còn đối mặt với nguy cơ mất cân đối dòng tiền và rủi ro thanh khoản/ *In the context of 2025, P&I Clubs and international financial institutions have increasingly tightened their requirements for shipping fleets by mandating compliance with ESG standards, particularly criteria related to emissions and energy efficiency. Banks have simultaneously restricted lending to older vessels or those with poor environmental performance, while insurance premiums have tended to rise for ships with high emission levels. This situation has created significant challenges for shipping companies in accessing capital for fleet restructuring and modernization. In addition, financial and insurance costs have been rising at a faster pace than revenue growth, thereby compressing profit margins. In the event of a downturn in freight rates, shipping companies may also face risks of cash flow imbalance and liquidity pressure.*

5.3.6 Rủi ro nhân lực hàng hải chất lượng cao thiếu hụt/ Risk of Shortage of High-Quality Maritime Human Resources

Các quy định kỹ thuật mới trong ngành hàng hải đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác vận hành tàu, đòi hỏi thuyền viên không chỉ nắm vững kỹ thuật khai thác truyền thống mà còn phải hiểu và thực hành vận hành tiết kiệm năng lượng theo các tiêu chuẩn mới. Đồng thời, doanh nghiệp phải triển khai hệ thống quản lý dữ liệu phát thải, số hóa hoạt động khai thác và bảo đảm kỹ năng an toàn khi sử dụng các loại nhiên liệu mới như LNG hoặc methanol. Tuy nhiên, trong thực tế, chất lượng và trình độ nguồn nhân lực vẫn chưa theo kịp tốc độ chuyển đổi công nghệ, tạo ra một rủi ro vận hành tiềm ẩn, âm thầm nhưng có thể ảnh hưởng lâu dài đến hiệu quả khai thác, an toàn và khả năng tuân thủ quy định quốc tế của doanh nghiệp/ *New technical regulations in the maritime industry have imposed increasingly stringent requirements on vessel operations, requiring seafarers not only to master traditional operating techniques but also to understand and implement energy-efficient practices in accordance with new standards. At the same time, companies must deploy emission data management systems, digitalize operational processes, and ensure safety competencies when handling alternative fuels such as LNG or methanol. However, in practice, the quality and skill level of the workforce have not yet kept pace with the speed of technological transformation, creating a latent operational risk—subtle yet potentially long-term in its impact on operational efficiency, safety performance, and compliance with international regulations.*

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025/ *Business Performance Results for 2025:*

Đơn vị: TEU/ Unit: TEU

STT/ No.	CHỈ TIÊU/ <i>INDICATOR</i>	Đơn vị/ <i>Unit</i>	Kế hoạch năm 2025/ <i>2025 Plan</i>	Thực hiện năm 2025/ <i>Performance in 2025</i>	Tỷ lệ/ <i>Ratio</i> (5)/(4) (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tổng sản lượng/ <i>Total Volume</i>	TEU	1.466.000	1.440.982	98,29%
	- Khai thác cảng/ <i>Port Operations</i>	<i>TEU</i>	595.000	585.765	98,45%
	- Khai thác tàu/ <i>Vessel Operations</i>	<i>TEU</i>	693.000	675.056	97,41%
	- Sản lượng Depot/ <i>Depot Operations</i>	<i>TEU</i>	178.000	180.161	101,21%
2	Tổng Doanh thu/ <i>Total Revenue</i>	Tỷ VND/ <i>Billion VND</i>	5.057	5.151	101,86%

STT/ No.	CHỈ TIÊU/ INDICATOR	Đơn vị/ Unit	Kế hoạch năm 2025/ 2025 Plan	Thực hiện năm 2025/ Performance in 2025	Tỷ lệ/ Ratio (5)/(4) (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Công ty mẹ/ <i>Consolidated profit after tax attributable to the Parent Company</i>	Tỷ VNĐ/ <i>Billion VND</i>	1.140	1.206	105.83%

Về sản lượng khai thác cả Group chỉ đạt 98,29% so với kế hoạch nhưng doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch lần lượt là 1,86% và 5,83%/ *In terms of operational throughput, the Group achieved only 98.29% of the planned volume; however, both revenue and profit exceeded the plan by 1.86% and 5.83%, respectively.*

- Cơ cấu doanh thu, chi phí (chưa loại trừ nội bộ) và lợi nhuận thuần từ kinh doanh theo từng hoạt động như sau/ *Revenue, Cost Structure (before intra-company elimination) and Net Operating Profit by Activity are as follows:*

Chỉ tiêu/ Indicator	Khai thác cảng (cảng, đại lý, vận tải bộ...)/ <i>Port Operations (ports, agency, trucking, etc.)</i>		Khai thác tàu/ <i>Vessel Operations</i>		Các hoạt động khác/ <i>Other Activities</i>	
	Số liệu/ <i>Amount</i>	Tỷ trọng/ <i>Proportion</i>	Số liệu/ <i>Amount</i>	Tỷ trọng/ <i>Proportion</i>	Số liệu/ <i>Amount</i>	Tỷ trọng/ <i>Proportion</i>
	tỷ VNĐ/ <i>billion VND</i>	(%)	tỷ VNĐ/ <i>billion VND</i>	(%)	tỷ VNĐ/ <i>billion VND</i>	(%)
Doanh thu/ <i>Revenue</i>	631	9,10	5.554	80,09	750	10,81
Chi phí/ <i>Costs</i>	384	7,34	4.182	79,90	668	12,76
Lợi nhuận thuần từ HĐKD/ <i>Net operating profit</i>	247	14,52	1.372	80,65	82	4,83

Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận thuần của hoạt động kinh doanh tàu chiếm tỷ trọng 80% hoạt động kinh doanh của cả Group/ *The revenue structure and net profit from vessel operations accounted for approximately 80% of the Group's total business activities.*

2. Tổ chức nhân sự/ Organization and Human resource

2.1 Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Management:

STT No.	Họ tên Full Name	Chức vụ Position	Ghi chú Note
1	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc <i>General Directors</i>	
2	Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Directors</i>	
3	Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Directors</i>	
4	Trần Thị Thanh Hảo	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>	

2.2 Sơ yếu lí lịch Ban Điều hành/ Board of Management Profiles

- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn/ *Mr. Nguyen Ngoc Tuan*

Giới tính: Nam
Sex Male

Ngày tháng năm sinh: 14/11/1974
Date of birth

Nơi sinh: Hà Nam
Place of birth Ha Nam

CMND: 035074003076 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 5 tháng 8 năm 2019
ID number 035074003076 issued by the Department of Administrative Management on Social Order Police on August 5, 2019.

Quốc tịch: Việt Nam
Nationality Vietnam

Dân tộc: Kinh
Ethnicity

Địa chỉ thường trú: Số 63 Hải Âu 2 KĐT Vinhomes Marina, Lê Chân, Hải Phòng
Address No. 63 Hai Au 2 Vinhomes Marina Urban Area, Le Chan, Hai Phong

Số điện thoại công ty: 024.39876556

Phone number's

Company

Số điện thoại di động 0912569414

Phone number

Địa chỉ email: Tuan.nn@haiants.vn
email

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điều khiển tàu biển
Maritime control engineer

Qualification: Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Bachelor's Degree in International Economics

Quá trình công tác:

Work Experience

- Từ đầu năm 1999 đến năm 2004: thuyền viên thuộc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế.

Crew member at International Cooperation and Maritime Transport Joint Stock Company.

- Từ năm 2004 đến năm 2008: Trưởng phòng Khai thác thuộc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty CP Hàng Hải Hà Nội

From 2004 to 2008: Head of Operations Department at Hai Phong Branch – Hanoi Maritime Joint Stock Company.

- Từ năm 2009 đến hết năm 2010: Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức

From 2009 to the end of 2010: Director of Hai Phong Branch – Marina Logistics & Agencies Co., Ltd.

- Từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An

From January 2011 to January 2012: Deputy Director of Hai An Port Co., Ltd.

- Từ tháng 02/2012 đến tháng 02/2013: Giám đốc CTCP dịch vụ hàng hải Hải Âu

From February 2012 to February 2013: Director of Hai Au Maritime Services Joint Stock Company.

- Từ tháng 03/2013 đến tháng 01/2015: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An

From March 2013 to January 2015: Deputy Director of Hai An Port Co., Ltd.

- Từ tháng 02/2015 đến tháng 10/2017: Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An

From February 2015 to October 2017: Director of Hai An Port Co., Ltd.

- Từ tháng 10/2015 đến tháng 10/2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An

From October 2015 to October 2017: Deputy Director of Hai An Container Transport Co., Ltd.

- Từ 10/1/2017 đến nay: thành viên HĐQT CTCP dịch vụ tổng hợp Hải An

Member of the Board of Directors of Hai An General Services Joint Stock Company.

- Từ tháng 10/2017 đến 2023: Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
From October 2017 to 2023: Director of Hai An Container Transport Co., Ltd.
- Từ tháng 10/2017 đến tháng 06/2023: Phó Tổng Giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
From October 2017 to June 2023: Deputy General Director of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.
- Từ tháng 4/2019 đến nay: thành viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
From April 2019 to present: Member of the Board of Directors of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.
- Từ tháng 06/2023 đến nay: Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
From June 2023 to present: General Director of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.

Cá nhân sở hữu 155.026 cổ phần chiếm 0,092% vốn điều lệ
Individual Ownership 155,026 shares Accounting for 0.092% of charter capital.

- Ông Vũ Doãn Hạnh/ *Mr. Vu Doan Hanh*

Giới tính: Nam

Sex Male

Ngày tháng năm sinh: 25/6/1975

Date of birth

Nơi sinh: Thái Bình

Place of birth Thai Binh

CMND: 031075008939, Ngày cấp: 10/07/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

031075008939, Date of issue: 10/07/2021, Place of issue: Department of Administrative Management on Social Order Police.

ID number

Quốc tịch: Việt Nam

Nationality Vietnam

Dân tộc: Kinh

Ethnicity

Địa chỉ thường trú: 217 Nguyễn Văn Thủ, Q1, TP. Hồ Chí Minh

Address 217 Nguyen Van Thu, District 1, Ho Chi Minh City

Số điện thoại công ty: 024.39876556

Phone number's

Company

Số điện thoại di động: 0903942007

Phone number

Địa chỉ email: Mike@haiants.vn

Email

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Qualification: Bachelor's Degree in Business Administration

Quá trình công tác:

Work Experience

- Năm 1997: Nhân viên thị trường - Công ty Gemartrans Việt Nam
In 1997: Market Officer - Gemartrans Vietnam Company.
- Năm 2001 - 2004: Lines Manager - Công ty Gemartrans Việt Nam (Hãng tàu Delmas)
From 2001 to 2004: Lines Manager - Gemartrans Vietnam Company (Delmas Shipping Line).
- Năm 2004-2009: Giám đốc Công ty CP XD Hải Đăng
From 2004 to 2009: Director of Hai Dang Construction Joint Stock Company.
- Năm 2010-2012: Phó giám đốc Chi nhánh Công ty Marina Logistics tại Hồ Chí Minh
From 2010 to 2012: Deputy Director of Marina Logistics Company Branch in Ho Chi Minh City.
- Năm 2012 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty Marina Logistics tại Hồ Chí Minh
From 2012 to present: Director of Marina Logistics Company Branch in Ho Chi Minh City.
- Năm 2019 đến tháng 9/2021: Phó giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
From 2019 to September 2021: Deputy Director of Hai An Container Transport Co., Ltd.
- Năm 2019 đến tháng 9/2021: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Container Hải An tại TP. Hồ Chí Minh
From 2019 to September 2021: Director of Hai An Container Transport Co., Ltd. - Ho Chi Minh City Branch.
- Từ tháng 9/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
From September 2021 to present: Deputy General Director of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.

Cá nhân sở hữu 227.651 cổ phần chiếm 0,135% vốn điều lệ

Individual Ownership 227,651 shares Accounting for 0.135% of charter capital.

- Ông Phạm Quang Khánh/ *Mr. Pham Quang Khanh*

Giới tính: Nam

Sex Male

Ngày tháng năm sinh: 02/04/1981

Date of birth

Nơi sinh: Hải Phòng
Place of birth

CCCD số: 031081006321, Ngày cấp: 12/08/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
ID number 031081006321, Date of issue: 12/08/2021, Place of issue: Department of Administrative Management on Social Order Police.

Quốc tịch: Việt Nam
Nationality

Dân tộc: Kinh
Ethnicity

Địa chỉ thường trú: Lô 3 số 17/246B Đà Nẵng, Cầu Tre, Ngô Quyền, Hải Phòng
Address Lot 3 No. 17/246B Da Nang, Cau Tre, Ngo Quyen, Hai Phong

Số điện thoại công ty: 024.39876556
Phone number's Company

Số điện thoại di động: 0919042185
Phone number

Địa chỉ email: Khanh.pq@haiants.vn
Email

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ
Qualification: Loading and unloading machine engineer

Cử nhân quản trị kinh doanh
Bachelor of Bussiness Administration

Quá trình công tác:
Work Experience

- Từ tháng 08/2005 - 2007: Kỹ sư phòng Sản xuất - Công ty TNHH CN nặng và XD Hàn -Việt (HANVICO)
From August 2005 to 2007: Engineer in the Production Department - Han-Viet Heavy Industry and Construction Co., Ltd. (HANVICO).
- Năm 2007 - 2009: Phó phòng Sản xuất - Công ty TNHH CN nặng và XD Hàn -Việt (HANVICO)
2007 - 2009: Deputy Head of Production Department - Han-Viet Heavy Industry and Construction Co., Ltd. (HANVICO).
- Từ tháng 09/2010 - 12/2010: Nhân viên phòng Khai thác tàu - Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An

From September 2010 to December 2010: Vessel Operations Department Staff - Hai An Transport and Stevedoring Co., Ltd.

- Từ tháng 01/2011 - 03/2011: Trưởng bộ phận Khai thác tàu - Công ty TNHH Cảng Hải An

From January 2011 to March 2011: Head of Vessel Operations Department - Hai An Port Co., Ltd.

- Từ tháng 04/2011 - 07/2012: Trưởng phòng Khai thác tàu - Công ty TNHH Cảng Hải An

From April 2011 to July 2012: Head of Vessel Operations Department - Hai An Port Co., Ltd.

- Từ tháng 08/2012 - 01/2015: Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ Hàng hải (HAS)
From August 2012 to January 2015: General Director of Hai An Shipping Services Joint Stock Company (HAS)

- Từ tháng 02/2015 - 12/2017: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Khai thác tàu - Công ty TNHH Cảng Hải An

From February 2015 to December 2017: Deputy Director and Head of Vessel Operations Department - Hai An Port Co., Ltd.

- Từ tháng 01/2018 - 08/2018: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An

From January 2018 to August 2018: Deputy Director of Hai An Port Co., Ltd.

- Từ tháng 09/2018 - 12/2018: Quyền Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An

From September 2018 to December 2018: Acting Director of Hai An Port Co., Ltd.

- Từ tháng 01/2019 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An

From January 2019 to present: Director of Hai An Port Co., Ltd.

- Từ tháng 9/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An

From September 2021 to present: Deputy General Director of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.

- Từ tháng 6/2023 đến 6/2025: thành viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An

From June 2023 to June 2025: Member of the Board of Directors of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.

- Từ tháng 8/2025 đến nay: Giám đốc kiêm Người đại diện theo Pháp luật Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines

From August 2025 to present: Director & Legal Representative of Hai An Green Shipping Lines Company Limited

Cá nhân sở hữu 77.365 cổ phần chiếm 0,046% vốn điều lệ

Individual Ownership 77,365 shares Accounting for 0.046% of charter capital

- Bà Trần Thị Thanh Hà/ Ms. Tran Thi Thanh Hao

Giới tính: Nữ

Sex Female

Ngày tháng năm sinh: 07/02/1988

Date of birth

Nơi sinh: Hải Phòng

Place of birth

CMND 031188001939 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/5/2016
031188001939 issued by the Department of Residence Registration and National Population Database Police on May 20, 2016.

ID number

Quốc tịch: Việt Nam

Nationality

Dân tộc: Kinh

Ethnicity

Địa chỉ thường trú: 8/96 Hợp Hòa, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng
Address 8/96 Hop Hoa, Anh Dung, Duong Kinh, Hap Phong

Số điện thoại công ty: 024.39876556

Phone number's

Company

Số điện thoại di động 0936995184

Phone number

Địa chỉ email: hao.tt@haiants.vn

Email

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị tài chính kế toán

Qualification: Bachelor's Degree in Financial Accounting Management

Quá trình công tác:

Work Experience

- Từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2010: Nhân viên kế toán Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An tại TP. Hải Phòng
From September 2010 to December 2010: Accountant at Hai Phong Branch of Hai An Transport and Stevedoring Co., Ltd.
- Từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2015: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Cảng Hải An
From January 2011 to January 2015: Accountant at Hai An Port Co., Ltd.
- Từ tháng 02/2015 đến tháng 9/2017: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm phụ trách kế toán Công ty TNHH Cảng Hải An
From February 2015 to September 2017: Deputy Head of Finance - Accounting Department and Chief Accountant in charge at Hai An Port Co., Ltd.
- Từ tháng 10/2017 đến tháng 5/2019: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

From October 2017 to May 2019: Deputy Head of Finance - Accounting Department at Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.

- Từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2019: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm phụ trách kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

From June 2019 to December 2019: Deputy Head of Finance - Accounting Department and Chief Accountant in charge at Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.

- Từ tháng 8/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Vận tải Container Hải An

From August 2019 to present: Member of the Members' Council at Hai An Container Transport Co., Ltd.

- Từ tháng 12/2019 đến tháng 6/2021: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Phụ trách kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

From December 2019 to June 2021: Head of Finance - Accounting Department and Chief Accountant at Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.

- Từ tháng 6/2021 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

From June 2021 to present: Chief Accountant and Head of Finance - Accounting Department at Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company.

Cá nhân sở hữu: 77.365 cổ phiếu tương đương 0,046% vốn điều lệ

Individual Ownership: 77,365 shares Accounting for 0.046% of charter capital

2.3 Số lượng cán bộ và chính sách người lao động/ Number of employees and employee policies:

- Cơ cấu và số lượng cán bộ, nhân viên (bao gồm các công ty thành viên)/ *Structure and Headcount of Employees (Including Subsidiaries)*

Số lượng cán bộ công nhân viên lao động tại công ty tính đến thời điểm 31/12/2025 là: 847 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn. (số đầu năm là 653 nhân viên)/ As at 31 December 2025, the Group employed a total of 847 staff members, compared to 653 employees at the beginning of the year

- Chính sách đối với người lao động/ *Policies for Employees*

Công ty luôn thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với người lao động đã được quy định trong thỏa ước lao động và hợp đồng lao động. Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động, được đảm bảo về việc làm, được trả lương theo năng lực và thỏa thuận hợp đồng.

The Group consistently fulfills its commitments to employees as stipulated in the collective labor agreement and individual labor contracts. All employees have labor contracts, are guaranteed job security, and are compensated based on their capabilities and the terms of their contracts.

- Sửa đổi và ban hành Quy chế lương 2025 thay đổi cơ chế tính lương cho người lao động và thực hiện tăng lương theo định kỳ/ Amended and promulgated the 2025 Salary Regulation, revising the payroll calculation mechanism and implementing periodic salary increases for employees.
- 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án/ Investment activities, project implementation**
Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:
 - Trong năm 2025, Công ty đã tiếp nhận thành công và đưa vào sử dụng 02 tàu container cũ là HA Zeta (Tháng 2/2025) và HA Iris (Tháng 10/2025) nâng tổng số tàu của Đội tàu Hải An lên 18 chiếc với năng lực vận tải 29.400 TEU/ During 2025, the Company successfully acquired and commissioned two pre-owned container vessels, HA Zeta (February 2025) and HA Iris (October 2025), bringing Hai An's fleet size to 18 vessels with an aggregate capacity of 29,400 TEUs
 - Lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà kho CFS để phục vụ nhu cầu sử dụng điện năng cho khu vực tòa nhà văn phòng và sản xuất kinh doanh/ Installed a rooftop solar power system on the CFS warehouse to supply electricity for office buildings and business operations
 - Nâng cấp, sửa chữa văn phòng, sảnh tòa nhà Hải An và nhà để xe cho CBNV/ Upgraded and renovated the offices, lobby of the Hai An Building, and parking facilities for employees
 - Ký hợp đồng đóng mới 04 tàu container loại 3000 TEU (HATS 03 tàu, HACT 01 tàu) với nhà máy đóng tàu Yangzijiang Shipbuilding, TQ. Dự kiến thời gian nhận tàu đầu tiên vào tháng 12/2027/ Signed shipbuilding contracts for four (04) new 3,000 TEU container vessels (03 vessels for HATS and 01 vessel for HACT) with Yangzijiang Shipbuilding, China. The first vessel is expected to be delivered in December 2027
 - Góp vốn cùng Cổ đông lớn VSC thành lập Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines, số vốn điều lệ lần đầu 1.000 tỷ, trong đó VSC 60%, HAH 40% để đầu tư đóng mới 02 tàu container loại 7100 TEU với giá trị 86,6 triệu USD/1 tàu/ Contributed capital together with major shareholder VSC to establish Hai An Green Shipping Lines Co., Ltd., with an initial charter capital of VND 1,000 billion (VSC: 60%, HAH: 40%), for the purpose of investing in the construction of two (02) new 7,100 TEU container vessels, valued at USD 86.6 million per vessel.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

4.1 Tình hình tài chính/ Financial situation

Đơn vị: 1.000.000 VND

Unit: 1,000,000 VND

TT No.	Chỉ tiêu Indicators	BCTC Công ty mẹ Parent Company financial statements			BCTC Hợp nhất Consolidated financial statement		
	* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:	Năm 2024 Year 2024	Năm 2025 Year 2025	% tăng giảm % change	Năm 2024 Year 2024	Năm 2025 Year 2025	% tăng giảm % change
1	Tổng giá trị tài sản Total assets	5.836.501	6.923.913	38,75	7.289.525	8.713.615	36
2	Doanh thu thuần Net revenue	1.571.068	2.540.948	33,71	3.992.095	5.091.077	52,8
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Operating profit	608.396	1.141.474	21,59	980.436	1.748.164	119,3
4	Lợi nhuận khác Other profit	771	1.175	155,3	(3.147)	(24.627)	-
5	Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	609.168	1.142.649	21,67	977.289	1.723.536	117,15
6	Lợi nhuận sau thuế Profit after tax	499.393	940.742	19	800.225	1.400.895	123,64

TT No.	Chỉ tiêu Indicators	BCTC Công ty mẹ Parent Company financial statements			BCTC Hợp nhất Consolidated financial statement		
	* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:	Năm 2024 Year 2024	Năm 2025 Year 2025	% tăng giảm % change	Năm 2024 Year 2024	Năm 2025 Year 2025	% tăng giảm % change
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức Payout Ratio	15	40	-	15	40	-

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: **Không có/ None**

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

TT No.	Các chỉ tiêu Items	BCTC Công ty Mẹ Parent Company financial statements		BCTC Hợp nhất Consolidated financial statement		Ghi chú Note
		Năm 2025 Year 2025	Năm 2025 Year 2025	Năm 2024 Year 2024	Năm 2025 Year 2025	
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)/ <i>Current Ratio (Times)</i> TSLĐ/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt) + Hệ số thanh toán nhanh (lần)/ <i>Quick Ratio (Times)</i>					
		1,36	1,08	1,45	1,03	

TT No.	Các chỉ tiêu Items	BCTC Công ty Mẹ Parent Company financial statements		BCTC Hợp nhất Consolidated financial statement		Ghi chú Note
		Năm 2025 Year 2025	Năm 2025 Year 2025	Năm 2024 Year 2024	Năm 2025 Year 2025	
	TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>	1,33	1,01	1,38	0,93	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ Capital structure ratio					
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%) / (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,53	0,46	0,46	0,38	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%) / (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)	1,12	0,86	0,84	0,62	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio					
	+ Vòng quay hàng tồn kho (lần) / <i>Inventory turnover:</i>	34	30	29	26	
	<u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	0,31	0,4	0,63	0,63	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần) / (<i>Net revenue/Average Total Assets</i>)					
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability					
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	31,79	37,02	20,05	27,52	

TT No.	Các chỉ tiêu Items	BCTC Công ty Mẹ Parent Company financial statements		BCTC Hợp nhất Consolidated financial statement		Ghi chú Note
		Năm 2025 Year 2025	Năm 2025 Year 2025	Năm 2024 Year 2024	Năm 2025 Year 2025	
	<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>					
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) <i>(profit after tax/ total capital Ratio)</i>	19,76	29,02	22,41	29,68	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) <i>(profit after tax/ Total assets Ratio)</i>	9,95	14,74	12,65	17,43	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%) / <i>(Profit from business activities/ Net revenue Ratio)</i>	38,73	44,92	24,56	34,34	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2025)/ Shareholders structure, change in the owner's equity. (As of December 31, 2025)

5.1 Cổ phần/ Stock

Số lượng cổ phiếu của Công ty là 168.861.212 cổ phiếu.

The number of shares of the Group is 168,861,212 shares.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty (168.861.212 cổ phiếu) là cổ phiếu thường.

The total number of shares by type (common shares, preferred shares, etc.): All shares of the Group (168.861.212 shares) are common shares.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 168.861.212 cổ phiếu.

Number of outstanding shares: 168.861.212 shares.

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Number of treasury shares: 0 shares.

5.2 Cơ cấu cổ đông (tại ngày 30/12/2025)/ Shareholders structure (December 30,2025):

STT No.	Cổ đông Shareholder	Số lượng cổ phần Number of Shares	Tỷ lệ (%) Ratio	Số lượng cổ đông Number of Shareholders
I	Cổ đông trong nước/ Domestic Shareholders			
1	Tổ chức Organization	83.031.979 83,031,979	49,172%	62
2	Cá nhân Individual	73.547.556 73,547,556	43,555%	12.049
II	Cổ đông nước ngoài/ Foreign Shareholders			
3	Tổ chức Organization	11.713.192 11,713,192	6,937%	47
4	Cá nhân Individual	568,485 568,485	0,337%	224
III	Cổ phiếu quỹ/ Treasury Shares	-	-	-
IV	Tổng cộng Total	168.861.212 168.861.212	100%	12.382

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity:

Thời điểm tăng vốn <i>Capital increase timing</i>	Vốn đăng ký và thực góp (VND) <i>Registered capital and Contributed capital (VND)</i>	Giá trị tăng vốn thực góp (VND) <i>Value of increased contributed capital (VND)</i>	Hình thức tăng vốn <i>Form of capital increase</i>	Căn cứ pháp lý <i>Legal Basis</i>
15/05/2025	1.298.944.180.000	85.513.270.000	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi/ <i>Issuance of shares for conversion of convertible bonds</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 576/UBCK-QLCB ngày 28/3/2025 về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu của HAH; <i>Official Letter No. 576/UBCK-QLCB dated 19 March, 2025 regarding the report dossier on the results of the share issuance for bond conversion of HAH</i> <i>Official Letter No. 11188/VSDC-DKCP.NV regarding the certification of adjustments to the registered number of shares issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)</i> - Quyết định số 376/QĐ-SGDHCM ngày 13/05/2025

Thời điểm tăng vốn <i>Capital increase timing</i>	Vốn đăng ký và thực góp (VND) <i>Registered capital and Contributed capital (VND)</i>	Giá trị tăng vốn thực góp (VND) <i>Value of increased contributed capital (VND)</i>	Hình thức tăng vốn <i>Form of capital increase</i>	Căn cứ pháp lý <i>Legal Basis</i>
				v/v thay đổi đăng ký niêm yết của TGD SGD Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. <i>Decision No. 376/QĐ-SGDHCM dated May 13, 2025, regarding the change in listing registration issued by the CEO of the Ho Chi Minh City Stock Exchange</i>
08/08/2025	1.688.612.120.000	389.667.940.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024/ <i>Issuance of Shares for 2024 Dividend Payment</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 3586/UBCK-QLCB ngày 21/7/2025 về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HAH; <i>Official Letter No. 3586/UBCK-QLCB dated July 21, 2025, regarding the report documents on the issuance of shares for dividend payment of HAH</i> - Công văn số 4489/UBCK-QLCB ngày 19/8/2025 về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ

Thời điểm tăng vốn <i>Capital increase timing</i>	Vốn đăng ký và thực góp (VND) <i>Registered capital and Contributed capital (VND)</i>	Giá trị tăng vốn thực góp (VND) <i>Value of increased contributed capital (VND)</i>	Hình thức tăng vốn <i>Form of capital increase</i>	Căn cứ pháp lý <i>Legal Basis</i>
				<p>phiếu để trả cổ tức của HAH; <i>Official Letter No. 4489/UBCK-QLCB dated August 19, 2025, regarding the report documents on the results of the share issuance for dividend payment of HAH</i></p> <p>- Công văn số 11188/VSDC – DKCP.NV về việc chứng nhận điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. <i>Official Letter No. 11188/VSDC– DKCP.NV regarding the certification of adjustments to the registered number of shares issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing</i></p>

Thời điểm tăng vốn <i>Capital increase timing</i>	Vốn đăng ký và thực góp (VND) <i>Registered capital and Contributed capital (VND)</i>	Giá trị tăng vốn thực góp (VND) <i>Value of increased contributed capital (VND)</i>	Hình thức tăng vốn <i>Form of capital increase</i>	Căn cứ pháp lý <i>Legal Basis</i>
				<p><i>Corporation (VSDC)</i></p> <p>- Quyết định số 736/QĐ-SGDHCM ngày 27/8/2025 v/v thay đổi đăng ký niêm yết của TGD SGD Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.</p> <p><i>Decision No. 736/QĐ-SGDHCM dated August 27, 2025, regarding the change in listing registration issued by the CEO of the Ho Chi Minh City Stock Exchange</i></p>

5.4 **Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*:** Không có/ *None*

5.5 **Các chứng khoán khác/ *Other securities*:** Không có.

6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Group***

6.1 **Tác động lên môi trường/ *Impact on the Environment***

Công ty luôn quan tâm đến việc phát triển kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường. Đội tàu của Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về vấn đề sử dụng nhiên liệu với hàm lượng lưu huỳnh thấp, hệ thống xử lý nước thải và rác thải theo đúng quy chuẩn để giảm tác động ô nhiễm đến môi trường. Công ty luôn đề ra các phương án lịch trình tàu phù hợp với diễn biến thị trường vận tải, giá nhiên liệu và đồng thời rà soát điều chỉnh mức tiêu thụ nhiên liệu phù hợp để giảm mức tiêu thụ nhiên liệu, giảm lượng khí phát thải ra môi trường.

The Group consistently prioritizes business development in conjunction with environmental protection. Its fleet strictly complies with regulations on the use of low-sulfur fuel, wastewater treatment systems, and waste management in accordance with established standards to minimize environmental pollution. The Group also develops optimal ship schedules based on market trends in transportation and fuel prices while regularly reviewing and adjusting fuel consumption levels. These measures aim to reduce fuel usage and lower emissions released into the environment.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ Management of raw materials:

- Đối với vật liệu, Công ty luôn rà soát các hạng mục phụ tùng và vật tư cần thiết cấp cho khối văn phòng và cho đội tàu. Liên tục theo dõi hành trình tàu để cấp vật tư cho tàu theo lô lớn, tránh tình trạng cấp phát nhỏ lẻ gây lãng phí nguồn vật liệu.

Regarding materials, the Group consistently reviews the necessary components and supplies required for the office and fleet. It continuously monitors ship schedules to provide bulk supplies to vessels, avoiding small-scale distributions that could lead to material waste.

- Về sử dụng tài nguyên đất: Công ty đã quản lý, khai thác và sử dụng tốt quỹ đất của mình để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Regarding land resource utilization: The Group has effectively managed, exploited, and utilized its land resources to support its business operations.

6.3 Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

Công ty đã áp dụng các giải pháp, sáng kiến tiêu thụ dầu FO và DO một cách tiết kiệm cho các tàu để khai thác phù hợp với công suất tránh lãng phí năng lượng tiêu thụ.

The Group has implemented solutions and initiatives to efficiently consume FO and DO fuel for its vessels, ensuring operations are aligned with capacity to avoid unnecessary energy consumption.

6.4 Tiêu thụ nước/ Water consumption

Nguồn cung cấp nước và lượng nước ngọt chủ yếu được sử dụng tại trụ sở của Công ty. Công ty có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung.

The water supply and freshwater consumption are primarily utilized at the Group's headquarters. The Group has a domestic wastewater treatment system in place before discharging into the shared drainage system.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

Công ty luôn thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường. Trong năm 2025, Công ty không bị xử phạt vi phạm các quy định về môi trường.

The Group consistently complies with environmental regulations as mandated by law. In 2025, the Group was not penalized for any violations of environmental regulations.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu để doanh nghiệp hoạt động và phát triển. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Công ty luôn quan tâm và chú trọng đến hoạt động phát triển nguồn nhân lực. Năm 2025, Công ty đã triển khai nhiều chính sách về tiền lương, thưởng cũng như các phúc lợi cho người lao động tạo ra một môi trường làm việc hiệu quả. Công ty đã liên tục thực hiện các chương trình đào tạo, cập nhật kiến thức, các kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các chính sách phúc lợi khác cho cán bộ công nhân viên như: du lịch, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật... Công ty cũng định kỳ tổ chức các hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động. Đặc biệt năm 2025, Công ty đã có cơ chế tăng lương định kỳ cho người lao động.

Human resources are always a top priority for the operation and development of any business. Recognizing this importance, the Group places significant emphasis on human resource development. In 2025, the Group implemented various policies on salaries, bonuses, and employee benefits, fostering an efficient working environment. The Group consistently conducted training programs to update employees on knowledge and essential skills for their work. Additionally, the Group provided other welfare policies for employees, such as company trips, regular health check-ups, support during illnesses, birthday celebrations, and more. The Group also organized regular sports and physical activities to enhance the employees' mental well-being and quality of life. Notably, in 2025, the Company implemented a periodic salary increment mechanism for its employees.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

- Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương trong năm 2025 vừa qua. Công ty và công đoàn luôn quan tâm và đảm bảo việc làm, tiền lương và các chế độ chính sách, thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, chú trọng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, làm tốt các công tác an sinh cả trong và ngoài Công ty.

The Group has fulfilled its responsibilities toward the local community in 2025. The Group and the labor union have consistently prioritized ensuring employment, wages, and benefits for employees. It has effectively implemented labor protection, occupational safety and health measures, and focused on improving both the material and spiritual well-being of the workers. Additionally, the Group has carried out good social welfare initiatives both within and outside the organization.

- Công đoàn đã phối hợp với Công ty tổ chức các hoạt động thiết thực, các chương trình thiện nguyện.

The labor union has collaborated with the Group to organize practical activities and charitable programs, among other initiatives.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN)/ Report on green capital market activities under the guidance of the State Securities Commission (SSC):

Công ty đang xây dựng những chính sách định hướng theo hướng dẫn của UBCKNN để phát triển thị trường vốn xanh.

The Group is developing policies in accordance with the guidelines of the SSC to promote the development of the green capital market.

III. Báo cáo đánh giá của Tổng giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management

1. Thực hiện năm 2025/ Performance for the year 2025

a) Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2025 của Công ty như sau/ Business Performance Results for 2025:

STT/ No.	CHỈ TIÊU/ INDICATOR	Đơn vị/ Unit	Kế hoạch năm 2025/ 2025 Plan	Thực hiện năm 2025/ Performance in 2025	Tỷ lệ/ Ratio (5)/(4) (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tổng sản lượng/ Total Volume	TEU	1.466.000	1.440.982	98,29%
	- Khai thác cảng/ Port Operations	TEU	595.000	585.765	98,45%
	- Khai thác tàu/ Vessel Operations	TEU	693.000	675.056	97,41%
	- Sản lượng Depot/ Depot Operations	TEU	178.000	180.161	101,21%
2	Tổng Doanh thu/ Total Revenue	Tỷ VNĐ/ Billion VND	5.057	5.151	101,86%
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Công ty mẹ/ Consolidated profit after tax attributable to the Parent Company	Tỷ VNĐ/ Billion VND	1.140	1.206	105,83%

b) Các công việc đã đạt được/ Achievements:

- Trong năm 2025, Công ty đã tiếp nhận thành công và đưa vào sử dụng 02 tàu container cũ là HA Zeta (Tháng 2/2025) và HA Iris (Tháng 10/2025) nâng tổng số tàu của Đội tàu

- Hải An lên 18 chiếc với năng lực vận tải 29.400 TEU/ *In 2025, the Company successfully took delivery of and put into operation two pre-owned container vessels, HA Zeta (February 2025) and HA Iris (October 2025), increasing Hai An's fleet to 18 vessels with a total carrying capacity of 29,400 TEUs.*
- Thanh lý 03 xe nâng cũ hỏng nhãn hiệu Hyster không sử dụng được theo hình thức thanh lý sắt vụn/ *Disposed of three (03) obsolete and damaged Hyster forklifts through scrap liquidation.*
 - Lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà kho CFS để phục vụ nhu cầu sử dụng điện năng cho khu vực tòa nhà văn phòng và sản xuất kinh doanh/ *Installed a rooftop solar power system on the CFS warehouse to supply electricity for office buildings and business operations.*
 - Nâng cấp, sửa chữa văn phòng, sảnh tòa nhà Hải An và nhà để xe cho CBNV/ *Upgraded and renovated the offices, the lobby of the Hai An Building, and parking facilities for employees*
 - Chuyển đổi 203 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi thành 8.551.327 cổ phiếu, nâng tổng số vốn điều lệ của Công ty thành 1.688 tỷ đồng/ *Converted VND 203 billion of convertible bonds into 8,551,327 shares, increasing the Company's total charter capital to VND 1,688 billion.*
 - Góp vốn cùng Cổ đông lớn VSC thành lập Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines, số vốn điều lệ lần đầu 1.000 tỷ, trong đó VSC 60%, HAH 40% để đầu tư đóng mới 02 tàu container loại 7100 TEU với giá trị 86,6 triệu USD/1 tàu/ *Contributed capital together with major shareholder VSC to establish Hai An Green Shipping Lines Co., Ltd., with initial charter capital of VND 1,000 billion (VSC: 60%, HAH: 40%), for the purpose of investing in the construction of two (02) new 7,100 TEU container vessels at a contract price of USD 86.6 million per vessel.*
 - Ngày 26/06/2025, tại Hải Phòng, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thành công tốt đẹp/ *On 26 June 2025, in Hai Phong, the Company successfully held its 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*
 - Tổ chức sự kiện “Lễ ra mắt Bộ nhận diện thương hiệu mới và Kỷ niệm 10 năm niêm yết” tạo dấu ấn tốt cho khách hàng và đối tác/ *Organized the event “Launch of the New Brand Identity and 10th Listing Anniversary Celebration,” creating a positive impression among customers and partners*
 - Sửa đổi và ban hành Quy chế lương 2025 thay đổi cơ chế tính lương cho người lao động và thực hiện tăng lương theo định kỳ/ *Revised and promulgated the 2025 Salary Regulation, introducing adjustments to the payroll calculation mechanism and implementing periodic salary increases for employees*
 - Chuyển đổi hạch toán kế toán hoạt động khai thác cảng về Công ty TNHH Cảng Hải An/ *Transferred the accounting and financial reporting of port operation activities to Hai An Port Co., Ltd.*

- Đối với công tác công nghệ thông tin/ *Regarding information technology (IT) activities:*
 - + Nâng cấp hạ tầng lưu trữ máy chủ, bổ sung thiết bị mạng, tường lửa (Firewall) chạy mô hình dự phòng HA tăng cường bảo mật cho hệ thống Datacenter/ *Upgraded server storage infrastructure, added network equipment, and deployed firewall systems operating under a High Availability (HA) redundancy model to enhance security for the Company's Data Center.*
 - + Triển khai hoàn thiện và nâng cấp hệ thống phần mềm eDepot cho Cảng, phần mềm eEIR của Pan Hải An đáp ứng nhu cầu của khách hàng/ *Completed the implementation and enhancement of the eDepot software system for the Port, as well as the eEIR software of Pan Hai An, to better meet customer requirements.*
 - + Triển khai thành công áp dụng phần mềm quản lý Tàu cho 3 tàu: HA DELL, HA PARK và HA ALFA/ *Successfully implemented the vessel management software for three (03) vessels: HA DELL, HA PARK, and HA ALFA*

2. Kế hoạch năm 2026/ Plan for the Year 2026

a) Về kế hoạch đầu tư/ Investment Plan

- Về đội tàu/ *Regarding the fleet:*
 - + Tìm mua từ 01 đến 02 tàu container cũ size từ 1.100 – 3.500 TEU khi có cơ hội để đáp ứng nhu cầu sử dụng của đội tàu/ *Seek opportunities to acquire one (01) to two (02) pre-owned container vessels with capacities ranging from 1,100 to 3,500 TEUs to meet fleet deployment requirements*
 - + Theo dõi và thực hiện 04 hợp đồng đóng mới tàu 3000 TEU đã ký năm 2025/ *Monitor and execute the four (04) shipbuilding contracts for 3,000 TEU container vessels signed in 2025*
 - + Tận dụng cơ hội đầu tư đóng mới 02 tàu container size 7100 TEU cùng loại với cặp tàu của HAGR đã ký/ *Capitalize on the opportunity to invest in the construction of two (02) 7,100 TEU container vessels of the same class as those already contracted by HAGR*
 - + Làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính để huy động vốn cho các tàu đóng mới cũng như các tàu mua cũ nói trên/ *Work with banks and financial institutions to arrange financing for the above-mentioned newbuilding vessels as well as the acquisition of pre-owned vessels*
- Về cảng và logistics/ *Regarding port and logistics operations:*
 - + Xem xét, đánh giá khả năng thực hiện dự án Lưu Nguyễn Cái Mép, Bến phao BP05 để kinh doanh khai thác ở khu vực phía Nam/ *Review and assess the feasibility of implementing the Luu Nguyen Cai Mep Project and Buoy Berth BP05 for business operations in the Southern region.*

- + Tiếp tục hợp tác với các đối tác ở Hải Phòng để đưa tàu vào Cảng khai thác hiệu quả/ *Continue cooperating with partners in Hai Phong to deploy vessels to the Port for efficient operations*
- b) Về hoạt động kinh doanh/ *Business Operations*
 - Hỗ trợ hoạt động các doanh nghiệp thành viên trong HAIAN GROUP cụ thể/ *Support the operations of member companies within HAIAN Group, specifically:*
 - + HAP: Hiện đang khai thác các xe nâng với tình trạng kỹ thuật khác nhau, do đó cần phải thống kê, theo dõi chi phí/teu của từng xe để có kế hoạch sử dụng phù hợp vừa đảm bảo sản xuất vừa tiết giảm chi phí/ *HAP: Currently operates forklifts with varying technical conditions; therefore, it is necessary to collect and monitor cost per TEU for each unit in order to develop an appropriate deployment plan that ensures operational efficiency while optimizing costs*
 - + HACT: Cần tập trung theo dõi, kiểm soát các chi phí vật tư sửa chữa của đội tàu, đánh giá nguyên nhân tăng/giảm và tính hợp lý, hợp lệ của các chi phí đó. Đặt mục tiêu cụ thể cho các tàu về thời gian bắt đầu áp dụng phần mềm Quản lý tàu để đáp ứng yêu cầu quản lý, quản trị của Công ty/ *HACT: Strengthen monitoring and control of repair and maintenance material costs for the fleet, assess the reasons for cost fluctuations, and evaluate the reasonableness and compliance of such expenses. In addition, set specific timelines for each vessel to implement the vessel management software to meet the Company's governance and management requirements*
 - + PANHAIAN: Cần cải tiến quy trình vận hành giúp nâng cao năng suất lao động, tiết giảm nhân sự. Kiểm soát các chi phí thuê ngoài, vật tư sửa chữa phương tiện thiết bị/ *PANHAIAN: Improve operational processes to enhance labor productivity and optimize workforce utilization, while strictly controlling outsourcing expenses and repair and maintenance material costs for vehicles and equipment.*
 - Duy trì cơ cấu, tỷ lệ tàu cho thuê định hạn và tàu tự khai thác nhằm đảm hiệu quả khai thác đội tàu cũng như phát triển các tuyến vận tải/ *Maintain an appropriate mix between time-chartered vessels and self-operated vessels to ensure fleet utilization efficiency and support the development of shipping routes.*
 - Duy trì hợp tác tốt với ONE để khai thác tuyến Việt Nam - Singapore bằng việc điều chỉnh linh hoạt chi phí khai thác tuyến/ *Maintain strong cooperation with Ocean Network Express (ONE) in operating the Vietnam - Singapore route by flexibly adjusting route operating costs.*
 - Chuẩn bị nguồn nhân lực của Pan Hải An, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất/ *Prepare Pan Hai An's human resources to meet expansion demands.*
 - Tìm kiếm đối tác để có hợp đồng thuê với giá thuê và thời hạn tốt cho các tàu đóng mới 3000 TEU, 7000 TEU và các tàu hiện hữu hết hạn thuê trong 2026/ *Seek partners to secure charter contracts with favorable rates and tenures for the newbuilding 3,000 TEU and 7,000 TEU vessels, as well as for existing vessels whose charters expire in 2026.*

- c) Về công tác quản trị/ *Governance*
- Tập trung hoàn thiện hồ sơ và thực hiện ESOP theo NQ ĐHCĐ 2025/ *Focus on completing documentation and implementing the ESOP program in accordance with the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*
 - Tuyển chọn nhân sự (Cán bộ phụ trách) có năng lực và kinh nghiệm phục vụ cho việc thành lập phòng Quản trị rủi ro/ *Recruit qualified and experienced personnel (in charge officers) to support the establishment of the Risk Management Department.*
 - Theo dõi, kiểm soát các chi phí khai thác, chi phí vật tư sửa chữa phương tiện thiết bị như tàu, cần cẩu, xe nâng, xe đầu kéo.../ *Monitor and control operating expenses and repair and maintenance material costs for vessels and equipment, including ships, cranes, forklifts, and tractor trucks.*

3. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

3.1 Tình hình tài sản/ *Assets*

	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	BCTC Công ty Mẹ <i>Parent Company financial statements</i>		BCTC Hợp nhất <i>Consolidated financial statement</i>	
		31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025
I	Tài sản ngắn hạn <i>Current assets</i>	1.086.628.479.223	1.049.282.364.020	1.752.839.556.274	1.563.782.077.526
1	Tiền và các khoản tương đương tiền <i>Cash and cash equivalents</i>	589.817.476.977	110.428.848.668	921.889.788.422	533.594.787.447
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn <i>Short-term financial investments</i>	27.500.000.000	27.500.000.000	70.500.000.000	54.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn <i>Short-term receivables</i>	310.628.080.134	744.977.656.054	504.419.818.284	718.425.401.786
4	Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	21.993.464.669	67.018.027.662	87.781.858.225	155.247.312.190
5	Tài sản ngắn hạn khác <i>Other current assets</i>	136.689.457.443	99.357.831.636	168.248.091.434	102.514.576.103
II	Tài sản dài hạn	4.749.872.162.369	5.874.630.243.258	5.536.685.012.719	7.149.832.890.332

	<i>Non-Current assets</i>				
1	Các khoản phải thu dài hạn <i>Long-term receivables</i>	150.843.150.000	176.449.931.800	112.904.900.000	781.796.094.400
2	Tài sản cố định <i>Fixed assets</i>	4.132.476.626.342	4.609.225.765.007	4.774.994.459.130	5.084.775.661.857
3	Bất động sản đầu tư <i>Investment properties</i>	-	14.463.648.168	-	14.463.648.168
4	Tài sản dở dang dài hạn <i>Long-term assets in progress</i>	119.691.000	17.812.231.709	20.809.927.916	48.821.167.464
5	Đầu tư tài chính dài hạn <i>Long-term financial investments</i>	419.078.791.894	884.038.318.282	173.753.234.283	599.957.108.324
6	Tài sản dài hạn khác <i>Other non-current assets</i>	47.353.903.133	172.640.348.292	454.222.491.390	620.019.210.119
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN <i>TOTAL ASSETS</i>	5.836.500.641.592	6.923.912.607.278	7.289.524.568.993	8.713.614.967.858

3.2 Tình hình nợ phải trả/ *Debt Payable*

	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	BCTC Công ty Mẹ <i>Parent Company financial statements</i>		BCTC Hợp nhất <i>Consolidated financial statement</i>	
		31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025
I	Nợ ngắn hạn <i>Current liabilities</i>	797.964.807.412	972.243.339.257	1.210.096.529.973	1.513.929.796.195
1	Phải trả người bán ngắn hạn <i>Short-term trade payables</i>	45.966.546.880	81.566.079.458	205.592.705.340	274.899.036.745
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn <i>Short-term advances from customers</i>	-	-	7.277.106.996	4.099.071.887
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <i>Taxes and other obligations to the State Budget</i>	88.763.042.353	99.795.730.024	108.198.646.461	183.968.317.878
4	Phải trả người lao động <i>Payables to employees</i>	8.968.507.109	8.773.257.191	42.938.789.335	48.482.391.299
5	Chi phí phải trả ngắn hạn <i>Short-term accrued expenses</i>	26.142.161.255	22.783.420.811	58.858.307.791	44.520.136.352

	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	BCTC Công ty Mẹ <i>Parent Company financial statements</i>		BCTC Hợp nhất <i>Consolidated financial statement</i>	
		31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn <i>Short-term unearned revenue</i>	13.542.045.963	6.733.160.058	20.574.777.038	8.363.788.243
7	Phải trả ngắn hạn khác <i>Other short-term payables</i>	147.882.270.253	33.441.850.423	109.316.310.466	60.847.160.819
8	Vay ngắn hạn <i>Short-term borrowings</i>	381.587.350.174	597.095.355.015	532.321.458.647	711.044.949.828
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn <i>Short-term provisions</i>	-	-	9.903.790.210	15.892.300.000
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi <i>Bonus and welfare funds</i>	85.112.883.425	122.054.486.277	115.114.637.689	161.812.643.144
II	Nợ dài hạn <i>Non-current liabilities</i>	2.279.086.145.747	2.227.407.504.323	2.107.735.111.289	1.804.882.415.153
1	Phải trả dài hạn khác <i>Other long-term payables</i>	677.391.000.000	819.502.602.699	309.798.260.000	315.725.819.510
2	Vay dài hạn <i>Long-term borrowings</i>	1.601.695.145.747	1.407.904.901.624	1.797.936.851.289	1.489.156.595.643

	Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	BCTC Công ty Mẹ <i>Parent Company financial statements</i>		BCTC Hợp nhất <i>Consolidated financial statement</i>	
		31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025
	NỢ PHẢI TRẢ <i>LIABILITIES</i>	3.077.050.953.159	3.199.650.843.580	3.317.831.641.262	3.318.812.211.348

IV. Thông tin quản trị công ty/ Information of Corporate governance

1. Hội đồng Quản trị/ Board of Directors

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ Members and Structure of the Board of Directors

STT <i>No.</i>	Thành viên HĐQT <i>Members of</i> <i>BOD</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Số CP nắm giữ <i>Number of</i> <i>Shares</i> <i>held</i>	Tỷ lệ % <i>Percentage</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1	Ô. Vũ Thanh Hải <i>Mr. Vu Thanh Hai</i> Đại diện phần vốn: Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà <i>Capital Representative: Hai Ha Investment and Transport Joint Stock Company.</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman</i>	28.987.421		
2	Ô. Nguyễn Ngọc Tuấn <i>Mr. Nguyen Ngoc Tuan</i>	TVHĐQT kiêm TGD <i>Member of BOD, General Director</i>	155.026	0,092	
3	B. Trần Thị Hải Yến <i>Ms. Tran Thi Hai Yen</i>	TVHĐQT <i>Member of BOD</i>	2.626	0,002	
4	Ô. Phạm Quang Khánh <i>Mr. Pham Quang Khanh</i>	TVHĐQT kiêm PTGD <i>Member of BOD, Deputy</i>	77.365	0,046	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025 <i>Dismissed on June 26,2025</i>

STT No.	Thành viên HĐQT Members of BOD	Chức vụ Position	Số CP nắm giữ Number of Shares held	Tỷ lệ % Percentage	Ghi chú Notes
		General Director			
5	Ô. Nguyễn Đức Kiên Mr. Nguyen Duc Kien	TVHĐQT Member of BOD			
6	Ô. Nguyễn Văn Trúc Mr. Nguyen Van Truc	TVHĐQT Member of BOD	40.000	0,024	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025 Dismissed on June 26,2025
7	Ô. Lê Anh Minh Mr. Le Anh Minh	TVHĐQT Member of BOD			
8	Ô. Nguyễn Xuân Dũng	TVHĐQT Member of BOD			Bổ nhiệm ngày 26/06/2025 Appointed on June 26,2025
9	Ô. Tạ Công Thông	TVHĐQT Member of BOD			Bổ nhiệm ngày 26/06/2025 Appointed on June 26,2025

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị/ Sub-Committees under the Board of Directors: Không có/ None

1.3 Hoạt động của Hội đồng Quản trị/ Activities of BOD

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị/ Resolutions of the Board of Directors:

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	0201-2025/NQ- HĐQT	24/01/2025	- Thông qua tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Cảng Hải An, Công ty do Công

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<p>ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An sở hữu 100% vốn/ <i>Approval for the charter capital increase of Hai An Port Company Limited, a wholly-owned subsidiary of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company</i></p>
2	0301-2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận việc Công ty TNHH Cảng Hải An nhận chuyển nhượng phần vốn góp tương đương 15% vốn điều lệ (theo giá trị sổ sách ngày 31/12/2024) tại Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An từ ông Vũ Ngọc Sơn. Theo đó, sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng, Công ty TNHH Cảng Hải An sẽ sở hữu phần vốn góp tương đương 75% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An./ <i>Approval for Hai An Port Company Limited to acquire a capital contribution equivalent to 15% of the charter capital (based on the book value as of December 31, 2024) in Hai An Agency and Logistics Company Limited from Mr. Vu Ngoc Son. Following the completion of the transfer, Hai An Port Company Limited will hold a capital contribution equivalent to 75% of the charter capital in Hai An Agency and Logistics Company Limited.</i> - Thông qua hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa Công ty TNHH Cảng Hải An với ông Vũ Ngọc Sơn/ <i>Approval of the capital contribution transfer agreement between Hai An Port Company Limited and Mr. Vu Ngoc Son.</i> - Thống nhất ủy quyền cho ông Phạm Quang Khánh - Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An thực hiện ký kết các

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			hợp đồng, tài liệu, giao dịch có liên quan đến việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp và triển khai thực hiện các công việc cần thiết để hoàn tất các nội dung/ <i>Authorization granted to Mr. Pham Quang Khanh - Director of Hai An Port Company Limited - to sign contracts, documents, and transactions related to the acquisition of the capital contribution, and to carry out all necessary actions to complete the transaction.</i>
3	0401-2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	- Phê duyệt việc ký kết hợp đồng với các bên liên quan/ <i>Approval of the execution of contracts with related parties.</i>
4	0501-2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	- Thống nhất miễn tiền lãi cho vay giai đoạn từ ngày 01/04/2023 đến 31/12/2024 và trích lập dự phòng khoản tiền phải thu về cho vay với tỷ lệ 100% đối với ông Lê Phong Hiếu theo các hợp đồng cho vay đã ký số 01/HĐCV ngày 08/05/2020, số 02/HĐCV ngày 07/10/2021, số 03/HĐCV ngày 07/12/2021, số 04/HĐCV ngày 21/04/2022 ký giữa Công ty và ông Lê Phong Hiếu/ <i>Approval of interest waiver on loans for the period from April 1, 2023 to December 31, 2024, and recognition of a 100% provision for the receivable loan amounts from Mr. Le Phong Hieu, in accordance with the loan agreements signed between the Company and Mr. Le Phong Hieu, including Contract No. 01/HĐCV dated May 8, 2020; Contract No. 02/HĐCV dated October 7, 2021; Contract No. 03/HĐCV dated December 7, 2021; and</i>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<i>Contract No. 04/HĐCV dated April 21, 2022.</i>
5	0202-2025/NQ-HĐQT	03/02/2025	<p>- Chấp thuận và phê duyệt việc mua tàu “ATOOUT”, số IMO 9354648 của Bên bán là Thales Navigation S.A of Trust Company Complex có trụ sở tại Đảo Ajeltake, Majuro, Quần đảo Marshall theo Hợp đồng mua bán tàu ngày 16/01/2025 và các phụ lục sửa đổi, bổ sung kèm theo (sau đây được gọi là “MOA”) cũng như việc thực hiện MOA và Hợp đồng ủy thác ký ngày 22/01/2025 (“Hợp đồng ủy thác”)/ <i>Approval and ratification of the purchase of the vessel “ATOOUT”, IMO No. 9354648, from the Seller, Thales Navigation S.A of Trust Company Complex, located in Ajeltake Island, Majuro, Marshall Islands, under the Memorandum of Agreement (MOA) dated January 16, 2025, including all amendments and supplements thereto, as well as the execution of the MOA and the Escrow Agreement dated January 22, 2025 (“Escrow Agreement”).</i></p> <p>- Phát hành Hợp đồng ủy quyền v/v ủy quyền cho các ông có tên sau đây: + Ông Vũ Thanh Hải - Chủ tịch - hộ chiếu số P01894860 + Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Tổng Giám đốc - hộ chiếu số C8195656 + Ông Trần Văn Quyền - Giám đốc HACT - hộ chiếu số C8371821</p> <p>Từng người độc lập, thay mặt Công ty tổ chức ký kết và thực hiện MOA, Hợp đồng ủy quyền và toàn bộ các tài liệu khác liên quan đến việc nhận bàn giao</p>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<p>Tàu/ <i>Issuance of a Power of Attorney authorizing the following individuals:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Mr. Vu Thanh Hai - Chairman - Passport No. P01894860</i> + <i>Mr. Nguyen Ngoc Tuan - General Director - Passport No. C8195656</i> + <i>Mr. Tran Van Quyen - Director of HACT - Passport No. C8371821</i> <p><i>Each of them independently is authorized, on behalf of the Company, to execute and carry out the MOA, the Power of Attorney, and all other documents related to the delivery and acceptance of the Vessel</i></p>
6	0402-2025/NQ-HĐQT	19/02/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2024/ <i>Approval of the 2024 audited financial statements and the Company's business performance results.</i> - Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025/ <i>Approval of the 2025 business and production plan</i>
7	0502-2025/NQ-HĐQT	19/02/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội/ <i>Approval of the loan arrangement with HSBC Bank (Vietnam) Ltd. - Hanoi Branch</i>
8	0702-2025/NQ-HĐQT	27/02/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi mã HAAH2328001 (Mã giao dịch: HAH42401)/ <i>Approval of the implementation of the plan for issuing shares to convert the convertible bonds</i>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<i>with code HAAH2328001 (Trading code: HAH42401)</i>
9	0203-2025/NQ-HĐQT	17/03/2025	- Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi mã HAAH2328001 (Mã giao dịch: HAH42401)/ <i>Approval of the implementation of the share issuance plan for the conversion of convertible bonds with code HAAH2328001 (Trading code: HAH42401)</i>
10	0403-2025/NQ-HĐQT	31/03/2025	- Thông qua nội dung sửa đổi mục 1 điều 7 của Điều lệ Công ty/ <i>Approval of the amendment to Article 7, Clause 1 of the Company's Charter</i>
11	0204-2025/NQ-HĐQT	16/04/2025	- Phê duyệt đầu tư đóng mới tàu container/ <i>Approval of the investment in the construction of a new container vessel</i> - Đồng ý chủ trương đầu tư đóng mới tàu container của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An/ <i>Approval in principle of the investment in the construction of a new container vessel by Hai An Container Transport Company Limited.</i>
12	0404-2025/NQ-HĐQT	18/04/2025	- Thông qua việc gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025/ <i>Approval of the extension for holding the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>
13	0504-2025/NQ-HĐQT	18/04/2025	- Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty TNHH Cảng Hải An tại Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An/ <i>Appointment of the capital contribution representative of Hai An Port Company Limited at Hai An Agency and Logistics Company Limited</i>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
14	0205-2025/NQ- HĐQT	09/05/2025	- Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025/ <i>Approval of the plan for organizing the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>
15	0206-2025/NQ- HĐQT	02/06/2025	- Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025/ <i>Approval of the plan for convening the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i> - Thống nhất chủ trương tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Vận tải Container Hải An/ <i>Approval in principle of the charter capital increase at Hai An Container Transport Company Limited</i>
16	0406-2025/NQ- HĐQT	16/06/2025	- Thông qua danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An nhiệm kỳ 2023-2028, do nhóm cổ đông lớn đề cử/ <i>Approval of the list of candidates nominated by the major shareholder group for the additional election of members to the Board of Directors of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company for the 2023-2028 term</i>
17	0606-2025/NQ- HĐQT	25/06/2025	- Phê duyệt đầu tư mua tàu container đã qua sử dụng/ <i>Approval of the investment in the purchase of a second-hand container vessel</i>
18	0806-2025/NQ- HĐQT	30/06/2025	- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An/ <i>Approval of the selection of the audit firm to</i>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<i>review the semi-annual financial statements and audit the financial statements for the fiscal year ending December 31, 2025, of Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company</i>
19	0207-2025/NQ-HĐQT	09/07/2025	- Thông qua các thủ tục cần thiết để trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2024/ <i>Approval of the necessary procedures for the payment of dividends in shares for 2024</i>
20	0407-2025/NQ-HĐQT	16/07/2025	- Phê duyệt đầu tư đóng mới tàu container/ <i>Approval of the investment in the construction of a new container vessel</i>
21	0607-2025/NQ-HĐQT	24/07/2025	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc nhận cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu/ <i>Approval of the record date for finalizing the list of shareholders entitled to receive share dividends for 2024</i>
22	0707-2025/NQ-HĐQT	24/07/2025	- Thông qua việc triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền/ <i>Approval of the implementation of the cash dividend payment plan for 2024.</i>
23	0208-2025/NQ-HĐQT	15/08/2025	- Thông qua việc tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines và cử người đại diện phần vốn góp của Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines/ <i>Approval of the capital contribution to establish Hai An Green Shipping Lines Company Limited and the appointment of the Company's authorized representative for its contributed capital in Hai An Green Shipping Lines Company Limited.</i>
24	0408-2025/NQ-HĐQT	26/08/2025	- Thông qua nội dung sửa đổi mục 1 Điều 7 của Điều lệ Công ty/ <i>Approval of the</i>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<i>amendment to Clause 1, Article 7 of the Company Charter</i>
25	0210-2025/NQ-HĐQT	01/10/2025	- Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)/ <i>Approval of the implementation of the share issuance plan under the Employee Stock Ownership Plan (ESOP)</i>
26	0310-2025/NQ-HĐQT	01/10/2025	- Đề nghị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) – CN Hải Phòng cấp tín dụng cho Công ty với số tiền là 220.000.000.000 VND/ <i>Approval of the request for Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Eximbank) – Hai Phong Branch to extend credit to the Company in the amount of VND 220,000,000,000</i>
27	0510-2025/NQ-HĐQT	20/10/2025	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2025/ <i>Approval of the record date for finalizing the list of shareholders entitled to attend the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2025</i>
28	0211-2025/NQ-HĐQT	14/11/2025	- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường 2025/ <i>Approval of the plan for organizing the 2025 Extraordinary General Meeting of Shareholders.</i>
29	0212-2025/NQ-HĐQT	17/12/2025	- Thông qua thay thế Biên bản họp HĐQT số 0110-2025/BB-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 0210-2025/NQ-HĐQT của Công ty v/v triển khai phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty/ <i>Approval of the replacement of the</i>

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<i>Board of Directors' Meeting Minutes No. 0110-2025/BB-BOD and the Board of Directors' Resolution No. 0210-2025/NQ-BOD of the Company regarding the implementation of the share issuance plan under the Employee Stock Ownership Plan (ESOP).</i>
30	0412-2025/NQ-HĐQT	22/12/2025	<p>- Chấp thuận việc Công ty thay thế tài sản bảo đảm hiện tại là tài HAIAN MIND bằng tàu HAIAN VIEW theo thỏa thuận sửa đổi lần thứ ba đính kèm Hợp đồng thế chấp tàu biển và các quyền liên quan số VHN 120523/CM/MV ngày 6/5/2024 được ký kết giữa Công ty với tư cách là Bên thế chấp và Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội với tư cách là Bên nhận thế chấp/ <i>Approval of the Company's replacement of the existing collateral, being the vessel HAIAN MIND, with the vessel HAIAN VIEW in accordance with the Third Amendment Agreement attached to the Ship Mortgage and Related Rights Agreement No. VHN 120523/CM/MV dated 6 May 2024, entered into between the Company, acting as the Mortgagor, and HSBC Bank (Vietnam) Limited – Hanoi Branch, acting as the Mortgagee.</i></p>

2. Ban Kiểm soát/ Board of Control

- **Thành viên Ban Kiểm soát/ Member of Board of Control**

STT No.	Thành viên BKS Member of BOC	Chức vụ Position	Số CP năm giữ Number of Shares held	Tỷ lệ % Percentage	Ghi chú Notes
1	B. Nguyễn Thị Thanh Tú <i>Ms. Nguyen Thi Thanh Tu</i>	Trưởng ban <i>Head of BOC</i>	61.435	0,051	
2	B. Trần Thị Thơm <i>Ms. Tran Thi Thom</i>	Kiểm soát viên <i>Member of BOC</i>	14.950	0,012	
4	Ô. Nguyễn Mạnh Hùng <i>Mr. Nguyen Manh Hung</i>	Kiểm soát viên <i>Member of BOC</i>			

- **Hoạt động của Ban Kiểm soát/ Activities of BOC**

Trong năm 2025, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ xem xét chi tiết hoạt động quản trị và kinh doanh của công ty tại thời điểm. Đại diện Ban kiểm soát được HĐQT mời tham gia phiên họp làm việc về các định hướng phát triển của Công ty. Ban kiểm soát cũng thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của công ty với Ban điều hành và HĐQT.

In 2025, the BOC carried out its duties by conducting a detailed review of the Group's governance and business activities at specific times. A representative of the BOC was invited by the Board of Directors to participate in meetings discussing the Group's development strategies. The Board of Control also regularly maintained communication and evaluated the Group's operational performance with the Executive Board and the Board of Directors.

3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, Allowance, and Benefits of the BOD, Management Board and BOC**

3.1 **Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (Giá trị trước thuế TNCN)/ Allowance of the BOD and BOC (Pre-Personal Income Tax Value)**

STT No.	Nội dung Content	Thù lao Allowance	Ghi chú Notes
I	Hội đồng quản trị <i>Board of Directors</i>		

STT <i>No.</i>	Nội dung <i>Content</i>	Thù lao <i>Allowance</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1	Vũ Thanh Hải	120.000.000	
2	Trần Thị Hải Yến	120.000.000	
3	Nguyễn Ngọc Tuấn	120.000.000	
4	Phạm Quang Khánh	120.000.000	
5	Nguyễn Đức Kiên	120.000.000	
6	Nguyễn Văn Trúc	120.000.000	
7	Lê Anh Minh	120.000.000	
II	Ban Kiểm soát <i>Board of Control</i>		
1	Nguyễn Thị Thanh Tú	60.000.000	
2	Trần Thị Thơm	60.000.000	
3	Nguyễn Mạnh Hùng	60.000.000	

3.2 Giao dịch của cổ đông lớn/cổ đông nội bộ và người có liên quan/ Transaction of major shareholder, internal shareholder and related persons of internal persons

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transacting Party	Quan hệ với cổ đông nội bộ Relationship with internal shareholder	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ (%) Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ (%) Percentage	
1	Công ty cổ phần Container Việt Nam Vietnam Container Shipping Joint Stock Company	Ông Nguyễn Xuân Dũng - Chủ tịch CTCP Container Việt Nam là thành viên HĐQT <i>Mr. Nguyen Xuan Dung - Chairman of Vietnam Container Shipping Joint Stock Company, Member of the Board of Directors</i> Ông Tạ Công Thông - Tổng giám đốc CTCP Container Việt Nam là thành viên HĐQT <i>Mr. Ta Cong Thong - Chief Executive Officer of Vietnam Container Shipping Joint Stock</i>	-	-	29.863.050	17,68%	Tăng đầu tư <i>Increase investment</i>

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transacting Party</i>	Quan hệ với cổ đông nội bộ <i>Relationship with internal shareholder</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ (%) <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ (%) <i>Percentage</i>	
		<i>Company, Member of the Board of Directors</i>					
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh <i>Greenport Services One Member Limited Liability Company</i>	Ông Tạ Công Thông - Chủ tịch CT TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh là thành viên HĐQT <i>Mr. Ta Cong Thong - Chairman of Green Port Services One Member Limited Liability Company, Member of the Board of Directors</i>	-	-	6.538.250	3,87%	Tăng đầu tư <i>Increase investment</i>
3	Ông Vũ Doãn Hạnh <i>Mr. Vu Doan Hanh</i>	Là Phó Tổng giám đốc Công ty <i>Deputy General Director</i>	171.424	0,14%	227.651	0.13%	Tăng đầu tư <i>Increase investment</i>

3.3 Các hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan/ *Contracts or transactions with internal shareholders and related persons:*

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan/ *During the year, the Company entered into the following significant transactions with its related parties:*

	Năm nay <i>Current year</i>	Năm trước <i>Prior year</i>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ <i>Sales of services rendered</i>	223.511.711.774	122.945.984.529
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <i>Hai An Transport and Logistics Joint Stock Company</i>	128.984.275.059	88.530.508.603
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên <i>An Bien Shipping Joint Stock Company</i>	30.592.973.100	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng <i>Hai Phong Branch - Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	32.886.820.985	26.282.654.931
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh City Branch - Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	20.182.121.986	125.085.927
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức <i>Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	10.864.300.644	8.007.735.068
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng xanh <i>Greenport Services One Member Limited Liability Company</i>	1.220.000	-
Chi phí cung cấp dịch vụ <i>Cost of services rendered</i>	98.500.317.063	80.740.302.629
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Branch - Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	55.906.573.265	38.743.256.021
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức <i>Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	34.638.610.977	36.198.217.191
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <i>Hai An Transport and Logistics Joint Stock Company</i>	7.912.489.561	5.743.443.417
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng <i>Hai Phong Branch - Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	42.643.260	55.386.000
Chi phí quản lý <i>Management fee</i>	4.653.224.289	3.655.448.323

	Năm nay <i>Current year</i>	Năm trước <i>Prior year</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà <i>Hai Ha Investment and Transport Joint Stock Company</i>	4.653.224.289	3.655.448.323
Chia lợi nhuận BCC <i>BCC profit shared</i>	115.224.338.778	61.241.066.921
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà <i>Hai Ha Investment and Transport Joint Stock Company</i>	62.540.254.375	30.974.503.963
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức <i>Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	35.091.385.732	21.050.709.440
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <i>Hai An Transport and Logistics Joint Stock Company</i>	13.817.472.212	8.357.231.716
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên <i>An Bien Shipping Joint Stock Company</i>	3.775.226.459	858.621.802
Lợi nhuận BCC chuyển về được nhận <i>BCC profit received</i>	25.111.288.674	73.753.836.670
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên <i>An Bien Shipping Joint Stock Company</i>	25.111.288.674	73.753.836.670
Lợi nhuận chuyển về được nhận <i>Profit received</i>	7.553.760.000	2.953.760.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức <i>Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	6.000.000.000	1.400.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <i>Hai An Transport and Logistics Joint Stock Company</i>	1.553.760.000	1.553.760.000
Lãi cho vay <i>Loan interest</i>	2.688.276.713	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức <i>Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	2.688.276.713	-
Góp vốn <i>Capital contributed</i>	400.000.000.000	-
Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines <i>Hai An Green Shipping Lines Company Limited</i>	400.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán/ Significant related party balances as at the consolidated balance sheet date were as follows:

	Năm nay <i>Current year</i>	Năm trước <i>Prior year</i>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	35.635.372.675	30.890.246.453
<i>Short-term trade receivables</i>		
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An Hải An	24.491.254.257	20.540.265.877
<i>Transport and Logistics Joint Stock Company</i>		
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng <i>Hai Phong Branch - Marina Logistics &</i> <i>Agencies Company Limited</i>	5.109.125.610	5.582.920.100
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức <i>Ho Chi Minh City Branch - Marina Logistics</i> <i>& Agencies Company Limited</i>	3.716.030.588	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức <i>Marina Logistics & Agencies Company</i> <i>Limited</i>	1.741.330.220	1.811.015.156
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên <i>An Bien Shipping Joint Stock Company</i>	577.632.000	2.956.045.320
Phải thu về cho vay ngắn hạn	65.000.000.000	-
<i>Short-term loan receivables</i>		
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức <i>Marina Logistics & Agencies Company</i> <i>Limited</i>	65.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	137.784.087.908	77.537.158.866
<i>Other short-term receivables</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên <i>An Bien Shipping Joint Stock Company</i>	136.900.054.286	77.338.217.071
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức <i>Marina Logistics & Agencies Company</i> <i>Limited</i>	810.972.603	-

Các khoản chi hộ khác <i>Other receipt on behalf</i>	73.061.019	198.941.795
Phải thu dài hạn khác <i>Other long-term receivables</i>	83.333.250.000	112.820.400.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên <i>An Bien Shipping Joint Stock Company</i>	83.333.250.000	112.820.400.000
Phải trả người bán ngắn hạn <i>Short-term trade payables</i>	19.634.851.932	14.730.843.929
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức <i>Ho Chi Minh City Branch - Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	11.286.771.887	7.530.514.596
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức <i>Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	7.734.806.276	6.711.188.590
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà <i>Hai Ha Investment and Transport Joint Stock Company</i>	359.462.009	489.140.743
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <i>Hai An Transport and Logistics Joint Stock Company</i>	253.811.760	-
Phải trả ngắn hạn khác <i>Other short-term payables</i>	12.012.278.814	54.571.730.610
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà <i>Hai Ha Investment and Transport Joint Stock Company</i>	6.169.028.049	24.623.789.454
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức <i>Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	5.303.250.765	21.050.709.440
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <i>Hai An Transport and Logistics Joint Stock Company</i>	-	8.357.231.716
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát <i>Board of Directors and Supervisory Board Remuneration</i>	540.000.000	540.000.000

Phải trả dài hạn khác	313.823.182.856	259.798.260.000
<i>Other long-term payables</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà <i>Hai Ha Investment and Transport Joint Stock Company</i>	153.801.862.864	129.273.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức <i>Marina Logistics & Agencies Company Limited</i>	97.878.587.780	82.200.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <i>Hai An Transport and Logistics Joint Stock Company</i>	42.142.732.212	28.325.260.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên <i>An Bien Shipping Joint Stock Company</i>	20.000.000.000	20.000.000.000

V. Báo cáo tài chính/ Financial statements

Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (Công ty Mẹ và Hợp nhất) có thể tham khảo trên địa chỉ Website: www.haiants.vn (Mục Quan hệ Cổ đông)

The audited Financial Statements for 2025 (Parent Company and Consolidated) can be accessed at the website: www.haiants.vn (Investor Relations section).

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Hanoi, 06 March 2026

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

LEGAL REPRESENTATIVE



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên độc lập
Ông Lê Anh Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Ông Tạ Công Thông	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thơm	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng
-----------------------	----------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2026

Số: 0493/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 15 tháng 02 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Hoàng Lan Hương
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0898-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 02 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Huy Bắc
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5197-2026-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.049.282.364.020	1.086.628.479.223
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	110.428.848.668	589.817.476.977
1. Tiền	111		110.428.848.668	259.817.476.977
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	330.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	27.500.000.000	27.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		27.500.000.000	27.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		744.977.656.054	310.628.080.134
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	62.357.906.283	165.462.730.292
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	43.145.902.690	6.165.161.294
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	38.000.000.000	38.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	639.473.847.081	139.000.188.548
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(38.000.000.000)	(38.000.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	11	67.018.027.662	21.993.464.669
1. Hàng tồn kho	141		67.018.027.662	21.993.464.669
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		99.357.831.636	136.689.457.443
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	5.892.955.593	13.105.073.337
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		93.464.876.043	123.584.384.106

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.874.630.243.258	4.749.872.162.369
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		176.449.931.800	150.843.150.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	176.375.931.800	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	74.000.000	150.843.150.000
II. Tài sản cố định	220		4.609.225.765.007	4.132.476.626.342
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.606.653.541.694	4.129.171.449.977
- Nguyên giá	222		6.189.211.374.803	5.297.376.741.103
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.582.557.833.109)	(1.168.205.291.126)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	2.572.223.313	3.305.176.365
- Nguyên giá	228		8.316.325.236	8.316.325.236
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.744.101.923)	(5.011.148.871)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	14.463.648.168	-
- Nguyên giá	231		25.000.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.536.351.832)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		17.812.231.709	119.691.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	17.812.231.709	119.691.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	884.038.318.282	419.078.791.894
1. Đầu tư vào công ty con	251		488.562.476.376	418.562.476.376
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		401.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.018.158.094)	(978.550.982)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		172.640.348.292	47.353.903.133
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	172.640.348.292	47.353.903.133
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		6.923.912.607.278	5.836.500.641.592

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.199.650.843.580		3.077.050.953.159	
I. Nợ ngắn hạn	310		972.243.339.257		797.964.807.412	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	81.566.079.458		45.966.546.880	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	99.795.730.024		88.763.042.353	
3. Phải trả người lao động	314		8.773.257.191		8.968.507.109	
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	22.783.420.811		26.142.161.255	
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	6.733.160.058		13.542.045.963	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	33.441.850.423		147.882.270.253	
7. Vay ngắn hạn	320	22	597.095.355.015		381.587.350.174	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	122.054.486.277		85.112.883.425	
II. Nợ dài hạn	330		2.227.407.504.323		2.279.086.145.747	
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	819.502.602.699		677.391.000.000	
2. Vay dài hạn	338	23	1.407.904.901.624		1.601.695.145.747	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.724.261.763.698		2.759.449.688.433	
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	3.724.261.763.698		2.759.449.688.433	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.688.612.120.000		1.213.430.910.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.688.612.120.000		1.213.430.910.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		305.684.510.462		191.640.648.159	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		767.865.070.809		702.697.070.809	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		962.100.062.427		651.681.059.465	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		21.358.407.299		152.288.249.641	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		940.741.655.128		499.392.809.824	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		6.923.912.607.278		5.836.500.641.592	

Vũ Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	28	2.540.947.644.734	1.571.067.708.425
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		2.540.947.644.734	1.571.067.708.425
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	29	1.317.786.093.451	867.853.141.848
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.223.161.551.283	703.214.566.577
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	83.963.064.374	37.820.625.193
6. Chi phí tài chính	22	32	118.440.017.551	48.648.251.167
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		107.994.566.769	69.672.862.869
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	47.210.323.712	83.990.454.889
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		1.141.474.274.394	608.396.485.714
9. Thu nhập khác	31		3.476.547.033	3.912.914.440
10. Chi phí khác	32		2.301.591.981	3.141.313.269
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.174.955.052	771.601.171
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.142.649.229.446	609.168.086.885
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	201.907.574.318	109.775.277.061
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		940.741.655.128	499.392.809.824

Vũ Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.142.649.229.446	609.168.086.885
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	384.408.216.176	243.009.399.846
Các khoản dự phòng	03	5.039.607.112	13.016.578.248
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	3.554.773.895	2.116.572.482
Chi phí lãi vay	05	(74.954.037.854)	(36.169.360.178)
Chi phí lãi vay	06	107.994.566.769	69.672.862.869
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.568.692.355.544	900.814.140.152
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(432.228.805.686)	135.781.868.678
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(45.024.562.993)	7.022.990.348
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	343.731.843.092	125.114.265.256
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(118.074.327.415)	51.941.168.972
Tiền lãi vay đã trả	14	(110.471.731.490)	(50.728.718.635)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(233.832.873.207)	(112.018.418.436)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.675.397.148)	(34.648.104.822)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	964.116.500.697	1.023.279.191.513
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.137.233.190.417)	(1.743.850.027.486)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	367.111.110	9.350.533.706
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	115.914.550.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(470.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	2.547.400	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	73.555.484.872	17.898.661.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.533.308.047.035)	(1.650.686.282.254)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	793.552.523.128	1.416.061.814.338
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(573.721.993.925)	(331.084.206.483)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(129.894.418.000)	(15.960.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	89.936.111.203	1.084.961.647.855
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(479.255.435.135)	457.554.557.114
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	589.817.476.977	131.305.891.161
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(133.193.174)	957.028.702
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	<u>110.428.848.668</u>	<u>589.817.476.977</u>

Vũ Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Tài chính Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 20 ngày 22 tháng 8 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 1.688.612.120.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 11 tháng 3 năm 2015 với mã chứng khoán là HAH.

Công ty có trụ sở chính tại số Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 82 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 81 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 5 công ty con trực tiếp và 2 công ty liên kết trực tiếp. Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	100%	100%	Cung cấp dịch vụ cảng biển
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, Tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	50,5%	50,5%	Dịch vụ vận tải
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, Tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	51%	51%	Dịch vụ khai thác Depot
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 2, Tòa nhà Đình Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	51%	51%	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	Tổ 13, Khu phố Thị Vải, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	51,54%	51,54%	Bãi Container và dịch vụ cảng
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Văn phòng 3B, Tầng 3, Tòa B, Tòa nhà Green Pearl, Số 378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	36,16%	36,16%	Vận tải hàng hóa
Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines	Tầng 3, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	40%	40%	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, thông tin chi tiết về các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Khu A, lô 17, khu nhà ở Phú Mỹ, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đủ thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cùng các công ty con trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200 và,
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa nhóm Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty bao gồm hợp tác kinh doanh theo phương thức phân chia lợi nhuận có được từ dự án.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo phương thức phân chia lợi nhuận có được từ dự án Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh, báo cáo cơ quan thuế về việc khoản doanh thu, chi phí này đã được thực hiện nghĩa vụ thuế làm căn cứ điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Phương pháp kế toán để hạch toán hàng tồn kho mà Công ty sử dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước, trừ giá xuất kho nhiên liệu dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm tòa nhà tòa nhà Hải An, Km số 2 Đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 13 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.



Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị chi phí sửa chữa lên đà, chi phí bảo hiểm, chi phí dầu nhờn, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ vận tải, xếp dỡ hàng hóa chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các

điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	564.378.912	636.908.738
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	109.864.469.756	259.180.568.239
Các khoản tương đương tiền	-	330.000.000.000
	110.428.848.668	589.817.476.977

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000

- (i) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính.

b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b1) Đầu tư vào công ty con	488.562.476.376	(6.018.158.094)	418.562.476.376	(978.550.982)
Công ty TNHH Pan Hải An	139.622.700.000	-	139.622.700.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	124.423.676.376	(6.018.158.094)	124.423.676.376	(978.550.982)
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Cảng Hải An (i)	100.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	23.516.100.000	-	23.516.100.000	-
b2) Đầu tư vào công ty liên kết	401.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines (ii)	400.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
b3) Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	866.500	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Macstar	-	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	-	-	2.500	-

(i) Trong năm, Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Cảng Hải An với số tiền là 70.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 0201-2025/NQ-HĐTQ ngày 24 tháng 01 năm 2025. Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Cảng Hải An là 100%.

(ii) Ngày 17 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn vào Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines với số tiền là 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 0208-2025/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2025. Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines là 40%.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty chưa niêm yết trên sàn chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định kế toán hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch, số dư chủ yếu giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 35.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Công ty con		
Công ty TNHH Pan Hải An	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	Đang trong giai đoạn đầu tư	Đang trong giai đoạn đầu tư
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Cảng Hải An	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines	Đang trong giai đoạn đầu tư	Chưa thành lập

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	45.149.573.952	111.022.213.535
Chi nhánh Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam tại Hải Phòng	4.799.945.600	2.809.307.329
Công ty Ocean Network Express Pte. Ltd.	2.865.756.721	2.668.461.636
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	1.335.581.361	1.388.531.130
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.248.789.044	1.845.629.101
Công ty TNHH Cảng Hải An	-	39.535.842.664
Phải thu từ khách hàng khác	6.958.259.605	6.192.744.897
	62.357.906.283	165.462.730.292
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	47.965.960.627	154.305.107.861

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty ASYAD Drydock Co LLC	28.225.929.600	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hải	5.408.267.108	-
Công ty TNHH Thương mại, Vận tải và Du lịch Quốc tế Vitra	-	4.080.516.000
Các nhà cung cấp khác	9.511.705.982	2.084.645.294
	43.145.902.690	6.165.161.294
b. Trả trước cho người bán dài hạn		
Công ty Jiangsu NewYangzi Shipbuilding Co.,Ltd	176.375.931.800	-
	176.375.931.800	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ông Lê Phong Hiếu (i)	38.000.000.000	(38.000.000.000)	38.000.000.000	(38.000.000.000)

- (i) Khoản cho vay ông Lê Phong Hiếu theo các Hợp đồng ký kết từ năm 2020 đến năm 2022, mục đích để bên vay nộp tiền thuế đất 01 lần và thực hiện các thủ tục pháp lý cho Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn cho vay 6 tháng, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn và khoản vay được gia hạn nhiều lần. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của ông Hiếu.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, Ông Hiếu đã có đơn xin Công ty gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc cho đến khi chuyển nhượng được Dự án cho đối tác thứ ba, đồng thời, xin miễn toàn bộ nợ lãi. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 0501-2025/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thống nhất miễn lãi cho giai đoạn từ 01 tháng 4 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và quyết định gia hạn khoản vay đồng thời trích lập dự phòng 100% đối với số dư khoản cho vay này. Trong năm 2025, Công ty không dự thu thêm lãi phát sinh từ khoản cho vay này do đánh giá khoản phải thu đã không có khả năng thu hồi nợ gốc đồng thời Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0501-2026/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 01 năm 2026 phê duyệt việc miễn lãi cho ông Lê Phong Hiếu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến khi thu hồi hoặc xử lý xong khoản nợ.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi hộ thanh toán hợp đồng đóng tàu (i)	346.942.024.200	-
Vốn góp cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	150.769.150.000	-
Lãi phải thu cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	86.460.621.429	81.738.106.676
Phải thu về lợi nhuận được chia	33.787.363.167	22.438.026.249
Chi phí tổn thất sự cố tàu Haiian Dell chờ bồi thường (iii)	13.483.960.480	31.231.275.685
Lãi tiền gửi dự thu	1.250.597.261	-
Phải thu khác	6.780.130.544	3.592.779.938
	639.473.847.081	139.000.188.548
Trong đó: phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	617.760.887.321	104.202.397.115
b. Dài hạn		
Vốn góp cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	-	150.769.150.000
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	74.000.000
	74.000.000	150.843.150.000
Trong đó: phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	-	150.769.150.000

- (i) Theo thỏa thuận ba bên giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, Công ty TNHH Vận tải Container Hải An và Công ty Jiangsu NewYangzi Shipbuilding Co.,Ltd ngày 30 tháng 12 năm 2025, Công ty đã chuyển giao một phần quyền mua tàu cũng như các khoản đã thanh toán theo tiến độ theo hợp đồng đóng tàu cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An. Công ty TNHH Vận tải Container Hải An có trách nhiệm thanh toán cho Công ty bằng tiền hoặc bù trừ công nợ trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày ký thỏa thuận này.
- (ii) Phản ánh các khoản phải thu về tiền góp vốn và lãi phải thu theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) để khai thác tàu. Theo các BCC, các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tài sản, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Bên kiểm soát và đồng ý để Bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng. Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng với Công ty TNHH Vận tải Container Hải An và Công ty TNHH Vận tải biển An Biên về việc điều chỉnh thời hạn thu hồi vốn góp các tàu Haien Bell, Haien East và Anbien Bay. Theo đó, thời gian Công ty dự kiến thu hồi vốn góp đầu tư vào các Hợp đồng hợp tác kinh doanh này không muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Số tiền góp vốn và tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các BCC như sau:

	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
	VND	
Góp vốn BCC với Công ty TNHH Vận tải Container Hải An - Khai thác tàu HAIAN BELL	45.000.000.000	56,25%
Góp vốn BCC với Công ty TNHH Vận tải Container Hải An - Khai thác tàu HAIAN EAST	25.000.000.000	25%
Góp vốn BCC với Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên - Khai thác tàu An Biên Bay	80.769.150.000	31,5%
	150.769.150.000	

- (iii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Haien Dell như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212	199.933.564.212
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI tạm ứng tiền bồi thường	(109.742.507.007)	(109.742.507.007)
Thu hồi phí tổn thất chung từ chủ hàng, chủ container theo phân chia từ Tổng đại lý	(36.386.925.435)	(18.639.610.230)
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Chi phí tổn thất chung nhận phân chia từ Marine Claims Office Of Asia (MCO)	9.679.828.710	9.679.828.710
Số còn lại chờ bồi thường	13.483.960.480	31.231.275.685

Trong năm 2025, Công ty đã thu hồi được số tiền bồi thường là 17.747.315.205 VND. Công ty đang tiếp tục làm việc với Marine Claims Office Of Asian và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI để thu hồi số tiền được bồi thường còn lại.

10. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND			
Ông Lê Phong Hiếu	38.000.000.000	-	38.000.000.000	-
	38.000.000.000	-	38.000.000.000	-

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	66.443.086.921	-	21.343.523.929	-
Công cụ, dụng cụ	574.940.741	-	649.940.740	-
	67.018.027.662	-	21.993.464.669	-

Hàng tồn kho chủ yếu là nhiên liệu - dầu tồn trên các tàu.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	5.892.955.593	13.105.073.337
Chi phí bảo hiểm	4.984.787.500	4.355.747.742
Chi phí đầu nhàn	-	8.148.424.171
Các chi phí khác	908.168.093	600.901.424
b. Dài hạn	172.640.348.292	47.353.903.133
Chi phí sửa chữa lên đà tàu	172.640.348.292	42.878.878.458
Chi phí sửa chữa tài sản	-	4.370.426.484
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	16.301.676
Các chi phí khác	-	88.296.515
	178.533.303.885	60.458.976.470

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	300.572.380.990	347.496.576.254	4.645.928.919.313	3.301.364.546	77.500.000	5.297.376.741.103
Tăng trong năm	-	860.261.000	939.886.376.908	2.418.080.000	-	943.164.717.908
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.330.084.208)	-	-	-	(26.330.084.208)
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(25.000.000.000)	-	-	-	-	(25.000.000.000)
Số dư cuối năm	275.572.380.990	322.026.753.046	5.585.815.296.221	5.719.444.546	77.500.000	6.189.211.374.803
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	178.631.237.519	299.916.764.412	687.731.206.334	1.848.582.861	77.500.000	1.168.205.291.126
Khấu hao trong năm	15.221.579.467	12.368.732.462	420.562.104.104	1.179.999.186	-	449.332.415.219
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.330.084.208)	-	-	-	(26.330.084.208)
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(8.649.789.028)	-	-	-	-	(8.649.789.028)
Số dư cuối năm	185.203.027.958	285.955.412.666	1.108.293.310.438	3.028.582.047	77.500.000	1.582.557.833.109
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	121.941.143.471	47.579.811.842	3.958.197.712.979	1.452.781.685	-	4.129.171.449.977
Số dư cuối năm	90.369.353.032	36.071.340.380	4.477.521.985.783	2.690.862.499	-	4.606.653.541.694

Như trình bày tại các Thuyết minh số 22 và 23, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4.183.149.095.291 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.071.987.162.206 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng và khoản trái phiếu chuyển đổi dài hạn.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 315.174.686.878 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 334.751.222.628 VND).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.945.015.236	3.371.310.000	8.316.325.236
Số dư cuối năm	4.945.015.236	3.371.310.000	8.316.325.236
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.956.648.773	2.054.500.098	5.011.148.871
Khấu hao trong năm	141.286.152	591.666.900	732.953.052
Số dư cuối năm	3.097.934.925	2.646.166.998	5.744.101.923
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	1.988.366.463	1.316.809.902	3.305.176.365
Số dư cuối năm	1.847.080.311	725.143.002	2.572.223.313

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.596.310.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.596.310.000 VND).

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	-	-
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	25.000.000.000	25.000.000.000
Số dư cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	-	-
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	8.649.789.028	8.649.789.028
Khấu hao trong năm	1.886.562.804	1.886.562.804
Số dư cuối năm	10.536.351.832	10.536.351.832
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	14.463.648.168	14.463.648.168

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính riêng do các bất động sản đầu tư này không được giao dịch thường xuyên trên thị trường.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	17.807.079.251	119.691.000
Mua sắm tài sản cố định	5.152.458	-
	17.812.231.709	119.691.000

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 443.835.616 VND (năm trước: 7.459.016.393 VND).

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Việt Đức	13.148.646.707	6.585.714.085
Công ty TNHH MTV Quản lý Hàng hải Hải An	12.579.832.592	-
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	5.419.322.077	2.735.379.436
Công ty United Asia Shipping (HongKong) Company Limited	4.536.844.000	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Nam Giang	2.964.877.800	239.162.000
Phải trả cho người bán khác	42.916.556.282	36.406.291.359
	81.566.079.458	45.966.546.880

Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)

18.376.454.923

1.734.748.835

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	22.006.836.562	24.040.165.667
Chi phí cho đội tàu	776.584.249	1.687.750.000
Chi phí phải trả khác	-	414.245.588
	22.783.420.811	26.142.161.255

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu	6.733.160.058	13.542.045.963
	6.733.160.058	13.542.045.963

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	116.697.791	625.840.526	526.163.177	216.375.140
Thuế thu nhập doanh nghiệp	87.768.002.616	244.613.592.855	233.832.873.207	98.548.722.264
Thuế thu nhập cá nhân	878.118.267	9.412.418.189	9.259.903.836	1.030.632.620
Thuế nhà thầu	-	1.071.665.753	1.071.665.753	-
Thuế phí khác	223.679	3.826.172.846	3.826.396.525	-
	88.763.042.353	259.549.690.169	248.517.002.498	99.795.730.024

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Lãi phải trả cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	-	107.675.187.349
Thu hộ Công ty SM Line Corporation	32.694.406.123	33.968.063.425
Nhận đặt cọc	-	5.000.001.998
Phải trả khác	747.444.300	1.239.017.481
	33.441.850.423	147.882.270.253
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	540.000.000	106.067.593.344
b. Dài hạn		
Vốn góp từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	627.391.000.000	677.391.000.000
Lãi phải trả cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	192.111.602.699	-
	819.502.602.699	677.391.000.000
Trong đó: Phải trả dài hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	817.599.966.045	627.391.000.000

- (i) Khoản nhận vốn góp và lãi phải trả theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC"), trong đó, Công ty là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Bên kiểm soát và đồng ý để Bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác của hợp đồng là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.

Chi tiết số vốn góp theo các hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Triệu VND

	Hợp đồng BCC số 66-2019 (tàu Hai An Mind)		Hợp đồng BCC số 68-2020 (tàu Hai An View)		Hợp đồng BCC số 02-2021 (tàu Hai An West)		Hợp đồng BCC số 03-2021 (tàu Hai An Dell)		Hợp đồng BCC số 02-2022 (tàu Hai An Rose)		Hợp đồng BCC số 01-2023 (tàu Hai An Alfa)		Hợp đồng BCC số 01-2024 (tàu Hai An Opus)		Tổng cộng
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền												
Công ty góp	40.000	53,34%	30.000	30,00%	66.000	60,00%	177.000	73,14%	236.000	51,75%	186.298	56,88%	218.527	80,73%	953.825
Các bên khác góp	35.000	46,66%	70.000	70,00%	44.000	40,00%	65.000	26,86%	220.000	48,25%	141.218	43,12%	52.173	19,27%	627.391
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000	13,33%	30.000	30,00%	33.000	30,00%	20.000	8,26%	135.600	29,74%	105.914	32,34%	-	-	334.514
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000	6,67%	5.000	5,00%	-	-	-	-	8.440	1,85%	9.885	3,02%	-	-	28.325
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	-	10.000	10,00%	-	-	10.000	4,13%	12.660	2,78%	25.419	7,76%	-	-	58.079
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000	13,33%	10.000	10,00%	11.000	10,00%	10.000	4,13%	21.100	4,63%	-	-	52.173	19,27%	114.273
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	10.000	13,33%	15.000	15,00%	-	-	5.000	2,07%	42.200	9,25%	-	-	-	-	72.200
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	-	-	-	-	-	-	20.000	8,26%	-	-	-	-	-	-	20.000
Cộng	75.000	100%	100.000	100%	110.000	100%	242.000	100%	456.000	100%	327.516	100%	270.700	100%	1.581.216

Công ty đã mua lại phần vốn góp Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 03-2021/HDHTKD tàu Hai An Dell của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 15 tháng 12 năm 2025.



22. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND		VND
Vay ngắn hạn	62.000.602.075	62.000.602.075	273.552.523.128	200.237.005.823	135.316.119.380	135.316.119.380
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (i)	62.000.602.075	62.000.602.075	215.470.483.024	200.237.005.823	77.234.079.276	77.234.079.276
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	-	-	58.082.040.104	-	58.082.040.104	58.082.040.104
Vay dài hạn đến hạn trả	319.586.748.099	319.586.748.099	506.779.235.638	364.586.748.102	461.779.235.635	461.779.235.635
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	236.046.678.000	236.046.678.000	234.700.704.000	236.046.678.000	234.700.704.000	234.700.704.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	83.540.070.099	83.540.070.099	252.278.531.638	128.540.070.102	207.278.531.635	207.278.531.635
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	19.800.000.000	-	19.800.000.000	19.800.000.000
	381.587.350.174	381.587.350.174	780.331.758.766	564.823.753.925	597.095.355.015	597.095.355.015

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 13 tháng 4 năm 2023 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động, bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ thương mại, bao gồm chi phí thuê xe nâng và xe đầu kéo để khai thác cảng/kho, mua vật tư và thiết bị cho tàu và cảng, chi phí thuê công nhân bên ngoài với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất. Thời hạn duy trì hạn mức tiện ích theo thỏa thuận này là 12 tháng kể từ ngày của thỏa thuận và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn với thời hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01.2025/HĐCVHM/VCB-HAIAN ngày 12 tháng 9 năm 2025 để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định với thời hạn tối đa là 06 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là đến hết ngày 05 tháng 11 năm 2025. Tài sản đảm bảo bao gồm tàu chở container, một số máy móc thiết bị và quyền quản lý, khai thác Dự án cảng Hải An của Công ty và hai tàu chở container của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.

23. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		
	VND		VND		VND		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay mới/phân bổ chi phí phát hành trái phiếu trong kỳ	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	Thanh toán gốc vay	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng dài hạn	1.429.761.863.544	1.429.761.863.544	520.000.000.000	-	373.484.988.102	1.576.276.875.442	1.576.276.875.442
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	961.007.440.000	961.007.440.000	-	-	244.944.918.000	716.062.522.000	716.062.522.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (i)	468.754.423.544	468.754.423.544	300.000.000.000	-	128.540.070.102	640.214.353.442	640.214.353.442
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	-	-	220.000.000.000	-	-	220.000.000.000	220.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi dài hạn (ii)	491.520.030.302	491.520.030.302	1.655.151.636	199.767.920.121	-	293.407.261.817	293.407.261.817
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	167.000.000.000	167.000.000.000	-	68.000.000.000	-	99.000.000.000	99.000.000.000
Vietnam Growth Investment Fund L.P	140.000.000.000	140.000.000.000	-	57.000.000.000	-	83.000.000.000	83.000.000.000
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P	113.000.000.000	113.000.000.000	-	46.000.000.000	-	67.000.000.000	67.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	80.000.000.000	80.000.000.000	-	32.000.000.000	-	48.000.000.000	48.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(8.479.969.698)	(8.479.969.698)	1.655.151.636	(3.232.079.879)	-	(3.592.738.183)	(3.592.738.183)
	1.921.281.893.846	1.921.281.893.846	521.655.151.636	199.767.920.121	373.484.988.102	1.869.684.137.259	1.869.684.137.259
Trong đó:							
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	319.586.748.099					461.779.235.635	
- Số phải trả sau 12 tháng	1.601.695.145.747					1.407.904.901.624	

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn (bao gồm vay dài hạn đến hạn trả) như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	716.062.522.000	961.007.440.000	Các khoản vay có lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần sau thời gian ân hạn quy định trong hợp đồng tín dụng. Thời gian ân hạn vay Hải An West, Hải An Dell, Hải An Rose, Hải An Alfa là 6 tháng, Hải An Gama là 3 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Các khoản vay có thời hạn vay lần lượt là 60 tháng và 96 tháng kể từ ngày giải ngân.	Thả nổi theo từng giấy nhận nợ	Mua các tàu biển Hải An West, Hải An Dell, Hải An Rose, Hải An Alfa và Hải An Gama	Tài sản hình thành từ vốn vay, bao gồm: tàu biển Hải An West, dự án tàu container Marine Bia (Hải An Dell), dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa) và Dự án tàu container TORO (Hải An Gama).
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	640.214.353.442	468.754.423.544	Thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Các khoản vay có lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần sau thời gian ân hạn quy định trong hợp đồng tín dụng. Các khoản vay có thời hạn vay lần lượt là 48 tháng và 60 tháng kể từ ngày giải ngân.	Thả nổi theo từng giấy nhận nợ	Mua các tàu biển Hải An Opus, Hải An Zeta	Tài sản hình thành từ vốn vay, bao gồm: tàu Hải An Opus, tàu Hải An Zeta, tàu biển Hải An Mind.
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	220.000.000.000	-	Thời gian ân hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay có lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/ lần sau thời gian ân hạn quy định trong hợp đồng tín dụng.	Thả nổi theo từng giấy nhận nợ	Mua tàu biển Hải An Iris	Tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm tàu Hải An Iris
Tổng cộng	1.576.276.875.442	1.429.761.863.544				

Chi tiết các hợp đồng vay của các ngân hàng như sau:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng:

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Hợp đồng 01.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09 tháng 4 năm 2021	Mua tàu biển Hải An West, số tiền 85.000.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An West
Hợp đồng 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25 tháng 3 năm 2022	đầu tư dự án tàu container Marine Bia (Hải An Dell), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An Dell
Hợp đồng 02.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 08 tháng 11 năm 2022	Đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An Rose
Hợp đồng 01.2023/HĐCV/VCB-XDHA ngày 12 tháng 12 năm 2023	Đầu tư Dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa), số tiền 333.788.000.000 VND	96 tháng	Tàu Hải An Alfa
Hợp đồng 01.2024/HĐCV/VCB-XDHA ngày 06 tháng 11 năm 2024	Đầu tư Dự án tàu container Toro (Hải An Gama), số tiền 312.500.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An Gama

Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội:

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Hợp đồng VHN352782CM ngày 08 tháng 7 năm 2024	Đầu tư dự án tàu container thân Tàu số HCY- 268 (Hải An Opus), số tiền 414.300.000.000 VND	48 tháng	Tàu Hải An Opus, Tàu Hải An Mind
Hợp đồng VHN597474CM ngày 18 tháng 02 năm 2025	Đầu tư dự án tàu container 100A1 có tên ATOUT (Hải An Zeta) và số IMO 9354648, số tiền 300.000.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An Zeta

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng:

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Hợp đồng số 1603LAV250115712 ngày 03 tháng 10 năm 2025	Mua tàu biển HaiAn Iris, số tiền 220.000.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An Iris

(ii) Chi tiết trái phiếu chuyển đổi như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VNĐ)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (VNĐ)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (năm)
Trái phiếu chuyển đổi						
<i>Japan South East Asia Finance Fund III L.P</i>	99.000.000.000	6,0	5 năm	167.000.000.000	6,0	5 năm
<i>Vietnam Growth Investment Fund L.P</i>	83.000.000.000	6,0	5 năm	140.000.000.000	6,0	5 năm
<i>Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P</i>	67.000.000.000	6,0	5 năm	113.000.000.000	6,0	5 năm
<i>Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI</i>	48.000.000.000	6,0	5 năm	80.000.000.000	6,0	5 năm
Chi phí phát hành trái phiếu	(3.592.738.183)			(8.479.969.698)		
	293.407.261.817			491.520.030.302		

Trong năm 2024, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho một số nhà đầu tư để đầu tư đóng tàu mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn). Cụ thể:

- Thời điểm phát hành : 02/02/2024
- Kỳ hạn gốc : 05 năm
- Ngày đáo hạn : 02/02/2029
- Số lượng trái phiếu phát hành : 500 trái phiếu
- Mệnh giá : 1.000.000.000 VND/trái phiếu
- Lãi suất : 6%/năm
- Tài sản đảm bảo : Một tàu biển thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – công ty con của tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-CON-002314-2 ngày 04 tháng 7 năm 2017 do Chi cục hàng hải Việt Nam cấp. Tổ chức phát hành cam kết sử dụng một tàu đóng mới thuộc sở hữu của tổ chức phát hành hình thành trong tương lai, được Công ty đặt đóng mới theo Hợp đồng đóng tàu số HC2021-19 ký ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa Công ty và Huanghai Shipbuilding Co.,Ltd (nay là tàu HaiAn Beta) làm tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai để thay thế cho tài sản bảo đảm tại ngày phát hành ngay sau khi tàu HCY-266 (nay là tàu HaiAn Beta) đủ điều kiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0203-2025/NQ-HDQT ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu mã HAAH2328001 (mã giao dịch HAH42401) với nội dung như sau:

- Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An
- Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá	: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Giá chuyển đổi	: 23.739 VND/ cổ phiếu
- Số lượng trái phiếu đã đăng ký thực hiện chuyển đổi thành cổ phiếu	: 203 trái phiếu
- Giá trị trái phiếu được chuyển đổi	: 199.557.132.303 VND
- Tỷ lệ chuyển đổi	: 1: 42.124,773579342 (01 Trái phiếu được chuyển đổi thành 42.124,773579342 cổ phiếu)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	461.779.235.635	319.586.748.099
Trong năm thứ hai	709.726.595.317	390.877.475.640
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	655.913.706.307	1.126.288.470.106
Sau năm năm	42.264.600.000	84.529.200.000
	1.869.684.137.259	1.921.281.893.846
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	461.779.235.635	319.586.748.099
Số phải trả sau 12 tháng	1.407.904.901.624	1.601.695.145.747

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	48.133.838.991	26.067.000.000	(6.009.717.148)	68.191.121.843
Quỹ Hội đồng quản trị	36.979.044.434	19.550.000.000	(2.665.680.000)	53.863.364.434
	85.112.883.425	45.617.000.000	(8.675.397.148)	122.054.486.277

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.055.168.810.000	191.640.648.159	554.816.070.809	492.936.349.641	2.294.561.878.609
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	499.392.809.824	499.392.809.824
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	158.262.100.000	-	-	(158.262.100.000)	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	147.881.000.000	(147.881.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	(34.505.000.000)	(34.505.000.000)
Số dư cuối năm trước	1.213.430.910.000	191.640.648.159	702.697.070.809	651.681.059.465	2.759.449.688.433
Số dư đầu năm này	1.213.430.910.000	191.640.648.159	702.697.070.809	651.681.059.465	2.759.449.688.433
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu (i)	85.513.270.000	114.043.862.303	-	-	199.557.132.303
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	940.741.655.128	940.741.655.128
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	389.667.940.000	-	-	(389.667.940.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền (ii)	-	-	-	(129.894.418.000)	(129.894.418.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	65.168.000.000	(65.168.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị (ii)	-	-	-	(45.617.000.000)	(45.617.000.000)
Điều chỉnh tăng khác	-	-	-	24.705.834	24.705.834
Số dư cuối năm này	1.688.612.120.000	305.684.510.462	767.865.070.809	962.100.062.427	3.724.261.763.698

- (i) Theo Nghị quyết HĐQT số 0203-2025/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 3 năm 2025, Công ty đã tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu với giá chuyển đổi 23.739 VND/cổ phiếu. Công ty hoàn thành việc chuyển đổi cổ phiếu vào ngày 20 tháng 3 năm 2025.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 0206-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với số tiền 129.894.418.000 VND, chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền 389.683.250.000 VND, trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 với số tiền lần lượt là 65.168.000.000 VND, 26.067.000.000 VND và 19.550.000.000 VND. Công ty đã hoàn thành các phương án chi trả cổ tức này trong năm.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103818809 ngày 08 tháng 5 năm 2009 và sửa đổi gần nhất lần thứ 20 ngày 22 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 1.688.612.120.000 VND.

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	298.630.500.000	17,68%	-	0,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	265.558.860.000	15,73%	204.276.050.000	16,83%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	91.610.560.000	5,43%	48.000.740.000	3,96%
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Leadvisors	-	0,00%	131.616.000.000	10,85%
Cổ đông khác	1.032.812.200.000	61,16%	829.538.120.000	64,00%
	1.688.612.120.000	100%	1.213.430.910.000	100%

Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	cổ phiếu		cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	168.861.212		121.343.091	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	168.861.212		121.343.091	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>168.861.212</i>		<i>121.343.091</i>	
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-		-	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>		<i>-</i>	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	168.861.212		121.343.091	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>168.861.212</i>		<i>121.343.091</i>	

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ (USD)	2.531.495,47	7.115.591,66
- Euro (EUR)	-	40,54

Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn:				
Từ 1 năm trở xuống	3.849.263.800		3.484.491.573	
Trên 1 năm đến 5 năm	14.643.398.800		13.937.966.292	
Trên 5 năm	43.176.540.000		32.869.987.256	
	61.669.202.600		50.292.445.121	

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là khai thác tàu, khai thác cảng và một số hoạt động khác (bao gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...). Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là liên quan đến hoạt động khai thác tàu và khai thác cảng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

27.1 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Năm nay	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.957.523.689.419	517.579.211.553	65.844.743.762	2.540.947.644.734
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.957.523.689.419	517.579.211.553	65.844.743.762	2.540.947.644.734
Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	960.882.680.437	322.373.589.315	34.529.823.699	1.317.786.093.451
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	996.641.008.982	195.205.622.238	31.314.920.063	1.223.161.551.283
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(47.210.323.712)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.175.951.227.571
Doanh thu hoạt động tài chính				83.963.064.374
Chi phí tài chính				(118.440.017.551)
Thu nhập khác				3.476.547.033
Chi phí khác				(2.301.591.981)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(201.907.574.318)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				940.741.655.128
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	1.147.839.577.104	2.418.080.000	-	1.150.257.657.104
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	480.250.310.339	30.242.577.082	1.983.706.906	512.476.594.327

Năm trước	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.060.249.436.531	452.636.411.444	58.181.860.450	1.571.067.708.425
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.060.249.436.531	452.636.411.444	58.181.860.450	1.571.067.708.425
Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	592.734.759.552	241.953.329.903	33.165.052.393	867.853.141.848
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	467.514.676.979	210.683.081.541	25.016.808.057	703.214.566.577
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(83.990.454.889)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				619.224.111.688
Doanh thu hoạt động tài chính				37.820.625.193
Chi phí tài chính				(48.648.251.167)
Thu nhập khác				3.912.914.440
Chi phí khác				(3.141.313.269)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(109.775.277.061)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				499.392.809.824
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	2.007.288.409.723	25.019.565.125	176.593.031	2.032.484.567.879
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	312.229.555.639	28.772.166.041	3.897.788.131	344.899.509.811

27.2 Bảng cân đối kế toán

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.535.457.034.928	199.372.471.789	44.186.441.447	5.779.015.948.164
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.144.896.659.114
Tổng tài sản				6.923.912.607.278
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.738.847.107.638	196.609.247.432	32.694.406.123	2.968.150.761.193
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				231.500.082.387
Tổng nợ phải trả				3.199.650.843.580
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.235.884.315.421	345.365.369.670	131.265.189.320	4.712.514.874.411
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.123.985.767.181
Tổng tài sản				5.836.500.641.592
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.789.613.151.005	63.605.121.265	35.655.813.425	2.888.874.085.695
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				188.176.867.464
Tổng nợ phải trả				3.077.050.953.159

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cung cấp các dịch vụ liên quan chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

28. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	1.957.523.689.419	1.060.249.436.531
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	517.579.211.553	452.636.411.444
Doanh thu hoạt động khác	65.844.743.762	58.181.860.450
	2.540.947.644.734	1.571.067.708.425
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	1.069.875.654.093	691.864.670.112

29. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động khai thác tàu	960.882.680.437	592.734.759.552
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	322.373.589.315	241.953.329.903
Giá vốn hoạt động khác	34.529.823.699	33.165.052.393
	1.317.786.093.451	867.853.141.848

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	243.949.343.457	194.542.576.976
Chi phí nhân công	157.011.111.528	107.876.555.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	384.408.216.176	243.009.399.846
Chi phí mua ngoài	422.896.307.882	251.353.617.425
Chi phí bằng tiền khác	156.731.438.120	155.061.446.617
	1.364.996.417.163	951.843.596.737

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	63.688.004.918	26.894.081.896
Lãi tiền gửi	10.899.788.326	4.069.304.575
Lãi tiền cho vay	218.288.889	2.970.531.935
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.156.982.241	3.886.706.787
	83.963.064.374	37.820.625.193
Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	63.688.004.918	26.894.081.896

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	107.994.566.769	69.672.862.869
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.444.363.818	1.373.319.648
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	5.039.607.112	(24.983.421.752)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	3.961.479.852	2.585.490.402
	118.440.017.551	48.648.251.167

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	24.834.225.113	22.315.730.820
Chi phí vật liệu văn phòng	275.248.087	405.682.914
Chi phí khấu hao tài sản	1.498.745.340	1.502.006.064
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	38.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.441.713.818	3.804.122.798
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.160.391.354	17.962.912.293
	47.210.323.712	83.990.454.889

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	201.907.574.318	109.775.277.061
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	201.907.574.318	109.775.277.061

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.142.649.229.446	609.168.086.885
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(63.688.004.918)	(26.894.081.896)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	13.078.135.787	46.675.398.916
Chuyển lỗ	(5.546.198.178)	(10.137.197.378)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.086.493.162.137	618.812.206.527
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	931.933.875.132	443.149.848.520
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10% (*)	154.559.287.005	175.662.358.007
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	201.842.703.727	106.196.205.504
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	64.870.591	3.579.071.557
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các bên hợp tác kinh doanh	59.431.845.073	30.567.223.045
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên kiểm soát hợp tác kinh doanh nộp hộ	(16.725.826.536)	(20.973.405.083)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	244.613.592.855	119.369.095.023

(*) Đối với thu nhập phát sinh từ Hoạt động khai thác cảng của Công ty, Công ty được miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023) và được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008. Năm 2023 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp và kể từ năm 2024, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành, trong đó, năm 2025 là năm cuối cùng Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Quản lý Hàng hải Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	Cùng thành viên chủ chốt (đến ngày 20 tháng 3 năm 2025) Cổ đông lớn (từ ngày 14 tháng 4 năm 2025)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.069.875.654.093	691.864.670.112
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	1.040.848.802.785	646.765.740.042
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	11.739.058.185	7.605.717.447
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	6.775.388.849	29.164.201.313
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	5.842.608.709	3.385.648.037
Công ty TNHH Cảng Hải An	2.567.088.132	2.579.851.171
Công ty TNHH Pan Hải An	1.225.930.000	1.494.681.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	601.688.852	304.643.713
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	179.250.243	175.558.775
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Thành phố Hồ Chí Minh	95.838.338	111.016.668
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	277.611.946

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu Công ty con thu hộ	363.575.221.551	343.472.562.101
Công ty TNHH Cảng Hải An	363.575.221.551	343.472.562.101
Chi phí cung cấp dịch vụ	267.295.188.460	161.024.172.652
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Hàng hải Hải An	98.233.171.161	-
Công ty TNHH Cảng Hải An	78.682.180.305	69.426.590.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	78.160.174.205	78.070.028.160
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	8.554.722.731	6.910.600.553
Công ty TNHH Pan Hải An	3.664.940.058	2.455.763.424
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	128.181.831
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	-	4.033.008.684
Chi phí quản lý	2.764.883.053	2.651.018.731
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	2.764.883.053	2.651.018.731
Chia lợi nhuận BCC	233.984.192.504	112.736.929.655
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	118.657.721.903	53.657.392.447
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	52.528.862.864	25.319.206.273
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	27.678.587.780	17.056.999.506
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	17.526.321.286	7.487.477.911
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	13.817.472.212	8.357.231.716
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	3.775.226.459	858.621.802
Lợi nhuận BCC chuyển về được nhận	65.435.763.856	82.596.728.478
Công ty TNHH Container Hải An	47.458.364.014	26.614.900.644
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	17.977.399.842	55.981.827.834
Cổ tức, lợi nhuận được chia	63.688.004.918	26.894.081.896
Công ty TNHH Cảng Hải An	36.349.336.918	25.340.321.896
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.200.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An	5.584.908.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.553.760.000	1.553.760.000
Lãi cho vay	-	2.292.997.634
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	-	1.787.317.634
Công ty TNHH Pan Hải An	-	505.680.000
Góp vốn	470.000.000.000	-
Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines	400.000.000.000	-
Công ty TNHH Cảng Hải An	70.000.000.000	-

Trong năm Công ty TNHH Vận tải Container Hải An đã sử dụng một hai tàu chở container làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 22.

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	47.965.960.627	154.305.107.861
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	45.149.573.952	111.022.213.535
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	1.335.581.361	1.388.531.130
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.248.789.044	1.845.629.101
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	225.195.470	130.818.504
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại thành phố Hồ Chí Minh	6.820.800	38.192.400
Công ty TNHH Cảng Hải An	-	39.535.842.664
Công ty TNHH Pan Hải An	-	343.880.527
Phải thu ngắn hạn khác	617.760.887.321	104.202.397.115
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	464.400.388.214	26.614.900.644
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	119.771.407.415	55.123.206.032
Công ty TNHH Cảng Hải An	33.516.030.673	22.438.026.249
Chi hệ bên liên quan	73.061.019	26.264.190
Phải thu dài hạn khác	-	150.769.150.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	-	80.769.150.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	-	70.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	18.376.454.923	1.734.748.835
Công ty TNHH MTV Quản lý Hàng hải Hải An	12.579.832.592	-
Công ty TNHH Cảng Hải An	3.745.026.092	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1.622.767.677	1.734.748.835
Công ty TNHH Pan Hải An	428.828.562	-
Phải trả ngắn hạn khác	540.000.000	106.067.593.344
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	-	53.657.392.447
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	-	18.968.491.764
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	7.487.477.911
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	17.056.999.506
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	-	8.357.231.716
Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	540.000.000	540.000.000
Phải trả dài hạn khác	817.599.966.045	627.391.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	453.171.221.903	334.513.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	138.801.862.864	114.273.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	87.878.587.780	72.200.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	75.605.561.286	58.079.240.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	42.142.732.212	28.325.260.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	20.000.000.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

Đơn vị: VND

Năm nay					
Tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Tổng
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2.181.852.000	1.036.500.000	120.000.000	3.338.352.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.719.411.760	875.900.000	120.000.000	2.715.311.760
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	180.000.000	120.000.000	300.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	1.138.527.840	536.100.000	-	1.674.627.840
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	120.000.000	120.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	120.000.000	120.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	120.000.000	120.000.000	240.000.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	80.000.000	120.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng Ban Kiểm soát	72.000.000	95.500.000	60.000.000	227.500.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên Ban Kiểm soát	-	60.000.000	60.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát	-	40.000.000	60.000.000	100.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	879.196.800	452.500.000	-	1.331.696.800
Cộng		5.990.988.400	3.716.500.000	1.020.000.000	10.727.488.400
Năm trước					
Tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Tổng
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.810.269.966	1.628.224.000	120.000.000	3.558.493.966
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.405.640.691	1.417.710.900	120.000.000	2.943.351.591
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Phó Tổng giám đốc	-	50.000.000	120.000.000	170.000.000
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	90.000.000	120.000.000	210.000.000
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	50.000.000	120.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	50.000.000	120.000.000	170.000.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ 26/4/2024)	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến 26/4/2024)	-	50.000.000	100.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	176.089.000	60.000.000	296.089.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên Ban kiểm soát	-	37.000.000	60.000.000	97.000.000
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên Ban kiểm soát (đến 26/4/2024)	-	18.000.000	50.000.000	68.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát (từ 26/4/2024)	-	-	10.000.000	10.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	947.715.935	742.257.000	-	1.689.972.935
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	732.418.411	698.357.923	-	1.430.776.334
Cộng		4.956.045.003	5.007.638.823	1.020.000.000	10.983.683.826

36. CAM KẾT VỐN

Công ty có các cam kết vốn trong tương lai để mua tàu mới nhằm hình thành tài sản cố định. Số tiền tương ứng với các cấu phần đã ký hợp đồng mua bán nhưng chưa triển khai khoảng 1.002 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND).

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0201-2026/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 01 năm 2026 thông qua việc góp thêm 140.000.000.000 VND để tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Hải An Greenshipping Lines.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Vũ Thị Thu Hằng
Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 55



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên độc lập
Ông Lê Anh Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Ông Tạ Công Thông	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thơm	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng
-----------------------	----------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2026



Số: 0494 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 15 tháng 02 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Hoàng Lan Hương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0898-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 02 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3829-2026-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số đầu năm (Trình bày lại)	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.563.782.077.526	1.752.839.556.274
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	533.594.787.447	921.889.788.422
1. Tiền	111		431.344.787.447	514.889.788.422
2. Các khoản tương đương tiền	112		102.250.000.000	407.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	54.000.000.000	70.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		54.000.000.000	70.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		718.425.401.786	504.419.818.284
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	403.407.805.776	332.293.995.745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	54.953.590.813	14.323.032.231
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	103.000.000.000	38.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	197.236.158.941	160.082.569.939
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(40.172.153.744)	(40.279.779.631)
IV. Hàng tồn kho	140	11	155.247.312.190	87.781.858.225
1. Hàng tồn kho	141		155.247.312.190	87.781.858.225
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		102.514.576.103	168.248.091.343
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	8.856.397.508	26.521.584.408
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		93.614.896.476	141.588.840.722
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	43.282.119	137.666.213

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.149.832.890.332	5.611.000.726.027
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		781.796.094.400	112.904.900.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	695.670.844.400	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	86.125.250.000	112.904.900.000
II. Tài sản cố định	220		5.084.775.661.857	4.774.994.459.130
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.992.744.399.821	4.566.481.074.341
- Nguyên giá	222		7.211.008.156.932	6.273.980.024.843
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.218.263.757.111)	(1.707.498.950.502)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	89.278.107.446	204.653.888.282
- Nguyên giá	225		443.990.599.383	490.768.166.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(354.712.491.937)	(286.114.278.354)
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	2.753.154.590	3.859.496.507
- Nguyên giá	228		16.357.287.885	16.213.287.885
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.604.133.295)	(12.353.791.378)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	14.463.648.168	-
- Nguyên giá	231		25.000.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.536.351.832)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.821.167.464	20.809.927.916
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	48.821.167.464	20.809.927.916
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	599.957.108.324	173.753.234.283
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		579.507.108.324	153.302.367.783
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.450.000.000	20.450.866.500
VI. Tài sản dài hạn khác	260		620.019.210.119	528.538.204.698
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	620.019.210.119	528.538.204.698
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8.713.614.967.858	7.363.840.282.301

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	
			Số cuối năm	(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.318.812.211.348	3.317.831.641.262
I. Nợ ngắn hạn	310		1.513.929.796.195	1.210.096.529.973
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	274.899.036.745	205.592.705.340
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	4.099.071.887	7.277.106.996
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	183.968.317.878	108.198.646.461
4. Phải trả người lao động	314		48.482.391.299	42.938.789.335
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	44.520.136.352	58.858.307.791
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	8.363.788.243	20.574.777.038
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	60.847.160.819	109.316.310.466
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	711.044.949.828	532.321.458.647
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		15.892.300.000	9.903.790.210
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	161.812.643.144	115.114.637.689
II. Nợ dài hạn	330		1.804.882.415.153	2.107.735.111.289
1. Phải trả dài hạn khác	337	23	315.725.819.510	309.798.260.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	1.489.156.595.643	1.797.936.851.289
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.394.802.756.510	4.046.008.641.039
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	5.394.802.756.510	4.046.008.641.039
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.688.612.120.000	1.213.430.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.688.612.120.000	1.213.430.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		305.684.510.462	191.640.648.159
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		404.250.000.000	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		791.502.995.184	818.631.956.537
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.319.269.620.157	1.053.223.624.821
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		112.756.819.175	402.724.312.754
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.206.512.800.982	650.499.312.067
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		885.483.510.707	769.081.501.522
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		8.713.614.967.858	7.363.840.282.301

Vũ Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	30	5.091.077.366.754	3.992.094.957.163
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		5.091.077.366.754	3.992.094.957.163
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	3.126.355.955.240	2.725.389.313.129
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.964.721.411.514	1.266.705.644.034
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	51.903.209.011	24.555.047.728
6. Chi phí tài chính	22	34	147.423.062.381	118.622.192.215
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		131.358.274.612	101.192.550.766
7. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24		26.204.740.541	18.337.092.110
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	147.242.539.101	210.539.354.371
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-26)	30		1.748.163.759.584	980.436.237.286
10. Thu nhập khác	31		8.052.656.022	7.630.036.114
11. Chi phí khác	32		32.679.926.741	10.777.253.014
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(24.627.270.719)	(3.147.216.900)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.723.536.488.865	977.289.020.386
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	322.641.332.018	177.062.808.922
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.400.895.156.847	800.226.211.464
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.206.512.800.982	650.499.312.067
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		194.382.355.865	149.726.899.397
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	6.830	3.773
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	38	6.498	3.517

Vũ Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.723.536.488.865	977.289.020.386
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	588.365.740.770	457.172.304.973
Các khoản dự phòng	03	5.880.883.903	45.508.393.028
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.498.540.381)	8.525.369.100
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(51.006.346.596)	(12.722.164.899)
Chi phí lãi vay	06	131.358.274.612	101.192.550.766
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.393.636.501.173	1.576.965.473.354
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(75.020.823.551)	234.570.335.296
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(67.465.453.965)	9.349.126.607
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	75.198.416.681	281.896.939.493
Tăng, giảm đối chi phí trả trước	12	(101.521.905.611)	(50.322.482.658)
Tiền lãi vay đã trả	14	(133.260.671.627)	(83.354.724.182)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(274.347.225.511)	(117.037.200.287)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.780.253.148)	(45.447.150.737)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.807.438.584.441	1.806.620.316.886
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.661.682.603.493)	(2.087.945.672.607)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.532.272.727	3.190.349.556
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(48.500.000.000)	(70.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	84.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(422.500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	2.547.400	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.388.880.363	9.952.137.691
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.105.758.903.003)	(2.060.803.185.360)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	793.552.523.128	1.482.598.288.903
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(620.074.393.925)	(453.903.235.431)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(105.383.158.783)	(99.470.069.826)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(156.884.093.000)	(15.960.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(88.789.122.580)	929.209.023.646
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(387.109.441.142)	675.026.155.172
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	921.889.788.422	245.416.444.931
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.185.559.833)	1.447.188.319
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	533.594.787.447	921.889.788.422


Vũ Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Trần Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 02 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Tài chính Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 20 ngày 22 tháng 8 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 1.688.612.120.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 11 tháng 3 năm 2015 với mã chứng khoán là HAH.

Công ty có trụ sở chính tại số Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 847 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 653 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 5 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết trực tiếp, 1 công ty liên kết gián tiếp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty như sau:

Công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 31/12/2024		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	
1	Công ty TNHH Cảng Hải An (i)	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Cung cấp dịch vụ cảng biển
2	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (ii)	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	55,94%	57,75%	54,85%	57,75%	Dịch vụ vận tải
3	Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	Dịch vụ khai thác Depot
4	Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 2, tòa nhà Đinh Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đinh Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải phòng	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
5	Công ty Cổ phần Dịch vụ cảng Nguyên Cái Mép	Lưu Tổ 13, khu phố Thị Vải, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	51,54%	51,54%	51,54%	51,54%	Bãi Container và dịch vụ cảng

- (i) Trong năm, Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Cảng Hải An – công ty con của Công ty với số tiền là 70.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 0201-2025/NQ-HĐTQ ngày 24 tháng 01 năm 2025. Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Cảng Hải An là 100%.
- (ii) Ngày 25 tháng 02 năm 2025, Công ty TNHH Cảng Hải An đã hoàn thành giao dịch mua phần vốn góp trị giá 11.250.000.000 VND tại Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An từ một cổ đông cá nhân theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2025/HĐCN ngày 25 tháng 02 năm 2025. Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An đồng thời là Cổ đông của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An, theo đó tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty Vận tải Container Hải An thay đổi tương ứng.



Công ty con gián tiếp

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 31/12/2024		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	
1	Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (i)	Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km2 Đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	75,00%	75,00%	60,00%	60,00%	Dịch vụ đại lý
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (i) (ii)	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	51,02%	68,03%	40,82%	68,03%	Dịch vụ đại lý
3	Công ty TNHH MTV Quản lý Hàng hải Hải An (i) (iii)	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	55,94%	100,00%	54,85%	100,00%	Dịch vụ hàng hải

- (i) Là công ty con của Công ty TNHH Cảng Hải An – công ty con của Công ty. Ngày 25 tháng 02 năm 2025, Công ty TNHH Cảng Hải An đã hoàn thành giao dịch mua phần vốn góp trị giá 11.250.000.000 VND tại Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An từ một cổ đông cá nhân theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2025/HĐCN ngày 25 tháng 02 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An, Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An và Công ty TNHH MTV Quản lý Hàng hải Hải An thay đổi tương ứng.
- (ii) Là công ty con của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.
- (iii) Là công ty con của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An.

Công ty liên kết trực tiếp

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 31/12/2024		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	
1	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội	36,16%	36,16%	36,16%	36,16%	Vận tải hàng hóa
2	Công ty TNHH Hải An Shipping Lines (i)	Tầng 3, tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	40,00%	40,00%	Chưa thành lập	Chưa thành lập	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương

- (i) Ngày 17 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn vào Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines với số tiền là 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 0208-2025/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2025. Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines là 40%.

Công ty liên kết gián tiếp

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 31/12/2024		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	
1	Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (i)	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đinh Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	19,02%	34,00%	18,65%	34,00%	Dịch vụ vận tải

- (i) Là công ty liên kết của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – công ty con của Công ty. Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên thay đổi do tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Vận tải Container Hải An thay đổi như đã trình bày ở trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, thông tin chi tiết về các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Khu A, lô 17, khu nhà ở Phú Mỹ, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trong năm 2024, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0412-2023/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 12 năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 4.638.600 cổ phần, tương đương 51,54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép. Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép đã trở thành công ty con của Công ty từ ngày 31 tháng 3 năm 2024. Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định đây là giao dịch mua nhóm tài sản thuần do tại thời điểm mua Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép không hình thành một hoạt động kinh doanh. Tại thời điểm hợp nhất và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa hoàn thành các thủ tục xác định giá trị hợp lý của nhóm tài sản thuần tại ngày mua. Vì vậy Công ty áp dụng hướng dẫn về kế toán tạm thời đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 “Hợp nhất Kinh doanh”, nếu Công ty áp dụng kế toán giá trị hợp lý của tài sản theo giá trị tạm thời thì trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua, Công ty cần ghi nhận các khoản điều chỉnh đối với những giá trị tạm thời như là kết quả của việc hoàn tất việc kế toán ban đầu và thông tin so sánh được trình bày trong các kỳ trước khi việc hạch toán hoàn tất sẽ được trình bày như là việc kế toán ban đầu đã được hoàn thành từ ngày mua. Trong quý 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép.

Theo đó, một số số liệu của kỳ báo cáo trước được trình bày lại để phù hợp với hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 “Hợp nhất kinh doanh”, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số sau trình bày lại VND
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Chi phí trả trước dài hạn	261	381.929.124.589	146.609.080.109	528.538.204.698
Lợi thế thương mại	269	72.293.366.801	(72.293.366.801)	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	694.765.788.214	74.315.713.308	769.081.501.522

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200 và,
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Mua tài sản và Hợp nhất kinh doanh

Trong trường hợp Công ty mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm mua, Công ty xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là giao dịch hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như một giao dịch mua nhóm tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của tài sản và nợ phải trả và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận. Phần lợi ích cổ đông không kiểm soát cũng được ghi nhận cho giá trị của tài sản, nợ phải trả được mua.

Nếu việc mua lại công ty con thỏa mãn Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa nhóm Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh bao gồm hợp tác kinh doanh theo phương thức phân chia lợi nhuận có được từ dự án.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo phương thức phân chia lợi nhuận có được từ dự án Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh, báo cáo cơ quan thuế về việc khoản doanh thu, chi phí này đã được thực hiện nghĩa vụ thuế làm căn cứ điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có).

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước, trừ giá xuất kho nhiên liệu dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.



Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm tòa nhà Hải An, Km số 2 Đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 13 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận trước hoặc hoàn trả cho thuê được nhận từ hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trên thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính trùng với thời gian áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn bên đi thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản sau khi kết thúc thời hạn thuê, tài sản thuê tài chính được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng của tài sản đó.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất, chi phí sửa chữa lên đà tàu, chi phí bảo hiểm, chi phí dầu nhờn, chi phí sửa chữa và các loại chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị chi phí sửa chữa lên đà tàu, chi phí bảo hiểm, chi phí dầu nhờn, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ vận tải, xếp dỡ hàng hóa chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm/kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	4.654.688.288	4.385.804.036
Tiền gửi ngân hàng và công ty chứng khoán không kỳ hạn	426.690.099.159	510.503.984.386
Các khoản tương đương tiền (i)	102.250.000.000	407.000.000.000
	533.594.787.447	921.889.788.422

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	54.000.000.000	54.000.000.000	70.500.000.000	70.500.000.000

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số đầu năm	Góp vốn	Phân lãi trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	37.441.622.844	-	7.044.984.418	(1.553.760.000)	42.932.847.262
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	115.860.744.939	-	19.329.729.387	-	135.190.474.326
Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines (i)	-	400.000.000.000	1.383.786.736	-	401.383.786.736
	153.302.367.783	400.000.000.000	27.758.500.541	(1.553.760.000)	579.507.108.324

- (i) Ngày 17 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn vào Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines với số tiền là 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 0208-2025/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2025. Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines là 40%.

c. Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	450.000.000	-	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Macstar	-	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	-	-	2.500	-
	20.450.000.000	-	20.450.866.500	-

Các giao dịch, số dư chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 39.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty chưa niêm yết trên sàn chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định kế toán hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Công ty Ocean Network Express Pte. Ltd.	79.947.750.199		43.122.939.604	
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	46.634.407.574		30.439.112.139	
Phải thu từ khách hàng khác	276.825.648.003		258.731.944.002	
	403.407.805.776		332.293.995.745	
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39)	35.635.372.675		30.890.246.453	

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty ASYAD Drydock Co LLC	28.225.929.600		-	
Công ty ISS Machinery Services Limited	3.169.998.526		-	
Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Du lịch Quốc tế Vitra	-		4.080.516.000	
Các nhà cung cấp khác	23.557.662.687		10.242.516.231	
	54.953.590.813		14.323.032.231	
b. Trả trước cho người bán dài hạn				
Công ty Jiangsu NewYangzi Shipbuilding Co.,Ltd.	695.670.844.400		-	
	695.670.844.400		-	

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức(i)	65.000.000.000	-	-	-
Ông Lê Phong Hiếu (ii)	38.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000
	103.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000
Trong đó: Phải thu về cho vay ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39)	65.000.000.000	-	-	-

- (i) Phản ánh khoản cho vay không có tài sản đảm bảo của Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức – bên liên quan tại ngày 04 tháng 4 năm 2025. Thời hạn cho vay 3 tháng kể từ ngày giải ngân.
- (ii) Phản ánh khoản cho vay ông Lê Phong Hiếu theo các Hợp đồng ký kết từ năm 2020 đến năm 2022, mục đích để bên vay nộp tiền thuế đất 01 lần và thực hiện các thủ tục pháp lý cho Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại phường Tân Phước, thành phố Hồ Chí Minh mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn cho vay 6 tháng, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn và khoản vay được gia hạn nhiều lần. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của ông Hiếu.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, Ông Hiếu đã có đơn xin Công ty gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc cho đến khi chuyển nhượng được Dự án cho đối tác thứ ba, đồng thời, xin miễn toàn bộ nợ lãi.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 0501-2025/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 01 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thống nhất miễn lãi cho giai đoạn từ 01 tháng 4 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và quyết định gia hạn khoản vay đồng thời trích lập dự phòng 100% đối với số dư khoản cho vay này. Trong năm 2025, Công ty không dự thu thêm lãi phát sinh từ khoản cho vay này do đánh giá khoản phải thu đã không có khả năng thu hồi nợ gốc đồng thời Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0501-2026/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 01 năm 2026 phê duyệt việc miễn lãi cho ông Lê Phong Hiếu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến khi thu hồi hoặc xử lý xong khoản nợ.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	80.769.150.000	-
Lãi phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	56.130.904.286	77.338.217.071
Doanh thu tạm tính	13.143.190.073	40.659.531.141
Chi phí tổn thất sự cố tàu HaiAn Dell chờ bồi thường (ii)	13.483.960.480	31.231.275.685
Ký cược, ký quỹ	4.092.138.636	504.277.500
Lãi tiền gửi dự thu	2.205.305.481	73.424.660
Phải thu khác	27.411.509.985	10.275.843.882
	197.236.158.941	160.082.569.939
Trong đó: phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39)	137.784.087.908	77.537.158.866
b. Dài hạn		
Vốn góp cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	86.051.250.000	112.820.400.000
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	84.500.000
	86.125.250.000	112.904.900.000
Trong đó: phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39)	83.333.250.000	112.820.400.000

(i) Phản ánh các khoản phải thu về tiền góp vốn và lãi phải thu theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") để khai thác tàu. Theo các BCC, các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tài sản, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Bên kiểm soát và đồng ý để Bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng. Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng với Công ty TNHH Vận tải biển An Biên về việc điều chỉnh thời hạn thu hồi vốn góp tàu Anbien Bay. Theo đó, thời gian Công ty dự kiến thu hồi vốn góp đầu tư vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh này không muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Số tiền góp vốn và tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ vốn góp	Số tiền	Tỷ lệ vốn góp
	VND			
Góp vốn BCC với Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên - Khai thác tàu An Biên Bay (*)	166.820.400.000	64,00%	112.820.400.000	41,5%
	166.820.400.000		112.820.400.000	

(*) Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con của Công ty đã hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng 51.282.000.000 VND vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư TM tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/ HĐHTKD ký ngày 24 tháng 01 năm 2022 và thanh toán cho đối tác 54.000.000.000 VND. Theo đó tỷ lệ vốn góp của nhóm Công ty vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh này thay đổi tương ứng.

(ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An Dell như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212	199.933.564.212
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI tạm ứng tiền bồi thường	(109.742.507.007)	(109.742.507.007)
Thu hồi phí tổn thất chung từ chủ hàng, chủ container theo phân chia từ Tổng đại lý	(36.386.925.435)	(18.639.610.230)
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Chi phí tổn thất chung nhận phân chia từ Marine Claims Office Of Asia (MCO)	9.679.828.710	9.679.828.710
Số còn lại chờ bồi thường	13.483.960.480	31.231.275.685

Trong năm 2025, Công ty đã thu hồi được số tiền bồi thường là 17.747.315.205 VND. Công ty đang tiếp tục làm việc với Marine Claims Office Of Asian và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI để thu hồi số tiền được bồi thường còn lại.

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ông Lê Phong Hiếu	38.000.000.000	-	38.000.000.000	-
Công ty Navigator Marine Corp	1.966.896.091	-	1.966.896.091	-
Khác	414.861.768	209.604.115	414.861.768	101.978.228
	40.381.757.859	209.604.115	40.381.757.859	101.978.228

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	135.793.297.428	-	81.246.895.392	-
Công cụ, dụng cụ	580.360.741	-	652.145.740	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.873.654.021	-	5.882.817.093	-
	155.247.312.190	-	87.781.858.225	-

Hàng tồn kho chủ yếu là nhiên liệu - dầu tồn trên các tàu.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a. Ngắn hạn	8.856.397.508	26.521.584.408
Chi phí bảo hiểm	6.959.470.571	6.231.949.459
Chi phí đầu nhòn	-	14.334.495.694
Chi phí công cụ, dụng cụ	419.368.086	933.749.735
Các chi phí khác	1.477.558.851	5.021.389.520
b. Dài hạn	620.019.210.119	528.538.204.698
Tiền thuê đất (i)	407.328.816.828	422.276.589.893
Chi phí sửa chữa lên đà tàu	205.732.641.622	95.587.469.864
Chi phí sửa chữa tài sản	1.780.976.346	10.013.416.513
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.030.327.632	256.265.591
Các chi phí khác	1.146.447.691	404.462.837
	628.875.607.627	555.059.789.106

(i) Phản ánh tiền thuê đất như sau:

- Công ty TNHH Pan Hải An – công ty con của Công ty thuê đất diện tích 154.000 m² trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ”) theo Hợp đồng số 05.HĐTD/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư. Thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyễn Cái Mép – công ty con của Công ty thuê đất trả tiền một lần từ ngày 30 tháng 01 năm 2019 đến ngày 04 tháng 5 năm 2061 với diện tích 310.507,9 m². Trong Quý 1 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc xác định giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyễn Cái Mép, theo đó, chi phí trả trước dài hạn được đánh giá điều chỉnh tăng tương ứng.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	541.934.734.084	450.420.411.218	5.232.927.525.406	8.778.254.144	39.919.099.991	6.273.980.024.843
Tăng trong năm	1.615.306.000	16.383.338.374	945.346.622.261	2.522.492.458	-	965.867.759.093
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(25.000.000.000)	-	-	-	-	(25.000.000.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.330.084.208)	(2.832.702.727)	(103.636.364)	-	(29.266.423.299)
Phân loại từ tài sản thuê tài chính	-	25.426.796.295	-	-	-	25.426.796.295
Số dư cuối năm	518.550.040.084	465.900.461.679	6.175.441.444.940	11.197.110.238	39.919.099.991	7.211.008.156.932
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	250.896.964.205	326.340.935.797	1.097.160.241.577	6.697.620.692	26.403.188.231	1.707.498.950.502
Khấu hao trong năm	29.572.136.429	24.260.383.056	466.458.815.736	1.717.467.351	58.537.667	522.067.340.239
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(8.649.789.028)	-	-	-	-	(8.649.789.028)
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.330.084.208)	(1.645.820.325)	(103.636.364)	-	(28.079.540.897)
Phân loại từ tài sản thuê tài chính	-	25.426.796.295	-	-	-	25.426.796.295
Số dư cuối năm	271.819.311.606	349.698.030.940	1.561.973.236.988	8.311.451.679	26.461.725.898	2.218.263.757.111
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	291.037.769.879	124.079.475.421	4.135.767.283.829	2.080.633.452	13.515.911.760	4.566.481.074.341
Số dư cuối năm	246.730.728.478	116.202.430.739	4.613.468.207.952	2.885.658.559	13.457.374.093	4.992.744.399.821

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4.210.604.918.157 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.071.987.162.206 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng và khoản trái phiếu chuyển đổi dài hạn.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 618.002.323.881 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 463.500.511.239 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	-	-
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	25.000.000.000	25.000.000.000
Số dư cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	-	-
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	8.649.789.028	8.649.789.028
Khấu hao trong năm	1.886.562.804	1.886.562.804
Số dư cuối năm	10.536.351.832	10.536.351.832
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	14.463.648.168	14.463.648.168

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất do các bất động sản đầu tư này không được giao dịch thường xuyên trên thị trường.

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	490.768.166.636	490.768.166.636
Tăng trong năm	7.590.000	7.590.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(25.426.796.295)	(25.426.796.295)
Giảm khác	(21.358.360.958)	(21.358.360.958)
Số dư cuối năm	443.990.599.383	443.990.599.383
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	286.114.278.354	286.114.278.354
Khấu hao trong năm	94.253.248.677	94.253.248.677
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(25.426.796.295)	(25.426.796.295)
Giảm khác	(228.238.799)	(228.238.799)
Số dư cuối năm	354.712.491.937	354.712.491.937
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	204.653.888.282	204.653.888.282
Tại ngày cuối năm	89.278.107.446	89.278.107.446

16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.945.015.236	11.268.272.649	16.213.287.885
Tăng trong năm	-	144.000.000	144.000.000
Số dư cuối năm	4.945.015.236	11.412.272.649	16.357.287.885
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.956.648.773	9.397.142.605	12.353.791.378
Khấu hao trong năm	141.286.152	1.109.055.765	1.250.341.917
Số dư cuối năm	3.097.934.925	10.506.198.370	13.604.133.295
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	1.988.366.463	1.871.130.044	3.859.496.507
Số dư cuối năm	1.847.080.311	906.074.279	2.753.154.590

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng với giá trị là 7.533.062.649 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 7.410.912.649 VND).

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	48.516.015.006	20.809.927.916
Mua sắm tài sản cố định	305.152.458	-
	48.821.167.464	20.809.927.916

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 443.835.616 VND (năm trước: 7.459.016.393 VND).

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
KPI OceanConnect HK Limited	45.580.004.378	-
Công ty PT Indofuels Limited	29.588.902.496	32.344.654.089
Công ty Cổ phần Việt Đức	13.148.646.707	6.585.714.085
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	5.419.322.077	2.735.379.436
Công ty TNHH Thương mại Hải Nam Giang	2.964.877.800	239.162.000
Công ty Baseblue (Asia) Limited	-	29.628.553.781
Phải trả cho người bán khác	178.197.283.287	134.059.241.949
	274.899.036.745	205.592.705.340

Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	19.634.851.932	14.730.843.929

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Maersk A/S	-	1.124.194.752
Công ty SeaLead Shipping Pte. Ltd. Singapore	-	4.427.136.675
Khác	4.099.071.887	1.725.775.569
	4.099.071.887	7.277.106.996

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải trả	Số đã nộp/ khấu trừ trong	Số cuối năm
	VND	trong năm	năm	VND
		VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.024.039	226.741.920	150.000.000	43.282.119
Thuế thu nhập cá nhân	17.642.174	17.642.174	-	-
	137.666.213	244.384.094	150.000.000	43.282.119
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	1.508.163.960	240.085.446.190	235.281.480.058	6.312.130.092
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.268.814.483	346.486.618.353	274.197.225.511	172.558.207.325
Thuế thu nhập cá nhân	6.251.710.583	21.902.577.384	23.769.758.516	4.384.529.451
Tiền thuê đất	-	3.690.166.242	3.690.166.242	-
Thuế nhà thầu	-	1.071.665.753	1.071.665.753	-
Thuế phí khác	169.957.435	8.620.064.229	8.076.570.654	713.451.010
	108.198.646.461	621.856.538.151	546.086.866.734	183.968.317.878

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	22.146.743.993	24.049.141.008
Chi phí khai thác tàu	19.287.148.207	11.955.108.412
Chi phí cho đội tàu	776.584.249	1.687.750.000
Chi phí phải trả khác	2.309.659.903	21.166.308.371
	44.520.136.352	58.858.307.791

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cung cấp dịch vụ	8.363.788.243	20.574.777.038
	8.363.788.243	20.574.777.038

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	11.472.278.814	56.179.324.615
Thu hộ SM Line Corporation	32.694.406.123	33.968.063.425
Nhận đặt cọc, ký quỹ ký cược	10.263.073.144	15.143.799.494
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	60.885.600
Phải trả khác	6.417.402.738	3.964.237.332
	60.847.160.819	109.316.310.466
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	12.012.278.814	54.571.730.610
b. Dài hạn		
Vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	259.798.260.000	309.798.260.000
Lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	55.927.559.510	-
	315.725.819.510	309.798.260.000
Trong đó: Phải trả dài hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)	313.823.182.856	259.798.260.000

- (i) Khoản nhận vốn góp và lãi phải trả theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC"), trong đó, Công ty là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Bên kiểm soát và đồng ý để Bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả trong thời gian hiệu lực hợp đồng. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác của hợp đồng là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.

Chi tiết số vốn góp theo các hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Hợp đồng BCC số 66-2019 (tàu Hai An Mind)		Hợp đồng BCC số 68-2020 (tàu Hai An View)		Hợp đồng BCC số 02-2021 (tàu Hai An West)		Hợp đồng BCC số 03-2021 (tàu Hai An Dell)		Hợp đồng BCC số 02-2022 (tàu Hai An Rose)		Hợp đồng BCC số 01-2023 (tàu Hai An Alfa)		Hợp đồng BCC số 48 (tàu Hai An Bell)		Hợp đồng BCC số 0101-2021 (tàu Hai An East)		Hợp đồng BCC số 01-2024 (tàu Hai An Opus)		Tổng cộng
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền										
Vốn góp bởi Công ty	50.000	66,67%	70.000	70,00%	99.000	90,00%	207.000	85,54%	384.260	84,27%	317.631	96,98%	65.000	81,25%	90.000	90,00%	218.527	80,73%	1.501.418
Vốn góp bởi các bên khác	25.000	33,33%	30.000	30,00%	11.000	10,00%	35.000	14,46%	71.740	15,73%	9.885	3,02%	15.000	18,75%	10.000	10,00%	52.173	19,27%	259.798
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000	6,67%	5.000	5,00%	-	-	-	-	8.440	1,85%	9.885	3,02%	-	-	-	-	-	-	28.325
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000	13,33%	10.000	10,00%	11.000	10,00%	10.000	4,13%	21.100	4,63%	-	-	10.000	12,50%	5.000	5,00%	52.173	19,27%	129.273
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	10.000	13,33%	15.000	15,00%	-	-	5.000	2,07%	42.200	9,25%	-	-	5.000	6,25%	5.000	5,00%	-	-	82.200
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	-	-	-	-	-	-	20.000	8,26%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.000
Tổng cộng	75.000	100%	100.000	100%	110.000	100%	242.000	100%	456.000	100%	327.516	100%	80.000	100%	100.000	100%	270.700	100%	1.761.216

Công ty đã mua lại phần vốn góp Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 03-2021/HDHTKD tàu Hai An Dell của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C theo Hợp đồng Chuyển nhượng phần vốn góp ngày 15 tháng 12 năm 2025.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm				Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND				VND		VND	
a. Vay ngắn hạn	71.100.602.075	71.100.602.075	273.552.523.128	209.337.005.823	-	135.316.119.380	135.316.119.380	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (i)	62.000.602.075	62.000.602.075	215.470.483.024	200.237.005.823	-	77.234.079.276	77.234.079.276	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	-	-	58.082.040.104	-	-	58.082.040.104	58.082.040.104	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	9.100.000.000	9.100.000.000	-	9.100.000.000	-	-	-	
b. Vay dài hạn đến hạn trả	356.839.148.099	356.839.148.099	533.328.735.638	401.890.748.102	51.600.000	488.328.735.635	488.328.735.635	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	263.078.678.000	263.078.678.000	261.250.204.000	263.078.678.000	-	261.250.204.000	261.250.204.000	
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	19.800.000.000	-	-	19.800.000.000	19.800.000.000	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	83.540.070.099	83.540.070.099	252.278.531.638	128.540.070.102	-	207.278.531.635	207.278.531.635	
Công ty Pantos Holding Incorporation	10.220.400.000	10.220.400.000	-	10.272.000.000	51.600.000	-	-	
c. Nợ thuê tài chính đến hạn trả	104.381.708.473	104.381.708.473	84.756.643.871	105.383.158.783	3.644.901.252	87.400.094.813	87.400.094.813	
Công ty Cai International, INC	42.878.312.278	42.878.312.278	33.272.761.887	43.424.127.665	913.464.918	33.640.411.418	33.640.411.418	
Công ty Seacube Containers	14.632.674.435	14.632.674.435	18.557.945.420	24.669.503.868	907.538.135	9.428.654.122	9.428.654.122	
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	25.066.265.591	25.066.265.591	22.258.620.384	22.321.835.228	1.163.436.665	26.166.487.412	26.166.487.412	
Công ty Seaco Global Limited	21.804.456.169	21.804.456.169	10.667.316.180	14.967.692.022	660.461.534	18.164.541.861	18.164.541.861	
	532.321.458.647	532.321.458.647	891.637.902.637	716.610.912.708	3.696.501.252	711.044.949.828	711.044.949.828	

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 13 tháng 4 năm 2023 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động, bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ thương mại, bao gồm chi phí thuê xe nâng và xe đầu kéo để khai thác cảng/kho, mua vật tư và thiết bị cho tàu và cảng, chi phí thuê công nhân bên ngoài với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất. Thời hạn duy trì hạn mức tiện ích theo thỏa thuận này là 12 tháng kể từ ngày của thỏa thuận và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn với thời hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01.2025/HĐCVHM/VCB-HAIAN ngày 12 tháng 9 năm 2025 để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định với thời hạn tối đa là 06 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là đến hết ngày 05 tháng 11 năm 2025. Tài sản đảm bảo bao gồm tàu chở container, một số máy móc thiết bị và quyền quản lý, khai thác Dự án cảng Hải An của Công ty và một Công ty con.

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm			Trong năm				Số cuối năm	
	Giá trị	VND		Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	Trả gốc vay	Tăng/giảm khác	VND		
	Số có khả năng trả nợ	Vay mới/phân bổ chi phí phát hành trái phiếu trong năm	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá				Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay dài hạn	1.539.328.133.724	1.539.328.133.724	520.000.000.000	-	410.737.388.102	-	-	1.648.590.745.622	1.648.590.745.622
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	1.060.353.310.180	1.060.353.310.180	-	-	271.976.918.000	-	-	788.376.392.180	788.376.392.180
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	-	-	220.000.000.000	-	-	-	-	220.000.000.000	220.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (i)	468.754.423.544	468.754.423.544	300.000.000.000	-	128.540.070.102	-	-	640.214.353.442	640.214.353.442
Công ty Pantos Holding Incorporation	10.220.400.000	10.220.400.000	-	-	10.220.400.000	-	-	-	-
b. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn (ii)	491.520.030.302	491.520.030.302	1.655.151.636	199.767.920.121	-	-	-	293.407.261.817	293.407.261.817
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	80.000.000.000	80.000.000.000	-	32.000.000.000	-	-	-	48.000.000.000	48.000.000.000
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P	113.000.000.000	113.000.000.000	-	46.000.000.000	-	-	-	67.000.000.000	67.000.000.000
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	167.000.000.000	167.000.000.000	-	68.000.000.000	-	-	-	99.000.000.000	99.000.000.000
Vietnam Growth Investment Fund L.P	140.000.000.000	140.000.000.000	-	57.000.000.000	-	-	-	83.000.000.000	83.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(8.479.969.698)	(8.479.969.698)	1.655.151.636	(3.232.079.879)	-	-	-	(3.592.738.183)	(3.592.738.183)
c. Nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	228.309.543.835	228.309.543.835	-	-	105.383.158.783	(3.127.648.263)	3.088.681.863	122.887.418.652	122.887.418.652
Công ty Cai International, INC	80.810.432.593	80.810.432.593	-	-	43.424.127.665	(1.162.808.890)	1.477.338.344	37.700.834.382	37.700.834.382
Công ty Seacube Containers	59.666.006.929	59.666.006.929	-	-	24.669.503.868	(99.171.224)	(599.444.289)	34.297.887.548	34.297.887.548
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	54.002.254.917	54.002.254.917	-	-	22.321.835.228	(373.822.912)	49.749.445	31.356.346.222	31.356.346.222
Công ty Seaco Global Limited	33.830.849.396	33.830.849.396	-	-	14.967.692.022	(1.491.845.237)	2.161.038.363	19.532.350.500	19.532.350.500
	2.259.157.707.861	2.259.157.707.861	521.655.151.636	199.767.920.121	516.120.546.885	(2.645.148.263)	3.088.681.863	2.064.885.426.091	2.064.885.426.091
Trong đó:									
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	461.220.856.572							575.728.830.448	
- Số phải trả sau 12 tháng	1.797.936.851.289							1.489.156.595.643	

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn (bao gồm vay dài hạn đến hạn trả) như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Số đầu năm Kỳ hạn trả gốc và lãi VND	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	709.304.522.000	961.007.440.000	Thả nổi từng giấy nợ	theo Mua các tàu biển Hải An West, Hải An Dell, Hải An Rose, Hải An Alfa và Hải An Gama	Tài sản hình thành từ vốn vay, bao gồm: tàu biển Hải An West, dự án tàu container Marine Bia (Hải An Dell), dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa) và Dự án tàu container TORO (Hải An Gama).
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	79.071.870.180	99.345.870.180	Thả nổi từng giấy nợ	theo Đầu tư thực hiện Dự án Logistics Pantos - Hải An và tài trợ chi phí đầu tư phương tiện, thiết bị nâng cao năng lực khai thác kho	Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án của công ty TNHH Pan Hải An (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải)
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	640.214.353.442	468.754.423.544	Thả nổi từng giấy nợ	theo Mua các tàu biển Hải An Opus, Hải An Zeta	Tài sản hình thành từ vốn vay, bao gồm: tàu Hải An Opus, tàu Hải An Zeta, tàu Hải An Mind.
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	220.000.000.000	-	Thả nổi từng giấy nợ	theo Mua tàu biển Hải An Iris	Tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm tàu Hải An Iris
Tổng cộng	1.648.590.745.622	1.529.107.733.724			

Chi tiết các hợp đồng vay của các ngân hàng như sau:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng:

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Hợp đồng 01.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09 tháng 4 năm 2021	Mua tàu biển Hải An West, số tiền 85.000.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An West
Hợp đồng 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25 tháng 03 năm 2022	Đầu tư dự án tàu container Marine Bia (Hải An Dell), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An Dell
Hợp đồng 02.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 08 tháng 11 năm 2022	Đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An Rose
Hợp đồng 01.2023/HĐCV/VCB-XDHA ngày 12 tháng 12 năm 2023	Đầu tư Dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa), số tiền 333.788.000.000 VND	96 tháng	Tàu Hải An Alfa
Hợp đồng 01.2024/HĐCV/VCB-XDHA ngày 06 tháng 11 năm 2024	Đầu tư Dự án tàu container Toro (Hải An Gama), số tiền 312.500.000.000 VND	60 tháng	tàu Hải An Gama
Hợp đồng 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12 tháng 9 năm 2018	Đầu tư thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An, số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng	120 tháng	Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải)
Hợp đồng 01.2021/HĐCV/VCB -PANHAIAN ngày 14 tháng 7 năm 2021	Tài trợ chi phí đầu tư phương tiện, thiết bị nâng cao năng lực khai thác kho; số tiền vay tối đa là 13.404.000.000 VND	60 tháng	Tài sản, thiết bị thuộc dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất, quyền khai thác kho bãi hình thành từ dự án, máy móc thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải)

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng:

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Hợp đồng số 1603LAV250115712 ngày 03 tháng 10 năm 2025	Mua tàu biển Hải An Iris, số tiền 220.000.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An Iris

Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội:

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Hợp đồng VHN352782CM ngày 08 tháng 7 năm 2024	Đầu tư dự án tàu container thân Tàu số HCY- 268 (Hải An Opus), số tiền 414.300.000.000 VND	48 tháng	Tàu Hải An Opus, tàu Hải An Mind
Hợp đồng VHN597474CM ngày 18 tháng 2 năm 2025	Đầu tư dự án tàu container 100A1 có tên ATOUT (Hải An Zeta) và số IMO 9354648, số tiền 300.000.000.000 VND	60 tháng	Tàu Hải An Zeta

(ii) Chi tiết trái phiếu chuyển đổi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá trị (VNĐ)</u>	<u>Lãi suất (%/năm)</u>	<u>Kỳ hạn (năm)</u>	<u>Giá trị (VNĐ)</u>	<u>Lãi suất (%/năm)</u>	<u>Kỳ hạn (năm)</u>
<i>Japan South East Asia Finance Fund III L.P</i>	99.000.000.000	6,0	5 năm	167.000.000.000	6,0	5 năm
<i>Vietnam Growth Investment Fund L.P</i>	83.000.000.000	6,0	5 năm	140.000.000.000	6,0	5 năm
<i>Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P</i>	67.000.000.000	6,0	5 năm	113.000.000.000	6,0	5 năm
<i>Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI</i>	48.000.000.000	6,0	5 năm	80.000.000.000	6,0	5 năm
Chi phí phát hành trái phiếu	(3.592.738.183)			(8.479.969.698)		
	293.407.261.817			491.520.030.302		

Trong năm 2024, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho một số nhà đầu tư để đầu tư đóng tàu mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn). Cụ thể:

- Thời điểm phát hành : 02/02/2024
- Kỳ hạn gốc : 05 năm
- Ngày đáo hạn : 02/02/2029
- Số lượng trái phiếu phát hành : 500 trái phiếu
- Mệnh giá : 1.000.000.000 VND/trái phiếu
- Lãi suất : 6%/năm

- Tài sản đảm bảo : Một tàu biển thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – công ty con của tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-CON-002314-2 ngày 04 tháng 7 năm 2017 do Chi cục hàng hải Việt Nam cấp. Tổ chức phát hành cam kết sử dụng một tàu đóng mới thuộc sở hữu của tổ chức phát hành hình thành trong tương lai, được Công ty đặt đóng mới theo Hợp đồng đóng tàu số HC2021-19 ký ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa Công ty và Huanghai Shipbuilding Co.,Ltd (nay là tàu Haian Beta) làm tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai để thay thế cho tài sản bảo đảm tại ngày phát hành ngay sau khi tàu HCY-266 (nay là tàu Haian Beta) đủ điều kiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0203-2025/NQ-HDQT ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu mã HAHH2328001 (mã giao dịch HAH42401) với nội dung như sau:

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Giá chuyển đổi : 23.739 VND/ cổ phiếu
- Số lượng trái phiếu đã đăng ký thực hiện chuyển đổi thành cổ phiếu : 203 trái phiếu
- Giá trị trái phiếu được chuyển đổi : 199.557.132.303 VND
- Tỷ lệ chuyển đổi : 1: 42.124,773579342 (01 Trái phiếu được chuyển đổi thành 42.124,773579342 cổ phiếu)

(iii) Chi tiết nợ thuê tài chính như sau:

<u>Hợp đồng</u>	<u>Tài sản thuê</u>	<u>Giá thuê</u>
HCT-002 ngày 01/11/2019	300 container 40HC	1,99 USD/cont/ngày
HCT-003 ngày 14/04/2021	300 container 40HC	4,19 USD/cont/ngày
HCT-004 ngày 18/01/2022	200 container 20 Dry Standard và 300 container 40 Dry High Cube	2,4 USD/cont/ngày và 4,07 USD/cont/ngày
Công ty CAI International, Inc		
HAIN-550 ngày 12/05/2021	300 container 20DC và 200 container 40HC	2,33 USD/cont/ngày và 3,95 USD/cont/ngày
Công ty Seaco Global Limited		
182972 ngày 01/01/2021	300 container 20 Box Standard và 200 container 40HC	2,45 USD/cont/ngày và 4,17 USD/cont/ngày
Công ty Seacube Containers LLC		
Thỏa thuận ngày 12/11/2020 và phụ lục số HATS001 ngày 16/04/2021	300 container 20DC và 300 container 40HC	1,81 USD/cont/ngày và 3,11 USD/cont/ngày
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		
HĐMTTTC/SAOAD.C-HACT ngày 01/04/2022	400 container 40HC (BW4) và 200 container 20 Box Standard (BX2)	4,52 USD/cont/ngày và 2,65 USD/cont/ngày

Các hợp đồng đều có thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont. Công ty đánh giá khả năng thực hiện quyền mua lại là chắc chắn tại cuối thời điểm hợp đồng thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	575.728.830.448	461.220.856.572
Trong năm thứ hai	758.962.642.985	541.354.811.003
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	687.929.352.658	1.172.052.840.286
Sau năm năm	42.264.600.000	84.529.200.000
	2.064.885.426.091	2.259.157.707.861
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	575.728.830.448	461.220.856.572
Số phải trả sau 12 tháng	1.489.156.595.643	1.797.936.851.289

26. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	77.835.593.255	36.928.258.603	(7.114.573.148)	107.649.278.710
Quỹ Hội đồng quản trị	37.279.044.434	19.550.000.000	(2.665.680.000)	54.163.364.434
	115.114.637.689	56.478.258.603	(9.780.253.148)	161.812.643.144

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Trình bày lại)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.055.168.810.000	191.640.648.159	663.573.756.537	750.545.194.154	509.817.392.833	3.170.745.801.683
Mua công ty con trong năm	-	-	-	-	43.479.759.584	43.479.759.584
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	650.499.312.067	149.726.899.397	800.226.211.464
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	158.262.100.000	-	-	(158.262.100.000)	-	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	1.241.637.200	(1.241.637.200)	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(6.159.845.000)	(6.159.845.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	155.058.200.000	(155.058.200.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	(35.742.218.600)	(856.781.400)	(36.599.000.000)
Số dư cuối năm trước	1.213.430.910.000	191.640.648.159	818.631.956.537	1.053.223.624.821	694.765.788.214	3.971.692.927.731



	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Trình bày lại)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	1.213.430.910.000	191.640.648.159	818.631.956.537	-	1.053.223.624.821	769.081.501.522	4.046.008.641.039
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu (i)	85.513.270.000	114.043.862.303	-	-	-	-	199.557.132.303
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.206.512.800.982	194.382.355.865	1.400.895.156.847
Nhận chuyển nhượng vốn góp tại công ty con từ cổ đông không kiểm soát	-	-	5.496.308.103	-	13.284.152.068	(41.280.460.171)	(22.500.000.000)
Tăng vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế (ii) (iii)	389.667.940.000	-	(130.264.570.862)	404.250.000.000	(663.653.369.138)	-	-
Chia cổ tức, phân phối lợi nhuận trong năm (iii)	-	-	-	-	(129.894.418.000)	(26.989.675.000)	(156.884.093.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (iv)	-	-	97.639.301.406	-	(97.639.301.406)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị (iv)	-	-	-	-	(53.738.967.202)	(2.739.291.401)	(56.478.258.603)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(8.824.901.968)	(6.970.920.108)	(15.795.822.076)
Số dư cuối năm nay	1.688.612.120.000	305.684.510.462	791.502.995.184	404.250.000.000	1.319.269.620.157	885.483.510.707	5.394.802.756.510

- (i) Theo Nghị quyết HĐQT số 0203-2025/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 3 năm 2025, Công ty đã tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu với giá chuyển đổi 23.739 VND/cổ phiếu. Công ty hoàn thành việc chuyển đổi cổ phiếu vào ngày 20 tháng 3 năm 2025.
- (ii) Theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 02/BB-HĐTV, Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – công ty con của Công ty đã thống nhất sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu với tổng số vốn được tăng thêm 700 tỷ VND, trong đó, số vốn tăng thêm tương ứng sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Vận tải Container Hải An là 404 tỷ VND. Các phương án tăng vốn này đã được hoàn thành trong năm.
- (iii) Trong năm Nhóm công ty đã hoàn thành việc phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông/thành viên góp vốn không kiểm soát với số tiền lần lượt là 129.894.418.000 VND và 26.989.675.000 VND theo các Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, Nghị quyết Hội đồng thành viên và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị tương ứng. Đồng thời Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cũng đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu với số tiền 389.683.250.000 VND. Nhóm Công ty đã hoàn thành các phương án chi trả cổ tức này trong năm.
- (iv) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty và Nghị Quyết Hội đồng thành viên của một số công ty con, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty và Hội đồng thành viên của một số công ty con đã thông qua phương án trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là khai thác tàu, khai thác cảng và một số hoạt động khác (bao gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...). Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là liên quan đến hoạt động khai thác tàu, khai thác cảng và các hoạt động khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

29.1 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Năm nay	Hoạt động khai	Hoạt động khai	Các lĩnh vực khác	Tổng cộng
	thác tàu	thác cảng		VND
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.165.185.571.728	336.368.474.499	589.523.320.527	5.091.077.366.754
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.165.185.571.728	336.368.474.499	589.523.320.527	5.091.077.366.754
Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.353.407.374.216	270.641.857.434	502.306.723.590	3.126.355.955.240
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.811.778.197.512	65.726.617.065	87.216.596.937	1.964.721.411.514
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(147.242.539.101)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.817.478.872.413
Doanh thu hoạt động tài chính				51.903.209.011
Chi phí tài chính				(147.423.062.381)
Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh				26.204.740.541
Thu nhập khác				8.052.656.022
Chi phí khác				(32.679.926.741)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(322.641.332.018)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.400.895.156.847
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	1.001.161.018.928	6.456.183.202	3.218.423.756	1.010.835.625.886
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	667.072.410.994	32.048.179.174	41.587.586.032	740.708.176.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Năm trước	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Tổng cộng
	VND	VND		VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.192.001.367.727	262.419.743.046	537.673.846.390	3.992.094.957.163
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.192.001.367.727	262.419.743.046	537.673.846.390	3.992.094.957.163
Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.226.583.197.540	173.160.618.611	325.645.496.978	2.725.389.313.129
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	965.418.170.187	89.259.124.435	212.028.349.412	1.266.705.644.034
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(210.539.354.371)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.056.166.289.663
Doanh thu hoạt động tài chính				24.555.047.728
Chi phí tài chính				(118.622.192.215)
Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh				18.337.092.110
Thu nhập khác				7.630.036.114
Chi phí khác				(10.777.253.014)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(177.062.808.922)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				800.226.211.464
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	2.151.785.348.457	30.984.072.152	13.788.504.964	2.196.557.925.573
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	500.567.753.481	29.319.097.765	33.927.800.165	563.814.651.411

29.2 Bảng cân đối kế toán

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối Năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	6.781.128.975.540	350.327.733.405	776.240.879.502	7.907.697.588.447
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				805.917.379.411
Tổng tài sản				8.713.614.967.858
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.639.067.859.699	247.564.509.048	200.679.704.764	3.087.312.073.511
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				231.500.137.837
Tổng nợ phải trả				3.318.812.211.348
Số đầu Năm (trình bày lại)				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	5.226.860.853.609	454.829.043.802	843.677.821.057	6.525.367.718.468
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				838.472.563.833
Tổng tài sản				7.363.840.282.301
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.766.425.035.948	143.068.795.397	230.141.425.279	3.139.635.256.624
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				178.196.384.638
Tổng nợ phải trả				3.317.831.641.262

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận bảo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

30. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	4.165.185.571.728	3.192.001.367.727
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	336.368.474.499	262.419.743.046
Doanh thu hoạt động khác	589.523.320.527	537.673.846.390
	5.091.077.366.754	3.992.094.957.163
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39)	223.511.711.774	122.945.984.529

31. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động khai thác tàu	2.353.407.374.216	2.226.583.197.540
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	270.641.857.434	173.160.618.611
Giá vốn hoạt động khác	502.306.723.590	325.645.496.978
	3.126.355.955.240	2.725.389.313.129

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	924.796.933.951	975.260.071.763
Chi phí nhân công	537.872.367.073	359.999.081.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định, tài sản thuê tài chính	588.365.740.770	457.172.304.973
Chi phí mua ngoài	983.190.098.829	843.865.818.437
Chi phí bằng tiền khác	239.373.353.718	299.631.391.199
	3.273.598.494.341	2.935.928.667.500

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.553.760.000	6.337.772.498
Lãi tiền gửi	16.997.082.157	6.877.343.153
Lãi tiền cho vay	2.969.919.027	3.769.617.724
Lãi chênh lệch tỷ giá	24.382.447.827	7.570.314.353
	51.903.209.011	24.555.047.728
Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39)	10.242.036.713	2.953.760.000

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	131.358.274.612	101.192.550.766
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.444.363.818	1.373.319.648
Lỗi chênh lệch tỷ giá	14.620.423.951	16.056.321.801
	147.423.062.381	118.622.192.215

35. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	106.881.774.961	101.267.919.980
Chi phí vật liệu văn phòng	4.158.352.718	4.751.424.303
Chi phí khấu hao tài sản (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	4.030.710.738 (2.814.308.868)	9.688.811.424 38.252.945.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.939.765.540	12.392.857.261
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	23.046.244.012	44.185.395.875
	147.242.539.101	210.539.354.371

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	322.641.332.018	177.062.808.922
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	322.641.332.018	177.062.808.922

Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	322.641.332.018	177.062.808.922
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	78.682.595.903	41.446.548.880
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên kiểm soát hợp tác kinh doanh nộp hộ	(54.837.309.568)	(43.798.810.409)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	346.486.618.353	174.710.547.393

Hoạt động khai thác cảng của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An

Đối với thu nhập phát sinh từ Hoạt động khai thác cảng của Công ty, Công ty được miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023) và được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008. Năm 2023 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp và kể từ năm 2024, Công ty nộp thuế

thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành, trong đó, năm 2025 là năm cuối cùng Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10%.

Hoạt động của Công ty TNHH Pan Hải An – Công ty con của Công ty

Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 04 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế tính từ năm thứ tư (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033). Năm 2025 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Các hoạt động khác

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại) (ii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	1.206.512.800.982	650.499.312.067
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Hội đồng Quản trị (VND) (i)	(65.851.915.859)	(45.617.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.140.660.885.123	604.882.312.067
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	167.010.377	160.311.416
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>6.830</u>	<u>3.773</u>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2025 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, và thù lao của Hội đồng Quản trị. Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng quản trị được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt là 4% và 3% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm 2024.

(ii) Số liệu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho năm 2025 theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh so với số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	650.499.312.067	-	650.499.312.067
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Hội đồng Quản trị (VND)	(45.617.000.000)	-	(45.617.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	604.882.312.067	-	604.882.312.067
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	121.343.091	38.966.794	160.309.885
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.985	(1.212)	3.773

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân được trình bày trong năm như sau:

	Năm nay cổ phiếu	Năm trước cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	121.343.091	105.516.881
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong năm 2025	6.700.492	-
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2024	38.966.794	38.966.794
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2023	-	15.826.210
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	167.010.377	160.309.885

38. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	1.206.512.800.982	650.499.312.067
Điều chỉnh ảnh hưởng chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	19.000.027.737	29.273.529.680
Ảnh hưởng của thuế TNDN hoãn lại	(3.800.005.547)	(5.854.705.936)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Hội đồng Quản trị (VND)	(65.851.915.859)	(45.617.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.155.860.907.313	628.301.135.811
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	121.343.091	105.516.881
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	6.700.492	-
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2024	38.966.794	38.966.794
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2023	-	15.826.210
Số lượng cổ phiếu tiềm năng chuyển đổi (i)	10.879.121	18.315.018
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	177.889.498	178.624.903
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	6.498	3.517

(i) Số lượng cổ phiếu tiềm năng chuyển đổi được tính theo giá chuyển đổi trái phiếu với giá 27.300 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0612-2023/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 12 năm 2023.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	Cùng thành viên chủ chốt (đến ngày 20 tháng 3 năm 2025) Cổ đông lớn (từ ngày 14 tháng 4 năm 2025)
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng xanh	Cùng thành viên chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	223.511.711.774	122.945.984.529
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	128.984.275.059	88.530.508.603
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	30.592.973.100	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	32.886.820.985	26.282.654.931
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	20.182.121.986	125.085.927
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	10.864.300.644	8.007.735.068
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng xanh	1.220.000	-
Chi phí cung cấp dịch vụ	98.500.317.063	80.740.302.629
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	55.906.573.265	38.743.256.021
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	34.638.610.977	36.198.217.191
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	7.912.489.561	5.743.443.417
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	42.643.260	55.386.000
Chi phí quản lý	4.653.224.289	3.655.448.323
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	4.653.224.289	3.655.448.323
Chia lợi nhuận BCC	115.224.338.778	61.241.066.921
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	62.540.254.375	30.974.503.963
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	35.091.385.732	21.050.709.440
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	13.817.472.212	8.357.231.716
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	3.775.226.459	858.621.802
Lợi nhuận BCC chuyển về được nhận	25.111.288.674	73.753.836.670
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	25.111.288.674	73.753.836.670
Lợi nhuận chuyển về được nhận	7.553.760.000	2.953.760.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	6.000.000.000	1.400.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.553.760.000	1.553.760.000

	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	2.688.276.713	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	2.688.276.713	-
Góp vốn	400.000.000.000	-
Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines	400.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	35.635.372.675	30.890.246.453
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	24.491.254.257	20.540.265.877
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	5.109.125.610	5.582.920.100
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	3.716.030.588	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	1.741.330.220	1.811.015.156
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	577.632.000	2.956.045.320
Phải thu về cho vay ngắn hạn	65.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	65.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	137.784.087.908	77.537.158.866
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	136.900.054.286	77.338.217.071
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	810.972.603	-
Các khoản chi hộ khác	73.061.019	198.941.795
Phải thu dài hạn khác	83.333.250.000	112.820.400.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	83.333.250.000	112.820.400.000
Phải trả người bán ngắn hạn	19.634.851.932	14.730.843.929
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	11.286.771.887	7.530.514.596
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	7.734.806.276	6.711.188.590
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	359.462.009	489.140.743
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	253.811.760	-
Phải trả ngắn hạn khác	12.012.278.814	54.571.730.610
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	6.169.028.049	24.623.789.454
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.303.250.765	21.050.709.440
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	-	8.357.231.716
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	540.000.000	540.000.000
Phải trả dài hạn khác	313.823.182.856	259.798.260.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	153.801.862.864	129.273.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	97.878.587.780	82.200.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	42.142.732.212	28.325.260.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	20.000.000.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

Đơn vị: VND

Năm nay					
Tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Tổng
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2.575.352.000	1.130.900.000	120.000.000	3.826.252.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.719.411.760	875.900.000	120.000.000	2.715.311.760
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.236.680.000	617.158.485	120.000.000	1.973.838.485
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	1.138.527.840	536.100.000	-	1.674.627.840
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	879.196.800	452.500.000	-	1.331.696.800
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	120.000.000	120.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	120.000.000	120.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	120.000.000	120.000.000	240.000.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	80.000.000	120.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng Ban Kiểm soát	72.000.000	95.500.000	60.000.000	227.500.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên Ban Kiểm soát	-	60.000.000	60.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát	-	40.000.000	60.000.000	100.000.000
Cộng		7.621.168.400	4.248.058.485	1.020.000.000	12.889.226.885

Năm trước					
Tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Tổng
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.810.269.966	1.628.224.000	120.000.000	3.558.493.966
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.405.640.691	1.417.710.900	120.000.000	2.943.351.591
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Phó Tổng Giám đốc	970.293.600	1.030.749.844	120.000.000	2.121.043.444
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	90.000.000	120.000.000	210.000.000
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	50.000.000	120.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	50.000.000	120.000.000	170.000.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ 26/04/2024)	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến 26/04/2024)	-	50.000.000	100.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	176.089.000	60.000.000	296.089.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên Ban kiểm soát	-	37.000.000	60.000.000	97.000.000
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên Ban kiểm soát (đến 26/04/2024)	-	18.000.000	50.000.000	68.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát (từ 26/04/2024)	-	-	10.000.000	10.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	947.715.935	742.257.000	-	1.689.972.935
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	732.418.411	698.357.923	-	1.430.776.334
Cộng		5.926.338.603	5.988.388.667	1.020.000.000	12.934.727.270

40. CAM KẾT VỐN

Mua tàu

Công ty và các công ty con có các cam kết vốn trong tương lai để mua các tàu mới nhằm hình thành tài sản cố định. Số tiền tương ứng với các cấu phần đã ký hợp đồng mua bán nhưng chưa triển khai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là khoảng 4.019 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND).

Đầu tư dự án

Nhóm Công ty cam kết vốn trong tương lai để thực hiện Dự án Bãi Container và Dịch vụ Cảng theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5250581371 điều chỉnh lần thứ 2 ngày 16 tháng 11 năm 2022. Số tiền tương ứng với các cấu phần đăng ký đầu tư nhưng chưa triển khai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là khoảng 155 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 155 tỷ VND).

41. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0201-2026/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 01 năm 2026 thông qua việc góp thêm 140.000.000.000 VND để tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Hải An Greenshipping Lines.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Vũ Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 02 năm 2026

